Ngày giảng: Ngày 8 tháng 9 năm 2020

**Tuần 1:**

**Tiết 1,2: ÔN TẬP**

**A. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm, yêu cầu và cách thức tiến hành các thao tác: phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận.

- Yêu cầu và cách thức tóm tắt văn bản nghị luận.

- Yêu cầu và cách thức viết tiểu sử tóm tắt và bản tin.

**2. Kĩ năng**: Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận xã hội, nghị luận văn học.

**3. Thái độ:** Biết vận dụng kiến thức vào văn bản nghị luận

**B. Nội dung ôn tập**

**1. Các đặc điểm thao tác phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận**

***a) Thao tác lập luận phân tích***

**- Ghi nhớ:** là chia nhỏ đối tượng thành các yếu tố bộ phận để xem xét nội dung, hình thức và mối quan hệ bên trong cũng như bên ngoài của chúng, rồi khái quát, phát hiện ra bản chất của đối tượng.

- Bản chất của thao tác phân tích trong văn nghị luận là luôn gắn liền với tổng hợp.

**- Mục đích**: của thao tác phân tích là: làm rõ đặc điểm nội dung, hình thức, cấu trúc và các mối quan hệ bên trong, bên ngoài của đối tượng.

**- Yêu cầu**: của một thao tác lập luận phân tích:

+ Xác định vấn đề phân tích.

+ Chia vấn đề thành những khía cạnh nhỏ.

+ Khái quát tổng hợp.

***\* Cách phân tích***

- Cần dựa trên những tiêu chí, quan hệ nhất định: Quan hệ giữa các yếu tố tạo nên đối tượng, quan hệ nhân quả, quan hệ giữa đối tượng với các đối tượng liên quan, quan hệ giữa người phân tích với đối tượng phân tích.

- Phân tích cần đi sâu vào từng mặt, từng bộ phận nhưng cần lưu ý đến quan hệ giữa chúng với nhau, cần khái quát để rút ra bản chất chung của đối tượng.

***b) Thao tác lập luận so sánh***

**- Ghi nhớ:** So sánh là đối chiếu 2 sự vật, hiện tượng, để thấy được sự giống và khác nhau giữa 2 sự vật, hiện tượng ấy. Có 2 kiểu so sánh: Tương đồng (chỉ ra những nét giống nhau) và tương phản (chỉ ra những nét khác nhau).

***- Mục đích:*** là làm sáng rõ đối tượng đang nghiên cứu trong tương quan với đối tượng khác.

***- Yêu cầu của so sánh***: Khi so sánh phải đặt các đối tượng vào cùng một bình diện, đánh giá trên cùng một tiêu chí mới thấy được sự giống và khác nhau giữa chúng, đồng thời phải nêu rõ ý kiến của người viết.

***c) Thao tác lập luận bác bỏ***

**- Ghi nhớ** : Lập luận bác bỏ là dùng lý lẽ, dẫn chứng đúng đắn, mang tính khoa học để chỉ rõ những sai lầm lệch lạc, thiếu khoa học của một quan điểm, ý kiến nào đó. Nói một cách ngắn gọn, lập luận bác bỏ là dùng thao tác bác bỏ trong bài văn nghị luận.

**- Mục đích:**Trao đổi lại, tranh luận lại để chỉ ra những luận điểm, luận cứ và ý kiến sai nhằm khẳng định lại tính đúng đắn của vấn đề.

**- Yêu cầu:**

- Nắm chắc những sai lầm, lệch lạc trong quan điểm, ý kiến của người khác.

- Đưa ra những dẫn chứng, lý lẽ thuyết phục, mang tính khoa học.

- Kiên định khi bác bỏ với thái độ thẳng thắn, khách quan.

***d) Thao tác lập luận bình luận***

**- Ghi nhớ:** Bình luận là bàn bạc đánh giá về sự đúng sai, thật giả, lợi hại của các hiện tượng đời sống như ý kiến, chủ kiến, việc làm.

**- Mục đích:** Là đánh giá ( xác định phải trái, đúng sai, hay dở) và bàn bạc (trao đổi ý kiến) về một hiện tượng,vấn đề trong đời sống hoặc trong văn học

**- Yêu cầu:**

+ Trình bày rõ ràng, trung thực vấn đề được bình luận.

+ Lập luận để khẳng được nhận xét, đánh giá của mình là đúng đắn.

+ Bàn bạc, mở rộng vấn đề một cách sâu sắc và có sức thuyết phục.

**2. Nội dung ôn tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1:** Kết hợp các thao tác lập luận thích hợp để viết đoạn văn với đề bài sau: *“Lí tưởng là nguồn sáng và sức mạnh trong đời.”*  **Bài 2:** Kết hợp các thao tác lập luận thích hợp để viết đoạn văn với đề bài sau:  *“Nhà thơ Anh Brao – ninh nói: “Nếu tước bỏ tình yêu thì trái đất sẽ trở thành nấm mồ”*  **Bài 3:** Kết hợp các thao tác lập luận thích hợp để viết đoạn văn với đề bài sau: *“Con người không thể thiếu bạn”*  **Bài 4:** Kết hợp các thao tác lập luận thích hợp để viết đoạn văn với đề bài sau: Tình cảm ruột thịt giữa cha mẹ và con cái là tình cảm tự nhiên nhất, chân thành nhất và thiêng liêng nhất. | **\* Gợi ý bài tập**  - Dẫn dắt tới vấn đề cần nghị luận  - Giải thích “Lí tưởn”g là gì? Là niềm tin, là điều con người tôn thờ... và luôn khao khát hướng tới để đạt được.  - “nguồn sáng” là gì? Là thứ soi rọi cho con người, lí tưởng là nguồn sáng vì nó chỉ cho con người con đường họ phải đi để đạt được lí tưởng. Lí tưởng là “nguồn sáng” vì nó chỉ cho con người con đường họ phải đi để đạt được mục đích, và đó là con đường sáng - con đường thiện.  - Lí tưởng là sức mạnh vì nó tạo ra động lực, thúc đẩy, động viên con người hành động để đạt được mục đích  - Vai trò, ý nghĩa của lí tưởng sống (Tại sao cần có lí tưởng sống?):  + Con người sống có lí tưởng luôn biết rõ con đường mình phải đi, không bị cám dỗ, níu kéo bởi những lợi ích tầm thường, hèn kém.  + Chúng ta có nghị lực và niềm tin trong cuộc đời, biết sống thế nào cho có ý nghĩa, sống thế nào cho đáng sống, sống cho có ích.  + Lí tưởng sống có vai trò quyết định tương lai của mỗi người.  + Nếu không có lí tưởng chúng ta sẽ không xác định được cho bản thân mình một phương hướng kiên định.  + Khi có lí tưởng sống chúng ta sẽ có niềm tin vươ lên đề hoàn thành ước mơ, khát vọng.  - Dẫn chứng: Lí tưởng cộng sản soi sáng con đường đấu tranh của biết bao anh hùng cách mạng, giúp họ vượt chông gai, thử thách... VD: Hồ Chí Minh  - Phản đề: Phê phán những người không có lí tưởng sống, sống trong vỏ ốc, tự tin, không có niềm tin và hoài bão... Nếu tuổi trẻ sống không có lí tưởng sẽ lười học, nhác lao dộng, sẽ sớm nhiễm phải những tệ nạn xã hội như ăn chơi đua đòi, cờ bạc, rượu chè, nghiện ma túy, cướp bóc… Những học sinh “cá biệt’' trong nhà trường hiện nay chú yếu là do cách sống buông thả, sống không có lí tưởng.  - Liên hệ: lí tưởng của bản thân, lí tưởng thế hệ trẻ ngày nay và khẳng định câu nói là đúng.  **\* Gợi ý bài tập**  - Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận  - Giải thích tình yêu là gì? Tình yêu là tình cảm yêu thương, quan tâm, chia sẻ,... giữa con người với con người  - “Nấm mồ” biểu tượng cho sự hoang tàn, chết chóc, tăm tối,...  -Ý nghĩa câu nói: Không có tình yêu thế giới sẽ vô cùng tẻ nhạt, buồn thảm, tăm tối.  -Tại sao lại như vậy? Tình cảm, sự yêu thương là thứ gắn kết con người với con người, tình yêu là cơ sở vững chắc của đời sống tinh thần, không có tình yêu sẽ không còn tình người, chỉ còn lại sự lạnh nhạt, hờ hững, buồn tẻ.  - Liên hệ: rút ra bài học, cần biết yêu thương, chia sẻ với người thân, bạn bè, đồng loại vì “Người với người sống để yêu nhau” (Tố Hữu)  (Bạn cần giải thích rõ nghĩa tình yêu theo nghĩa rộng, nghĩa hẹp. Lý giải câu nói của tác giả có nghĩa là gì, biểu hiện…)  **\* Gợi ý bài tập**  - “Bạn” là những người như nào? Người cùng ta chia sẻ vui buồn, giúp đỡ động viên ta.  - Tại sao “con người...bạn”? Vì con người không thể sống cô đơn, cô độc, làm mọi thứ một mình; được lắng nghe và được chia sẻ trở thành một nhu cầu không thể thiếu.  - So sánh: người không có bạn: tẻ nhạt, buồn bã, cô độc; Người có bạn, tình bạn giúp con người sống tốt hơn, làm tốt hơn “giàu vì bạn” như Bá Nha và Chung Tử Kỳ  - Liên hệ: chọn bạn mà chơi, tự xây dựng cho mình một tình bạn đẹp.  **\* Gợi ý bài tập**  - Quan hệ huyết thống giữa cha mẹ và con cái được hình thành như một lẽ tất yếu của đời sống con người. Cha mẹ mong chờ con cái với tất cả khát khao và mong ước  -Tình cảm được hình thành tự nhiên, mang nhiều ân nghĩa: Ơn mẹ mang nặng đẻ đau chín tháng mười ngày, ơn cha sinh thành dưỡng dục...  -Tình cảm giữa cha mẹ và con cái là tình cảm chân thành, tự nhiên, không hề vụ lợi, con lớn lên bằng tình yêu thương, sự hi sinh của cha mẹ, cha mẹ lấy con làm nguồn vui sống...  - Liên hệ, rút ra bài học: Yêu quý, trân trọng cha mẹ, gia đình... |

Ngày giảng: ngày 15 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 2**

Tiết 3:

**KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐỀN THẾ KỈ XX**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:Một số nét tổng quát về các chặng đường phát triển, những thành tựu chủ yếu và những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ CMTT năm 1945 đến năm 1975.

**2. Kĩ năng** : Rèn luyện năng lực tổng hợp, khái quát, hệ thống hoá các kiến thức đã học về VHVN từ CMTT năm 1945 đến hết thế kỉ XX

**3.Thái độ**: Có quan điểm lịch sử, quan điểm toàn diện khi đánh giá văn học thời kì này; không khẳng định một chiều mà cũng không phủ nhận một cách cực đoan.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Thời đại nào thì văn học ấy. Vậy VHVN từ CMTT 1945 đến 1975 đã tồn tại và phát triển trong những điều kiện, lịch sử, xã hội và văn hóa như thế nào?  **Câu 2:** Văn học Việt Nam 19-15 - 1975 chia làm mấy chặng đường? Gồm những giai đoạn nào? Nêu những thành tựu chủ yếu của mỗi chặng đường. | **-** Hs trình bày  **-** Hs trả lời | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - CMTT thành công đã mở kỉ nguyên mới cho dân tộc, khai sinh một nền văn học mới gắn liền với lí tưởng độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.  - Đường lối văn nghệ của Đảng, sự lãnh đạo của Đảng là một nhân tố quan trọng đã tạo nên một nền văn học thống nhất.  - Hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ kéo dài suốt 30 năm đã tạo nên những đặc điểm và tính chất riêng của nền văn học hình thành và phát triển trong điều kiện chiến tranh lâu dài và vô cùng ác liệt.  - Nền kinh tế còn nghèo và chậm phát triển.  - Giao lưu văn hoá hạn chế, chủ yếu tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của văn hóa các nước XHCN (Liên Xô, Trung Quốc).  **Câu 2:** Văn học Việt Xam 1945 - 1975 phát triển qua ba giai đoạn:  **a. 1945 - 1954**  -   Chủ đề bao trùm trong những ngày đầu đất nước vừa giành được độc lập (1845 - 1946) là ca ngợi Tổ Quốc và quần chúng cách mạng. Những tác phẩm tiêu biểu: Dân khí miền Trung (Hoài Thanh), Huế tháng Tám, bất tuyệt (Tố Hữu), Ngọn quốc kì, Hội nghị non sông (Xuân Diệu) Tình sông núi (Trần Mai Ninh)...  -   Sau năm 1946, văn học tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp: gắn bó sâu sắc với đời sống cách mạng và kháng chiến; hướng tới đại chúng, phản ánh sức mạnh của quần chúng nhân dân, thế hiện niềm tự hào dân tộc và niềm tin vào tương lai tất thắng của cuộc kháng chiến.  -  Các thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, thơ, kịch, lí luận, nghiên cứu và phê bình văn học,... đều đạt được những thành tựu mới. Có thể kể tên một số tác phẩm tiêu biểu: (Đôi mắt (Nam Cao), Làng (Kim Lân), Vùng mỏ (Vò Huy Tâm), Xung kích (Nguyễn Đình Thi), Đất nước đứng lên (Nguyên Ngọc), tập truyện Truyện Tây Bắc (Tô Hoài), tập thơ Việt Bắc (Tố Hữu), các bài thơ kháng chiến của Hồ Chí Minh: Cảnh khuya, Nguyên tiêu, Báo tiệp... Tây tiến (Quang Dũng), Đồng chí (Chính Hữu), Bản báo cáo Chủ nghĩa Mác -  và vấn đề văn hoá Việt Nam (Trường Chinh).  **b. 1955 - 1964**  -   Chúng ta vừa tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc vừa đấu tranh thống nhất đất nước. Văn học tập trung thể hiện hình ảnh người lao động, ca ngợi những đổi thay của đất nước và con người mới trong bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội đồng thời thể hiện tình cảm sâu nặng với miền Nam ruột thịt, nói lên nỗi đau chia cắt và thể hiện ý chí thống nhất đất nước.  -  Văn học đạt được nhiều thành tựu trên cả ba thể loại:  + Văn xuôi mở rộng đề tài, bao quát được khá nhiều vấn đề, nhiều phạm vi hiện thực đời sống.  + Thơ phát triển mạnh mẽ với nhiều cảm hứng lớn từ đất nước, dân tộc trong sự hài hoà giữa cái riêng và cái chung và đã có nhiều thành tựu nổi bật.  + Kịch đã có những tác phẩm được dư luận chú ý như: Một đảng viên (Học Phi), Ngọn lửa (Nguyễn Vũ), Quẫn (Lộng Chương), Chị Nhàn và Nổi gió (Đào Hồng Cẩm)...  **c. 1965 - 1975**  Toàn bộ nền văn học của cả hai miền Nam, Bắc tập trung vào cuộc chiến đấu chống Mĩ cứu nước với chủ đề bao trùm là ca ngợi tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng.  -  Ở tiền tuyến lớn miền Nam, những tác phẩm viết trong máu lửa của chiến tranh đã phản ánh nhanh nhạy và kịp thời cuộc chiến đấu của quân dân miền Nam anh dũng. Văn học thành công với những tác phẩm văn xuôi của Nguyễn Thi, Nguyễn Trung Thành, Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng, Trần Hiếu Minh, Phan Tứ, thơ của Lê Anh Xuân, Nguyễn Khoa Điềm, Giang Nam, Thanh Hải...  -  Ở miền Bắc phải kể đến những tác phẩm truyện kí của Nguyễn Tuân, Nguyễn Thành Long, Nguyễn Kiên, Nguyên Khải, Nguyễn Minh Châu, Hữu Mai, Chu Văn... và nhiều tập thơ của Tố Hữu, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, Xuân Diệu, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy, Xuân Quỳnh, Bằng Việt, Chính Hữu... Các tác phẩm của các nhà thơ đã phản ánh chân thực, sinh động đời sống chiến trường, sự ác liệt, những hi sinh, tổn thất... trong chiến tranh. Đặc biệt, họ đã dựng nên bức chân dung tinh thần của cả một thế hệ trẻ chống Mĩ. Họ đă đem đến cho nền thơ Việt Nam một tiếng thơ mới mẻ, trẻ trung, sôi nổi.  -   Kịch chống Mĩ cũng có những thành tựu với nhiều tác phẩm đáng ghi nhận đã tạo được tiếng vang lúc bấy giờ như: Quê hương Việt Nam, Thời tiết ngày mai (Xuân Trình); Đại đội trưởng của tôi (Đào Hồng cẩm); Đôi mắt (Vũ Dung Minh)...  -   Nhiều công trình nghiên cứu, lí luận phê bình ra đời và có giá trị, tiêu biểu là những công trình của Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Xuân Diệu, Chế Lan Viên...  **d. Đánh giá những thành tựu chủ yếu của văn học giai đoạn 1945 - 1975**  -  Dựng lên được hình tượng những con người mới trong lao động sản xuất và chiến đấu.  -  Ca ngợi công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà; ca ngợi sự đổi thay của đất nước và con người cùng tinh thần lạc quan, tin tưởng.  -  Ca ngợi tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng; khơi dậy được tinh thần yêu nước của toàn dân.  -  Nhiều tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao biểu hiện sự tìm tòi cách thể hiện mới và cách tân, đánh dấu một bước tiến mới của nền thơ Việt Nam hiện đại: tập trung thể hiện cuộc ra quân của toàn dân tộc, khám phá sức mạnh của con người Việt Nam; khái quát tầm vóc dân tộc trong thời đại mới, tăng cường chất suy tư chính luận, tạo âm vang rộng lớn mang hơi thở thời đại.  -  Mang đến cho văn học tính chất trẻ trung, sôi nổi, lạc quan, yêu đời... |

Ngày giảng: ngày 15 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 2**

Tiết 4:

**KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐỀN THẾ KỈ XX (tt)**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Một số nét tổng quát về các chặng đường phát triển, những thành tựu chủ yếu và những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ CMTT năm 1945 đến năm 1975.

**2. Kĩ năng** : Rèn luyện năng lực tổng hợp, khái quát, hệ thống hoá các kiến thức đã học về VHVN từ CMTT năm 1945 đến hết thế kỉ XX

**3. Thái độ**:

- Có quan điểm lịch sử, quan điểm toàn diện khi đánh giá văn học thời kì này; không khẳng định một chiều mà cũng không phủ nhận một cách cực đoan.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975.  **Câu 2**: Căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá, hãy giải thích vì sao văn học Việt Nam từ 1975 đến hết thế kỉ XX phải đổi mới?  **Câu 3:** Nêu quá trình phát triển và thành tựu chủ yếu của văn học Việt Nam từ 1975 đến cuối thế kỉ XX. | **-** Hs nêu đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975.  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs nêu quá trình phát triển và thành tựu chủ yếu của văn học Việt Nam từ 1975 đến cuối thế kỉ XX. | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:** Có 3 đặc điếm cơ bản:  *a****.****Nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước Đặc điểm này thể hiện trên các khía cạnh sau:*  -  Đề tài phản ánh là hiện thực cách mạng  -  Nội dung tư tưởng là lí tưởng cách mạng  -  Hai đề tài mà văn học tập trung thể hiện là Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội.  -   Hình tượng chính được thể hiện là người chiến sĩ trên mặt trận vũ trang, những lực lượng khác của dân quân, du kích, thanh niên xung phong, dân công hoả tuyến, giao liên....; cuộc sống mới, con người mới, mối quan hệ giữa những người lao động.  *b. Nền văn học hướng về đại chúng*  *Đặc điểm này thể hiện trên các khía cạnh sau:*  -   Nhà văn gắn bó với nhân dân lao động - những con người bình thường đang “làm ra đất nước" (Khác với văn học trước 1945).  -   Để có được thái độ ấy, đầu tiên nhà văn phải có nhận thức, nhãn quan đúng về nhân dân, có tình cảm tốt đẹp với nhân dân, nhận ra công lao to lớn của họ trong lao động sản xuất và sự nghiệp giải phóng dân tộc (Đôi mắt của Nam Cao, Tiếng hát con tàu của Chế Lan Viên, hay câu nói tâm nguyện của Xuân Diệu: “Tôi cùng xương thịt với nhân dân tôi - Cùng đố mồ hôi cùng sôi giọt máu"...).  -   Nền văn học của ta mang tính nhân dân sâu sắc. Điều đó biểu hiện trong tính văn học như:  + Lực lượng sáng tác: bổ sung những cây bút từ trong nhân dân.  + Nội dung sáng tác: phản ánh đời sống nhân dân, tâm tư, khát vọng, nỗi bất hạnh của họ trong xã hội cũ, phát hiện khả năng và phẩm chất của người lao động, tập trung xây dựng hình tượng quần chúng cách mạng.  + Nghệ thuật: giản dị, dễ hiểu, ngắn gọn, tìm đến những hình thức nghệ thuật quen thuộc với nhân dân, phát huy thể thơ dân tộc.  *c****.****Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng Lãng mạn*  -  Khuynh hướng sử thi: Cảm hứng sử thi là cảm hứng vươn tới những cái lớn lao, phi thường qua những hình ảnh tráng lệ:  + Đề cập tới số phận chung của cả cộng đồng, liên quan đến giai cấp, đồng bào, Tổ quốc và thời đại.  + Nhận vật chính thường tiêu biểu cho lí tưởng chung của dân tộc, gắn bó số phận mình với số phận đất nước, kết tinh những phẩm chất cao đẹp của cộng đồng.  + Cái đẹp ở mỗi cá nhân là ở ý thức công dân, lẽ sống lớn và tình cảm lớn. Nếu nói đến cái riêng thì cũng phải hoà với cái chung.  “Anh yêu em như yêu đất nước  Vất vả đau thương, tươi thắm vô ngần'  (Nguyễn Đình Thi)  + Lời văn mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp một cách tráng lệ:  “Ôi Việt Nam từ trong biển máu  Người vươn lên như một thiên thần"  (Tố Hữu)  + Người cầm bút nhìn cuộc đời bằng “Con mắt Bạch Đằng - Con mắt Đống Đa".  Nhân vật thường đại diện cho tinh hoa và khí phách, phẩm chất và ý chí của toàn dân tộc, có tính cách và tình cảm phi thường: “Còn một giọt máu tươi còn đập mãi" (Người con gái Việt Nam - Tố Hữu).  + Một số tác phẩm mang đậm không khí núi rừng “Suốt đêm nghe cả rừng Xô man ào ào rung động. Và lửa cháy khắp rừng" (Rừng xà nu - Nguyễn Trung Thành).  -  Khuynh hướng lãng mạn:  + Là khuynh hướng tràn đầy mơ ước, hướng tới tương lai thể hiện qua những câu thơ như: “Trán cháy rực nghĩ trời đất mới - Lòng ta bát ngát bình minh" (Nguyễn Đình Thi) hoặc “Từ trong đổ nát hôm nay - Ngày mai đã đến từng giây từng giờ" (Tố Hữu); hay hình tượng nhân vật như: Chị Sứ (Hòn đất - Anh Đức); Nguyệt (Mảnh trăng cuối rừng - Nguyễn Minh Châu).  + Khẳng định lí tưởng của cuộc sống mới, vẻ đẹp của con người mới, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng  **Câu 2:**  - Đất nước hết chiến tranh. Các vấn đề hậu chiến nảy sinh: nạn nhân chiến tranh, hoàn cảnh kinh tế chưa phục hồi.  -  Đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường: xã hội thay đổi quan điểm; góc nhìn đối với con người và nghệ thuật (cái nhìn của nhà văn không đơn giản, một chiều như trước mà đa diện hơn, linh hoạt, góc cạnh hơn...).  -  Tiếp xúc rộng rãi với văn hoá thế giới.  -  Nhu cầu của bạn đọc phóng phú và đa dạng hơn trước.  -  Đảng Cộng sản Việt Nam có nhiều đổi mới trong quan điểm chỉ đạo văn học nghệ thuật.  Đất nước bước vào công cuộc đổi mới thúc đẩy nền văn hoá cũng phải đổi mới phù hợp với nguyện vọng của nhà văn và người đọc cũng như quy luật phát triển khách quan của nền văn học.  **Câu 3:**  -  Từ năm 1975 đến năm 1985 là chặng đường chuyển tiếp, trăn trở, tìm kiếm con đường đổi mới. Từ năm 1986 trở đi là chặng đường văn học có nhiều đổi mới mạnh mẽ, sâu sắc và khá toàn diện. Biểu hiện:  + Đề tài văn học chuyển sang hướng nội: Bộc lộ tiếng lòng và những trắc ẩn  + Nở rộ trường ca với mục đích tổng kết, khái quát về chiến tranh.  + Chất nhân bản, nhân văn được đề cao hơn, đi sâu vào những nỗi đau và bất hạnh của từng thân phận con người sau chiến tranh.  -  Các tác giả tiêu biểu cho khuynh hướng đổi mới: Thanh Thảo, Hữu Thỉnh, Nguyễn Đức Mậu, Trầu Mạnh Hảo, Xuân Quỳnh, Nguyễn Duy, Hoàng Nhuận Minh.  + Một số tác phẩm văn xuôi tiêu biểu viết theo tinh thần đổi mới:  Đất trắng (Nguyện Trọng Oánh), Hai người trở lại trung đoàn (Thái Bá Lợi) Đứng trước biển, Cù lao chàm (Nguyễn Mạnh Tuấn), Cha và con ... Gặp gỡ cuối năm (Nguyễn Khải), Mùa lá rụng trong vườn (Ma Văn Kháng), Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành, Chiếc thuyền ngoài xa (Nguyễn Minh Châu), Tướng về hưu (Nguyễn Hữu Thiệp), Bến trông chồng (Dương Hướng) Nỗi buồn chiến tranh (Bảo Ninh), Cát bụi chân ai (Hồi kí của Tô Hoài), |

**4. Củng cố:** Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ CMTT 1945 – 1975.

Ngày giảng: ngày 22 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 3**

Tiết 5:

**TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP – PHẦN TÁC GIẢ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu được những nét khái quát về sự nghiệp văn học, quan điểm sáng tác và những đặc điểm cơ bản trong phong cách nghệ thật của Hồ Chí Minh.

**2. Kĩ năng**: Vận dụng có hiệu quả những kiến thức nói trên vào việc đọc hiểu văn thơ của Người.

**3. Thái độ**:

- Trân trọng di sản văn học của Hồ Chí Minh.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Kết hợp với những hiểu biết của mình, trình bày ngắn gọn tiểu sử của Hồ Chí Minh?  **Câu 2**: Nêu những mốc thời gian hoạt động Cách mạng của Bác?  **Câu 3:** Nêu những nét chính về quan điểm sáng tác văn học, nghệ thuật của Hồ Chí Minh. Quan điếm đó đã giúp anh chị hiểu sâu sắc thêm văn thơ của Người như thế nào?  **Câu 4:** Nêu những nét khái quát về sự nghiệp văn học của Bác. (dựa vào SGK, phần Kiến thức cơ bản đã trình bày ở trên và theo những gợi ý dưới đây)  **Câu 5:** Nêu những nét chính về phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh? | **-** Hs trình bày  **-** Hs nêu hoạt động cách mạng của Bác  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs nêu những nét khái quát về sự nghiệp văn học của Bác.  **-** Hs trình bày phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  **- Xuất thân:** Sinh ngày 19-5-1890, trong một gia đình nhà nho yêu nước.  **- Quê quán:** làng Kim Liên, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An  **- Song thân:**  + Cha là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc  + Mẹ là cụ bà Hoàng Thị Loan  **- Học vấn:**  + Thời trẻ, học chữ Hán ở nhà  + Học chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp tại trường Quốc học Huế.  + Có thời gian dạy học ở trường Dục Thanh (Phan Thiết).  **Câu 2:**  - Quá trình hoạt động cách mạng:  **+ 1911:** ra đi tìm đường cứu nước.  **+ 1919:** gởi tới Hội nghị Véc-xây ″Bản yêu sách của nhân dân An Nam″  **+ 1920:** Dự đại hội Tua, là một trong những thành viên sáng lập Đảng cộng sản Pháp  **+ 1923 - 1941:** Hoạt động ở Liên Xô, Trung Quốc và Thái Lan, tham gia thành lập nhiều tổ chức cách mạng:  ⋅Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội (1925),  ⋅Chủ trì hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước tại Hương Cảng, Đảng cộng sản Việt Nam.  **+ 1941:** Về nước lãnh đạo cách mạng.  **+ 1942 – 1943:** bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt và giam giữ ở các nhà ngục Quảng Tây, Trung Quốc.  **+ Sau khi ra tù:** về nước, lãnh đạo cách mạng  **+ 1946:** được bầu làm chủ tịch nước VNDCCH.  **+ 2 – 9 – 1969:** Người từ trần.  **Câu 3:**  a. Quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Hồ Chí Minh:  -  Bác coi văn nghệ là vũ khí chiến đấu phục vụ sự nghiệp cách mạng, bởi vậy nhà văn cũng là một chiến sĩ.  -  Chú trọng tính chân thật và tính dân tộc của văn chương.  -  Chú ý đến mục đích, đối tượng tiếp nhận để lựa chọn nội dung và hình thức thể hiện phù hợp, tạo ra tính đa dạng, phong phú và hiệu quả cao. Người luôn đặt câu hỏi: *Viết cho ai?, Viết để làm gì?, Viết cái gì?* và *Viết như thế nào?*  b. Văn thơ Hồ Chí Minh là một bộ phận gắn bó hữu cơ với sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người. Quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh giúp ta hiểu sâu sắc hơn các tác phẩm văn học của Người: Đó là những sáng tác chủ yếu nhằm mục đích phục vụ sự nghiệp cách mạng.  **Câu 4:**  *a. Văn chính luận*  -   Viết bằng tiếng Pháp: Gồm những bài đăng trên các báo: Người cùng khổ, Nhân đạo, Đời sống thợ thuyền... đặc biệt là tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp (1922).  -   Viết bằng tiếng Việt: Tuyên ngôn độc lập (1945), Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (1946), Không có gì quý hơn độc lập tự do (1966).  -   Mục đích văn chính luận của Bác: đấu tranh chính trị, tấn công trực diện kẻ thù được thể hiện những nhiệm vụ của cách mạng qua các thời kì lịch sứ.  -   Đặc điểm nghệ thuật: đa dạng, linh hoạt, kết hợp lí và tình, lời văn chặt chẽ, luôn đứng trên lập trường chính nghĩa để tuyên truyền hoặc tố cáo...  *b. Truyện và kí*  -   Nội dung: Tố cáo thực dân và phong kiến, đề cao những tấm gương yêu nước...  -   Nghệ thuật: tình huống truyện độc đáo, hình tượng sinh động, nghệ thuật trần thuật linh hoạt, giọng văn thâm thuý chứng tỏ Bác là một cây văn xuôi đầy tài năng.  - Tiêu biểu: *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* (1922); *Vi hành* (1923); *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* (1925); *Nhật ký chìm tàu* (1931); *Vừa đi đường vừa kể chuyện* (1963)  *c. Thơ ca*  -  Tập thơ chữ Hán: Ngục trung nhật kí (Nhật kí trong tù)  + Nội dung: Tái hiện bộ mặt tàn bạo của nhà tù Quốc dân đảng, một phần hình ảnh xã hội Trung Quốc. Tập thơ thể hiện bức chân dung tự hoạ con người tinh thần Hồ Chí Minh: khao khát tự do, nghị lực phi thường, giàu lòng nhân đạo, yêu thiên nhiên, Tổ quôc, trí tuệ sắc sảo “một tâm hồn vĩ đại của bậc đại trí, đại nhân, đại dũng" (Nhà văn Viên Ưng - Trung Quốc).  + Nghệ thuật: Đa dạng về bút pháp, hồn thơ tinh thế, vừa cổ điển vừa hiện đại, hình tượng trong thơ luôn vận động, hướng về sự sống tương lai và ánh sáng.  -  Thơ tuyên truyền, cổ động (Con cáo và tổ ong, Ca du kích...).  -  Những bài thơ giải trí trong kháng chiến: Đối nguyệt (Với trăng, Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng), Thu dạ (Đêm thu), Báo tiệp (Tin thắng trận), Cảnh khuya..  **Câu 5:**  Phong cách nghệ thuật của Bác độc đáo mà đa dạng:  -   Văn chính luận: ngắn gọn, súc tích, lí lẽ đanh thép, bằng chứng đầy tính thuyết phục, giàu hình ảnh, giọng văn linh hoạt.  -    Truyện và kí: có tính chiến đấu mạnh mẽ, nghệ thuật trào phúng sắc bén tuy nhẹ nhàng, hóm hỉnh nhưng rất sâu cay, thâm thuý, mang đậm nét Á Đông.  -   Thơ ca: ở những bài mang mục đích tuyên truyền thì lời lẽ giản dị, dễ hiểu, dễ nhớ; còn những bài viết theo cảm hứng thẩm mĩ thì hàm súc "ý tại ngôn ngoại" kết hợp chất tình và chất thép, giản dị mà sâu xa, hồn của tạo vật và lòng người, thiên nhiên chiếm một “địa vị danh dự" (Đặng Thai Mai). Nét bao trùm là: cổ điển mà vẫn hiện đại. |

**4. Củng cố:** Quan điểm sáng tác của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh

Ngày giảng: ngày 22 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 3**

Tiết 6: **GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

Nhận thức được sự trong sáng của tiếng Việt biểu hiện ở một phương diện cơ bản và là một yêu cầu đối với việc sử dụng tiếng Việt.

**2. Kĩ năng** : Nâng cao kĩ năng sử dụng tiếng Việt (nói, viết) để đạt được yêu cầu trong sáng.

**3. Thái độ**: Có ý thức, thói quen giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi sử dụng; luôn nâng cao hiểu biết về tiếng Việt và rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gọi học sinh đọc phần ghi nhớ SGK  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Yêu cầu HS tìm những từ ngữ tiêu biểu mà tác giả dùng để miêu tả diện mạo hoặc tính cách nhân vật trong Truyện Kiều?  **Câu 2:**  Đoạn văn của Chế Lan Viên đã được bỏ dấu câu. Hãy đặt lại dấu câu vào vị trí thích hợp để đảm bảo sự trong sáng của đoạn văn?  **Câu 3:** Nhận xét từ việc dùng từ nước ngoài trong trường hợp sau. Hãy thay bằng từ ngữ tiếng Việt đối với những trường hợp “lạm dụng". | **-** Hs đọc  **-** Hs tìm những từ ngữ tiêu biểu  **-** Hs đặt dấu câu  **-** Hs nhận xét | **I. Lý thuyết**  *-* Ghi nhớ: SGK  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Các từ ngữ Nguyễn Du và Hoài Thanh nói về các nhân vật rất chuẩn xác vì miêu tả đúng diện mạo hoặc lột tả được tính cách nhân vật.  - Kim Trọng: *rất mực chung tình*  - Thuý Vân: *cô em gái ngoan*  - Hoạn Thư: *người đàn bà bản lĩnh khác thường, biết điều mà cay nghiệt*  - Thúc Sinh: *sợ vợ*  - Từ Hải: *chợt hiện ra, chợt biến đi như một vì sao lạ*  - Tú Bà: màu da ″*nhờn nhợt*″  - Mã Giám Sinh: ″*mày râu nhẵn nhụi*″  - Sở Khanh:  *chải chuốt dịu dàng*  - Bạc Bà, Bạc Hạnh: *miệng thề ″xoen xoét″*  **Câu 2:**  Điền dấu để thành đoạn văn như sau:  “Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông. Dòng sông vừa phải trôi chảy vừa phải tiếp nhận - dọc đường đi của mình - những dòng nước khác. Dòng ngôn ngữ cũng vậy - một mặt nó phải giữ bản sắc cố hữu của dân tộc nhưng nó không được phép gạt bỏ, từ chối những gì mà thời đại đem lại". Cách điền khác:  -  Thay cho hai dấu gạch ngang ở câu 2 là dấu ngoặc đơn.  -  Thay cho dấu gạch ngang ở câu 3 là dấu hai chấm.  **Câu 3:**  -  Nhận xét: có sự lạm dụng từ nước ngoài (tiếng Anh)  -  Các từ “lạm dụng" là:  file, hacker  -   Lần lượt thay thế bằng các từ:  tập tin, tin tặc - kẻ đột nhập trái phép. |

**4. Củng cố:** Sự trong sáng của tiếng Việt được biểu lộ ở những phương diện nào?

Ngày giảng: ngày 29 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 4**

Tiết 7: **TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP – PHẦN TÁC PHẨM**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu nội dung chính của Tuyên ngôn Độc lập: một bản tổng kết về lịch sử dân tộc dưới ách thực dân Pháp - một thời kì lịch sử đau thương nhưng vô cùng anh dũng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và khẳng định mạnh mẽ quyền độc lập tự do của nước Việt Nam trước toàn thế giới

- Hiểu được giá trị của áng văn nghị luận chính trị bất hủ: lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng hùng hồn.

**2. Kĩ năng** : Viết văn bản nghị luận xã hội.

**3. Thái độ**: Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Bản tuyên ngôn ra đời trong hoàn cảnh của thế giới và Việt Nam như thế nào?  **Câu 2**: Trước tình hình như thế, theo em, đối tượng mà bản tuyên ngôn hướng đến là những ai? Bản tuyên ngôn được viết ra nhằm mục đích gì?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:**  Việc trích dẫn Tuyên ngôn độc lập (1776) của nước Mĩ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền (1791) của Cách mạng Pháp trong phần mở đầu có ý nghĩa gì?  **Câu 2:** Trong phần thứ hai của bản tuyên ngôn, tác giả đã lập luận như thế nào để khẳng định quyền độc lập tự do của nước Việt Nam ta?  **Câu 3**: Tuyên ngôn độc lập thể hiện phong cách nghệ thuật của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong văn chính luận: ngắn gọn, trong sáng, giản dị mà súc tích, đanh thép, sắc sảo. Hãy làm sáng tỏ điều đó? | **-** Hs trả lời  **-** Hs suy nghĩ trình bày  **-** Hs trình bày ý nghĩa  **-** Hs trả lời cách lập luận của tác giả  **-** Hs trả lời | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  Hoàn cảnh sáng tác:  - Thế giới:  + Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc: Hồng quân Liên Xô tấn công vào sào huyệt của phát xít Đức,  + Nhật đầu hàng Đồng minh  - Trong nước:  + CMTT thành công, cả nước giành chính quyền thắng lợi.  + Ngày 26 tháng 8 năm 1945: Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội  + Ngày 28 tháng 8 năm 1945: Bác soạn thảo bản *Tuyên ngôn độc lập* tại tầng 2, căn nhà số 48, phố Hàng Ngang, Hà Nội.  + Ngày 2 tháng 9 năm 1945: Bác đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, khai sinh nước VNDCCH.  **Câu 2:** Mục đích sáng tác:  - Công bố nền độc lập của dân tộc, khai sinh nước Việt Nam mới trước quốc dân và thế giới  - Cương quyết bác bỏ luận điệu và âm mưu xâm lược trở lại của các thế lực thực dân đế quốc.  - Bày tỏ quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Mở đầu bản Tuyên ngôn độc lập, tác giả đưa ra dẫn chứng từ hai tuyên ngôn nổi tiếng là Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền (1791) của Cách mạng Pháp và Tuyên ngôn độc lập (1776) của nước Mĩ, khẳng định quyền con người và quyền các dân tộc. Cách viết sắc sảo đã đem lại ý nghĩa sâu sắc cho bản tuyên ngôn được viết trong hoàn cảnh lịch sử lúc bây giờ.  - Đây là nghệ thuật “gậy ông đập lưng ông", “dùng khoá của địch khoá miệng địch", lấy lí lẽ của nước người để phản bác những âm mưu của chính các nước đó. Tác giả đã rất linh hoạt khi kết hợp ý kiến của người với ý kiến của mình: “Suy rộng ra câu ấy có có nghĩa là...”. Từ khẳng định quyền con người, Bác đã chuyển sang quyền của các dân tộc: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do".  - Đồng thời, như thế cũng là cách Bác đặt cuộc cách mạng của nhân dân ta năm 1945 ngang hàng với cuộc cách mạng của Pháp và Mĩ, đặt bản Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam ngang hàng với hai bản Tuyên ngôn của hai nước lớn đó, khẳng định về quyền tự chủ và vị thế bình đẳng của dân tộc ta trên toàn thế giới.  - Ra đời trong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai vừa kết thúc, các nước đồng minh đang tranh giành ảnh hưởng đòi chia quyền kiểm soát những vùng bọn phát xít từng chiếm đóng. Bản Tuyên ngôn độc lập không chỉ nói với nhân dân Việt Nam, các nước trên thế giới mà còn hướng tới bọn thực dân đế quốc, ngăn chặn ngay ý đồ chiếm lại nước ta một lần nữa của thực dân Pháp. Đồng thời khẳng định cuộc đấu tranh giành độc lập tự do của nhân dân Việt Nam. Chống phát xít, chống đế quốc là cuộc đấu tranh chính nghĩa (thực hiện quyền độc lập, tự do, bình đẳng - lẽ phải thông thường mà chính các nước Pháp, Mĩ đã từng tuyên bố), buộc chính các nước thực dân, đế quốc không được phép coi thường, phủ nhận.  Cách lập luận này của tác giả rất chặt chẽ, đầy tính chiến đấu.  **Câu 2:**  \* Pháp nhân danh "khai hóa", Bác đã vạch trần tội ác của chúng trên 2 phương diện:  - Tội ác gây ra trên mọi mặt đời sống:  +   Về chính trị: Chúng tuyệt đối không cho... chúng thi hành... chúng lập ra nhà tù... chúng ràng buộc... chúng dùng thuốc phiện...  +  Về kinh tế: Chúng bóc lột... chúng cướp... chúng giữ...  +   Về quân sự: khi phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương... thực dân Pháp quỳ gốì đầu hàng.... bỏ chạy không bảo hộ được nước ta... bán nước ta hai lần cho Nhật... lại thẳng tay khủng bố Việt Minh... nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị...  - Gây tội ác cho mọi đối tượng tầng lớp: *dân cày, dân buôn, tư sản, công nhân, học sinh…*  *->* Tất cả những hành động mang danh “khai hóa” của thực dân Pháp trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.  \* Pháp nhân danh "bảo hộ", Bác nêu rõ: chúng không những không bảo hộ được mà "*trong vòng 5 năm đã bán nước ta hai lần cho Nhật*".  “Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật” (*từ đây, 2 nước cùng thống trị nước ta*)  + “Ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng” (*Nhật đảo chính, lật đổ chính quyền Pháp, độc chiếm ĐD*)  \* Pháp nhân danh Đồng minh, tuyên bố Đồng minh đã thắng Nhật, chúng có quyền lấy lại Đông Dương. Bản Tuyên ngôn vạch rõ chúng chính là kẻ phản bội Đồng minh, đã 2 lần dâng Đông Dương cho Nhật, cũng có nghĩa chúng đã quay lưng với Đồng minh trong cuộc tấn công phe phát xít. Hơn thế nữa, trước khi Nhật đảo chính, “*biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật*”, nhưng bọn thực dân Pháp đều không đáp ứng.  \* Pháp luôn tuyên bố Đông Dương là thuộc địa của Pháp, Pháp có quyền trở lại Đông Dương. Bác vạch rõ: Đông Dương đã trở thành thuộc địa của Nhật và nhân dân ta đứng lên giành lại quyền độc lập từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp.  Đoạn văn được viết với khí thế hừng hực của ngọn lửa căm hờn quân xâm lược và lòng yêu nước, thương dân. Những hình ảnh chân thực, tư liệu chính xác, điệp từ chúng nhắc lại liên tiếp làm cho âm hưởng đoạn văn càng thêm nhức nhối, tạo nên sức mạnh cho lời tuyên bố độc lập, chủ quyền của dân tộc Việt Nam:  “Bởi thế cho nên chúng tôi, lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xoá bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí"...  **Câu 3:**  Biểu hiện phong cách văn chính luận của Bác trong Tuyên ngôn độc lập:  a. Ngắn gọn, giản dị, súc tích: tả một nội dung lớn diễn trong thời gian gần một thế kỉ, nhưng tác giả đã cô đọng lại trong vài ba trang giấy. Ngôn từ giản dị, dễ hiểu. Cách diễn đạt ngắn gọn nhưng giàu ý tứ.  b. Trong sáng  -   Trong sáng ở việc dùng từ đặt câu, tuân thủ các nguyên tắc và chuẩn mực của tiếng Việt.  -  Trong sáng về tư tưởng tình cảm. Thái độ rõ ràng, yêu ghét phân minh trên lập trường chính nghĩa.  c. Đanh thép, sắc xảo: là biểu hiện tính chiến đấu không khoan nhượng, thái độ dứt khoát thể hiện một bản lĩnh vững vàng, phi thường, sắc sảo ở trí tuệ, lối lập luận chặt chẽ, sắc bén.  Bản tuyên ngôn được viết với cách lập luận chặt chẽ. Người đưa ra những lí lẽ đanh thép, những bằng chứng hùng hồn không ai chối cãi được. Ngòi bút chính luận vừa hùng hồn vừa trữ tình; cách dùng từ, đặt câu hết sức linh hoạt, Tuyên ngôn độc lập vừa có giá trị lịch sử lớn lao, vừa xứng đáng là áng thiên cổ hùng văn của thời đại ngày nay. |

**4. Củng cố:** Ý nghĩa cách mở đầu bản *Tuyên ngôn Độc lập.*

Ngày giảng: ngày 29 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 4**

Tiết 8: **GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT (tt)**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Nhận thức được sự trong sáng của tiếng Việt biểu hiện ở một phương diện cơ bản và là một yêu cầu đối với việc sử dụng tiếng Việt.

**2. Kĩ năng** : Nâng cao kĩ năng sử dụng tiếng Việt (nói, viết) để đạt được yêu cầu trong sáng

**3. Thái độ**: Có ý thức, thói quen giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi sử dụng; luôn nâng cao hiểu biết về tiếng Việt và rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, chúng ta phải có thái độ và tình cảm như thế nào đối với tiếng Việt?  **Câu 2:** Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có hiểu biết về tiếng Việt hay không? Và là thế nào để có những hiểu biết về tiếng Việt?  **Câu 3:** Về mặt hành động, để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mọi người cần sử dụng tiếng Việt như thế nào?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Yêu cầu học sinh phân tích từng câu văn để tìm ra những câu văn *“trong sáng”* và những câu *“không trong sáng”?*  **Câu 2:**  Yêu cầu học sinh phân tích để tìm ra những từ nước ngoài nào không nên sử dụng và thay thế bằng từ khác để đảm bảo sự trong sáng của tiếng Việt. | **-** Hs trả lời  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs trình bày  **-** Hs phân tích câu văn  **-** Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  *-* Về thái độ, tình cảm:  - Cần có ý thức tôn trọng và yêu quý tiếng Việt, xem đó là  *”thứ của cải vô cùng lâu đời và quí báu của dân tộc”*  **Câu 2:**  - Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có những hiểu biết về tiếng Việt   (Cần có những hiểu biết cần thiết về các chuẩn mực của tiếng Việt: ngữ âm, chữ viết, từ ngữ, ngữ pháp)  - Hiểu biết đó không chỉ qua học tập ở trường, mà còn bằng tự học hỏi.  **Câu 3:**  Sử dụng tiếng Việt theo chuẩn mực và quy tắc, trong đó có các quy tắc chuyển hoá, biến đổi.  - Không lạm dụng tiếng nước ngoài làm vẩn đục tiếng Việt.  - Tránh những lối nói thô tục, thiếu văn hoá**.**  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Câu *a*không trong sáng (có sự lẫn lộn giữa trạng ngữ *muốn xóa bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn* và chủ ngữ ) vì dùng thừa từ *đòi hỏi*.  - Các câu *b, c, d*  viết đúng chuẩn ngữ pháp nên là những câu trong sáng.  **Câu 2:**  - Dùng từ *Tình nhân*thì thiên về việc nói đến con người hơn là ngày lễ  - Dùng từ *Valentine* là từ vay mượn nên không cần thiết.  → Dùng từ  (*ngày*) *Tình yêu* là đủ diễn đạt nội dung và sắc thái tình cảm. Không nhất thiết dùng từ nước ngoài.  - Trong lời quảng cáo dùng 3 hình thức biểu hiện cùng 1 nội dung: *ngày lễ tình nhân, ngày Valentine, ngày Tình yêu*.  → Cùng biểu hiện ý nghĩa cao đẹp là tình cảm con người.  - Từ cần thay thế: *ngày Valentine*  → *ngày lễ tình nhân, ngày Tình yêu.* |

***4. Củng cố:*** - Mỗi người cần có ý thức như thế nào để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?

Ngày giảng: ngày 5 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 5**

Tiết 9:

**NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU – NGÔI SAO SÁNG TRONG**

**VĂN NGHỆ DÂN TỘC**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Những ý kiến sâu sắc, có lí, có tình của Phạm Văn Đồng về thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu

- Những giá trị lớn lao của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đối với thời đại bấy giờ và đối với ngày nay.

**2. Kĩ năng** :  Đọc hiểu văn bản nghị luận theo đặc trưng thể loại

**3. Thái độ**:  Thêm yêu quý con người và tác phẩm của nhà thơ lớn đó.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Dựa vào phần *Tiểu dẫn*, nêu những nét chính về tác giả?  **Câu 2:** Nêu hoàn cảnh ra đời của bài viết?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Theo tác giả, vì sao văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng giống như “những vì sao có ánh sáng khác thường" “con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy?    **Câu 2:** Tác giả Phạm Văn Đồng giúp chúng ta nhận ra những “ánh sáng khác thường" như thế nào trên bầu trời văn nghệ dân tộc?  **Câu 3**: Vì sao tác giả lại cho rằng ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu đáng lẽ ra phải sáng tỏ hơn nữa, không chỉ trong thời ấy mà cả trong thời đại hiện nay? | - Hs trình bày vè tác giả  **-** Hs nêu hoàn cảnh ra đời  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs phân tích  **-** Hs suy nghĩ trả lời | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  **-**Phạm Văn Đồng (1906 – 2000).  - Quê: xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.  - Là một nhà Cách mạng lớn của nước ta trong thế kỉ XX.  - Quá trình hoạt động cách mạng:  + Tham gia các hoạt động yêu nước và cách mạng từ khi chưa đầy 20 tuổi.  + 1929 – 1936: bị thực dân Pháp bắt, kết án tù và đày ra Côn Đảo  + Đầu những năm 1940: được giao nhiệm vụ xây dựng căn cứ cách mạng ở vùng biên giới Việt – Trung, được bầu vào Ủy ban Dân tộc giải phóng.  + Từng đảm nhiệm các cương vị:  ο Bộ trưởng Bộ Tài chính  ο Bộ trưởng Bộ ngoại giao  ο Phó thủ tướng  ο Thủ tướng (1955-1981)  ο Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (1981-1987)  → Được đánh giá là một trong những học trò xuất sắc của chủ tịch Hồ Chí Minh.  - Ông còn là một nhà giáo dục tâm huyết, nhà lí luận văn hoá văn nghệ lớn.  - Có những tác phẩm đáng chú ý về văn học nghệ thuật, bởi:  + Quan niệm: viết cũng là một cách phục vụ cách mạng  + Quan tâm, am hiểu và yêu thích văn học nghệ thuật.  + Vốn sống lịch lãm, tầm nhìn sâu sắc, nhân cách lớn à đủ để đưa ra những nhận định đúng đắn, mới mẻ, sắc sảo về những vấn đề văn học nghệ thuật  - Tác phẩm tiêu biểu: *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta  và người nghệ sĩ.*  **Câu 2:**  a. Hoàn cảnh ra đời:  - Viết nhân kỉ niệm 75 năm ngày mất của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu (3 – 7 – 1888), đăng trên tạp chí Văn học tháng 7 – 1963.  - Hoàn cảnh năm 1963: Tình hình miền Nam có nhiều biến động lớn  + Mĩ tài trợ và can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến tranh  + Phong trào đấu tranh chống Mĩ và tay sai nổi lên khắp nơi, tiêu biểu là phong trào Đồng Khởi.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng giống như “những vì sao có ánh sáng khác thường" “con mắt của chúng ta phải chăm chú mới nhìn thấy và “càng nhìn càng tháy sáng" vì những lí do sau:  -   Lâu nay, người ta có thói quen nhìn các nhà thơ ở bình diện nghệ thuật theo kiểu chau truốt, gọt giũa lời lẽ hoa mĩ... Văn chương Nguyễn Đinh Chiểu không óng mượt, nõn nà mà chân chất, có chỗ tưởng như thô kệch. Vì lẽ đó mà phải chăm chú nhìn thì mới có thể càng nhìn càng thấy sáng.  -   Ánh sáng khác thường mà tác giả nói đến ở đây chính là vẻ đẹp mộc mạc, giản dị, dân dã của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu - vẻ đẹp cùa loại văn chương hướng về đại chúng, gắn bó máu thịt với nhân dân, phục vụ nhân dân, mang tính nhân dân sâu sắc.  -   Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đẹp bởi tư tưởng, tình cảm nồng hậu, cao quý của nhân dân. “Nó không phải là vẻ đẹp của những cây lúa xanh uốn mình trong gió nhẹ. Nó đẹp vẻ đẹp của đống thóc mẩy vàng Nguyễn Đình Chú). Vẻ đẹp khác thường này càng đáng quý hơn bội phần khi ta biết nhà thơ đã sáng tác trong hoàn cảnh mù loà, cuộc sống gặp nhiều khó khăn và bất hạnh.  -   Nhận xét của Phạm Văn Đồng có ý nghĩa phương pháp luận trong việc nghiên cứu, đánh giá thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Đó là sự điều chỉnh về cách nhìn để có một định hướng đúng đắn trong việc nghiên cứu, tiếp cận một nhà thơ như Nguyễn Đình Chiểu.  **Câu 2:**  Xét về cuộc đời, đạo đức và tư tưởng, nghệ thuật trong sáng tác văn học của Nguyễn Đình Chiểu, Phạm Văn Đồng đã cho ta thấy:  -   Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là tấm gương sáng chói về tinh thần yêu nước cháy bỏng và lòng căm thù giặc sâu sắc.  + Cuộc đời dù gặp nhiều khó khăn bất hạnh, nhưng vẫn đứng thẳng- ngẩng cao đầu , sống không phải vì mình mà vì dân, vì nước theo tư tưởng: “Kiến nghĩa bất vi vô dõng dã"; tỏ thái độ bất khuât, bất hợp tác quyết liệt trước sự mua chuộc của thực dân Pháp. Đó là một cuộc sống đẹp, đầy nghị lực, đáng trân trọng.  + Nguyễn Đình Chiểu có quan niệm sáng tác đúng đắn và tiến bộ: “Chở bao nhiêu đạo thuyền không thẳm/ Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà". Đó là thơ văn chiến đấu, đánh thẳng vào ngoại xâm và tôi tớ của chúng. Đối với Nguyễn Đình Chiểu, cầm bút viết văn là một thiên chức - ông đã làm đúng thiên chức đó.  -    Sáng tác thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu luôn là vũ khí chiến đá chống bọn xâm lược, ngợi ca chính nghĩa, đạo đức ở đời.  + Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu phục vụ đắc lực cho cuộc kháng chiến chống Pháp, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Đó là những tác phẩm làm sống lại trong tâm trí người đọc trong phong trào kháng Pháp của nhân dân Nam bộ suốt hai mươi năm trời. Là những tác phẩm sôi sục lòng căm thù và dạt dào yêu nước với những hình tượng người nông dân nghĩa sĩ đẹp đẽ (Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc), những lãnh tụ của ngàn quân, những tấm gương bất khuất trước kẻ thù (Văn tế Trương Định)...  + Truyện thơ của Nguyễn Đình Chiểu là những bài ca hào hùng mà thiết tha về lí tưởng đạo đức của nhân dân, ca ngợi những con người trọng nghĩa kính tài, trước sau một lòng, dù khổ cực, gian nguy, quyết phấn đấu vì nghĩa lớn.  - Truyện *Lục Vân Tiên* là một bài thơ hào hùng mà thiết tha lí tưởng đạo đức của nhân dân, ca ngợi những con người trọng nghĩa, khinh tài, trước sau một tấm lòng, mặc dầu khổ cực, gian nguy quyết phấn đấu vì nghĩa lớn như Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, Tiểu Đồng, Vương Tử Trực, Hán Minh… Bằng cách nhìn mới mẻ mà đúng đắn, tác giả đã có sự nhìn nhận và đánh giá lại "*giá trị văn nghệ của bản trường ca thật là hấp dẫn từ đầu đến cuối*" này. Đây là một sự "*điều chỉnh*" cần thiết để khôi phục lại giá trị nghệ thuật như vốn có của tác phẩm.  **Câu 3:**  Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa vì:  -   Cho đến nay, vẫn còn rất ít người biết đến thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu; có một số người  thậm chí còn “chê" văn thơ của ông là thô ráp, nôm na.  -   Trong khi đó với những phẩm chất đạo đức và những thành công nghệ thuật, hiệu quả mà văn chương yêu nước của ông đưa lại, có thể khẳng định Nguyễn Đình Chiểu xứng đáng là lá cờ đầu của thơ ca chống Pháp, cần được giương cao hơn nữa trong thời đại của ông và ngay cả thời đại ngày nay.  -  Phải sáng tỏ hơn nữa trong thời đại hiện nay là đế khôi phục lại giá trị đích thực của thơ văn yêu nước lớn miền Nam từng có tác dụng to lớn và sâu rộng trong nhân ta, không chỉ trong thời bấy giờ mà ngay cả trong cuộc sống hiện nay. |

***4. Củng cố:*** Nhận xét về cách viết của tác giả trong bài văn nghị luận này.

Ngày giảng: ngày 5 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 5**

Tiết 10:

**MẤY Ý NGHĨ VỀ THƠ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Những ý kiến sâu sắc, có lí, có tình của Phạm Văn Đồng về thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu

- Những giá trị lớn lao của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đối với thời đại bấy giờ và đối với ngày nay.

**2. Kĩ năng** :   Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Thái độ**:  Tình yêu văn học

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **-** Nguyễn Đình Thi lí giải về đặc trưng cơ bản nhất của thơ: Thơ là biểu hiện của tâm hồn con người như thế nào?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Nguyễn Đình Thi lí giải như thế nào về đặc trưng cơ bản nhất của thơ là biểu hiện tâm hồn con người?  **Câu 2:** Những yếu tố đặc trưng khác của thơ (hình ảnh, tư tưởng, cảm xúc, cái thực...) đã được Nguyễn Đình Thi đề cập ra sao?  **Câu 3**: Nêu rõ tài hoa của Nguyễn Đình Thi trong nghệ thuật lập luận đưa dẫn chứng, sử dụng từ ngữ, hình ảnh... để làm sáng tỏ từng vấn đề đặt ra. | **-** Hs trình bày  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs nêu những yêu tố đặc trưng của nhà thơ  **-** Hs trình bày tài hoa của Nguyễn Đình Thi | **I. Lý thuyết**    Đặc trưng cơ bản nhất của thơ: thể hiện tâm hồn con người.  - Đặt ra một câu hỏi: không mang nghĩa nghi vấn mà khẳng định:  ″*Đầu mối của thơ có lẽ ta đi tìm bên trong tâm hồn con người chăng?″*.  - Khởi đầu một bài thơ: phải có ″*rung động thơ*″, sau đó mới ″*làm thơ*″.  - Rung động thơ:  + có được khi tâm hồn ra khỏi trạng thái bình thường;  + do có sự va chạm với thế giới bên ngoài, với thiên nhiên, với những người khác mà tâm hồn thức tỉnh, bật lên những tình ý mới mẻ.  - Còn làm thơ:  + là thể hiện những rung động của tâm hồn con người bằng lời nói (tức là chữ).  + Những lời, những chữ ấy phải có sức mạnh truyền cảm tới người đọc, khiến ″*mọi sợi dây của tâm hồn rung lên″.*  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  -   Đế làm nổi bật đặc trưng cơ bản nhất của thơ là biểu hiện tâm hồn con người, Nguyễn Đình Thi đã phân tích, lí giải về mối quan hệ giữa thơ với tâm hồn của con người bằng cách đưa ra một loạt dẫn chứng:  “Ta nói trời hôm nay nên thơ, nhưng chính ra là lòng chúng ta mong một nỗi niềm vui buồn nào mà muốn làm thơ, hoặc đọc thơ về trời xanh. Mưa phùn như chính nỗi nhớ nhung gặp buổi chiều mưa mà muốn thì thầm những câu thơ chưa thành hình rõ".  + “Làm một câu thơ yêu, tâm hồn cũng rung động như khi có người yêu trước mặt".  + Những câu, những lời thơ diễn lên “làm sống ngay lên một tình cảm, một nỗi niềm trong lòng người đọc".  + “Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm với cuộc sống".  Qua đó tác giả muốn nhấn mạnh giữa thơ với tâm hồn con người có sự tác động qua lại lẫn nhau.  -   Tiếp theo tác giả đưa ra đặc điểm của thơ để khẳng định thơ diễn tả tâm hồn con người.  + “Thơ là một thứ nhạc", “Một thứ nhịp điệu bên trong, một thứ nhịp điệu của hình ảnh, tình ý" nhưng nói chung những cái đó là “của tâm hồn".  + Nhịp điệu thơ được hình thành từ những cảm xúc, hình ảnh và trong khoảng im lặng “cũng là nơi lưu trú ngụ kín đáo của sự xúc động".  -   Cuối cùng tác giả kết luận “đường đi của thơ là đi thẳng vào tình cảm ". Điều đó có nghĩa thơ là phương tiện biểu hiện của tâm hồn con người.  **Câu 2:**  Bên cạnh việc thể hiện tâm hồn con người còn mang nhiều yếu tố đặc trưng cơ bản khác cũng được Nguyễn-Đình Thi đề cập đến.  -   Hình ảnh thơ: “là hình ảnh thực nẩy lên trong tâm hồn khi ta sống trong một cảnh huống hoặc trạng thái nào đấy", ví như “những tia lửa loé lên khi búa đập vào sắt trên đi" được thu lượm kết nên một bó sáng.  -  Tư tưởng trong thơ: “những tư tưởng trong thơ là tư tưởng dính liền với cuộc sống, ở trong cuộc sống. Tư tưởng của nhà thơ nằm ngay trong cảm xúc, tình tự".  -   Cảm xúc trong thơ: “Cảm xúc là phần xương thịt hơn cả đời sống tâm hồn", “bất cứ cảm xúc tình tự nào của con người cũng dính liền với sự suy nghĩ".  -   Cái thực trong thơ: “là những hình ảnh sống có sức lôi cuốn và thuyết phục người đọc. Đó là những hình ảnh chưa có vết nhoà của thói quen, không bị dập khuôn vào những ý niệm trừu tượng định trước".  **Câu 3:**  Nét tài hoa của Nguyễn Đình Thi trong bài tiểu luận. Mấy ý nghĩ về thơ được thể hiện ở nghệ thuật lập luận, đưa dẫn chứng, sử dụng từ ngữ, hình ảnh:  -   Hệ thống luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ sắc sảo. Tác giả sử dụng linh hoạt các thao tác lập luận so sánh, phân tích, giải thích bác bỏ, cách suy nghĩ logic.  -   Cách lấy dẫn chứng: độc đáo, tinh tế, sát thực có tác dụng soi sáng cho luận điểm.  -   Từ ngữ giàu có, ngôn ngữ chọn lọc được vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo.  -  Cách viết có hình ảnh, chân thực, độc đáo gợi nhiều liên tưởng. |

***4. Củng cố:*** Quan niệm về thơ của NĐT ngày nay còn có giá trị không?

Ngày giảng: ngày 13 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 6**

Tiết 11: **ĐÔ-XTÔI-EP-XKI**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Củng cố kiến thức về văn bản nghị luận

- Học tập các thao tác lập luận trong văn bản nghị luận về một vấn đề văn học

**2. Kĩ năng** :   Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Thái độ**:  Tình yêu văn học

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **-** Trình bày hiểu biết của em về tác giả và tác phẩm?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Theo anh, chị, ở đây, Đô-txoi-ép-xki là một con người có những nét gì đặc biệt về tính cách và số phận?  **Câu 2:** Hiệu quả của lối cấu trúc những hình ảnh trái ngược khi thể hiện chân dung của Đô-xtôi-ép-ki?  **Câu 3**: Từ câu "Cuối cùng, vào thời điểm...", các hình ảnh so sánh, những ẩn dụ cho tới cuối đoạn trích đều quy tụ về một thế giới như thế nào? Qua đó, Xvai-gơ muốn nói lên những gì về sứ mạng, về tầm vóc của Đô-xtoi-ép-xki?  **Câu 4:** Việc Xvai-gơ luôn gắn Đô-xtoi-ép-xki với bối cảnh thời sự chính trị và văn chương có tác dụng như thế nào trong việc làm nổi bật vai trò của nhà văn? | **-** Hs trình bày  **-** Hs nêu những nét đặc biệt về tính cách và số phận của Đô-txoi-ép-xki  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs trả lời  **-** Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  - Tác giả: SGK  - Tác phẩm: SGK  **II. Luyện tập**  **Câu 1**  -   Những nét đặc biệt về tính cách và số phận của nhân vật : đó là một người phải chịu nhiều nỗi khổ nhưng giàu nghị lực  - Số phận :  + Chịu nhiều nỗi khổ về vật chất và tình thần  + Có hai thời điểm đối lập trong cuộc sống của ông: thời điểm thứ nhất là thời điểm của sự tuyệt vọng lớn nhất (sống lưu vong, phải cầm cố, quỳ gối trước bao nhiêu kẻ thấp hèn, tiền nợ, …) và thời điểm trở về tổ quốc -> giây phút hạnh phúc tuyệt đỉnh.  - Tính cách :     + Giàu nghị lực : số phận vùi dập thiên tài nhưng ông vẫn không ngừng làm việc. Dù ở thời điểm sống lưu vong, tuyệt vọng nhất, ông vẫn không ngừng làm việc và nhớ về nước Nga.   + Là con người luôn sáng bừng nghị lực và niềm đam mê nghệ thuật, lòng yêu thương con người.  **Câu 2:**  - Hiệu quả cấu trúc tương phản:  + Thiện hiện sự đối lập giữa một bên là đời số vật chất và tinh thần khốn khổ, với một bên là sự vĩ đại trong những đóng góp to lớn của ông cho đất nước. Sự tôn sùng của nhân dân.  -> Nổi bật cả hai đặc điểm trong cuộc đời ông: người bị hành khổ và người đạt đến đỉnh vinh quang.  **Câu 3:**  Biện pháp so sánh: "Tác phẩm ... là rượu ngọt" , "đếm các ngày như trước đây đếm cái cọc của trại giam", "trở về như một kẻ hành khất", "lời như sấm sét  + Ẩn dụ: "quả đã được cứu thoát, vỏ khô rụng xuống", "thành phố ngàn tháp chuông"  -> Hình ảnh ẩn dụ, so sánh thuộc lĩnh vực tôn giáo. Mục đích muốn nâng lên thành hình ảnh vị thánh, một con người siêu phàm.  **Câu 4:**  Một nhà văn vĩ đại không thể tồn tại riêng lẻ mà phải được đặt trong quan hệ gắn bó với bối cảnh của dân tộc, đất nước. Đặt cuộc đời nhân vật với bối cảnh chính trị văn chương là nhằm khẳn định sự vĩ đại của nhà văn không những với lịch sử văn học mà còn đối với lịch sử xã hội, đất nước |

***4. Củng cố:*** Nội dung và đặc sắc về nghệ thuật trong văn bản Đô-xtoi-ép-xki?

Ngày giảng: ngày 13 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 6**

Tiết 12: **PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

 Giúp HS: Nắm được khái niệm: ngôn ngữ khoa học (phạm vi sử dụng, các loại văn bản) và phong cách ngôn ngữ khoa học (các đặc trưng để nhận diện và phân biệt trong sử dụng ngôn ngữ).

**2. Kĩ năng** : - Có kĩ năng lĩnh hội, phân tích và tạo lập các văn bản khoa học (thuộc các ngành khoa học trong chương trình THPT). Trình bày, trao đổi về đặc điểm của phong cách ngôn ngữ khoa học

**3. Thái độ**:  Phân tích đối chiếu các ngữ liệu để tìm hiểu về phong cách ngôn ngữ khoa học, các loại văn bản khoa học

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Qua các ngữ liệu đã phân tích, em hiểu thế nào là ngôn ngữ khoa học?  **Câu 2:** Ngôn ngữ khoa học tồn tại dưới những dạng nào? Nêu ví dụ một số loại văn bản khoa học của từng dạng?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Bài khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX (Ngữ văn 12, Tập 1) là một văn bản khoa học. Hãy nhận xét về văn bản đó trên các phương diện (SGK)  **Câu 2:**  Giải thích và phân biệt từ ngữ khoa học với từ ngữ thông thường qua các ví dụ (SGK).  **Câu 3:** Tìm các thuật ngữ khoa học và phân tích tính lí trí, logic của phong cách ngôn ngữ khoa học trong đoạn văn: | **-** Hs trả lời  **-** Hs nêu các dạng văn bản khoa học  **-** Hs nhận xét  **-** Hs giải thích  **-** Hs tìm các thuật ngữ | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - Ngôn ngữ khoa học: Là ngôn ngữ dùng trong các văn bản khoa học, trong phạm vi giao tiếp về những vấn đề khoa học.  **Câu 2:**  *- Các dạng:*  + Dạng viết: báo cáo khoa học, luận văn, luận án, SGK, sách phổ biến khoa học…   + Dạng nói: giảng bài, nói chuyện khoa học, thảo luận – tranh luận khoa học...  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  a. Những nội dung khoa học được trình bày trong văn bản Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX gồm:  - Khái quát văn học Việt Nam từ 1945 đến hết 1975:     + Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa.     + Các chặng đường văn học và những thành tựu chính.     + Những đặc điểm cơ bản  - Khái quát văn học Việt Nam từ 1945 đến hết thế kỉ XX:     + Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa.  - Những chuyển biến và một số thành tựu.  b. Văn bản thuộc ngành khoa học nghiên cứu văn học, thuộc loại khoa học xã hội.  c. Những nét riêng của văn bản :  - Hệ thống đề mục được sắp xếp từ lớn đến nhỏ, từ khái quát đến cụ thể.  - Sử dụng nhiều thuật ngữ khoa học xã hội, đặc biệt là thuật ngữ văn học (Ví dụ: *Đường lối văn nghệ, truyện ngắn, kí, thơ, đề tài, chủ đề, khuynh hướng sử thi, xu hướng văn học, cảm hứng lãng mạn, tính nhân bản, nhân văn,*…)  - Kết cấu văn bản rõ ràng, chặt chẽ do các câu, các đoạn được sắp xếp theo trật tự mạch lạc, làm nổi bật lập luận trong từng đoạn, cả bài.  **Câu 2:**  - Đoạn thẳng:     + Ngôn ngữ thông thường: Đoạn không cong queo, gãy khúc, không lệch về một bên nào cả.     + Ngôn ngữ khoa học: Đoạn ngắn nhất nối hai điểm với nhau.  - Mặt phẳng:     + Ngôn ngữ thông thường: Bề mặt của một vật bằng phẳng, không lồi, lõm, gồ ghề.     + Ngôn ngữ khoa học: là một khái niệm cơ bản trong toán học, là một tập hợp tất cả các điểm trong không gian ba chiều.  - Góc:     + Ngôn ngữ thông thường: Có thể là một phần, một phía (*Ăn hết một góc; "Triều đình riêng một góc trời/ Gồm hai văn võ rạch đôi sơn hà"*)     + Ngôn ngữ khoa học: Phần mặt phẳng giới hạn bởi hai nửa đường thẳng cùng xuất phát từ một điểm  => Sự khác nhau giữa những từ ngữ thông thường với từ ngữ khoa học:  -   Từ ngữ khoa học: chính xác, có tính trí tuệ, chứa đựng quan niệm của chuyên ngành khoa học, có tính khái quát, tính trừu tượng và tính hệ thống.  -   Từ ngữ trong lời nói hàng ngày: cụ thể, sinh động, hồn nhiên, giàu sắc thái biểu cảm.  (Dựa vào gợi ý trên, Học sinh giải thích các từ: từ điển, đường thẳng, mặt phẳng, đoạn thẳng, góc, đường tròn, góc vuông... với hai phương diện: thuật ngữ khoa học và từ ngữ thông thường).  **Câu 3:**  Thuật ngữ khoa học trong đoạn (ngành khảo cổ): di chỉ xương.  -  Câu văn mang tính phán đoán logic: *Những phát hiện của nhà khảo cổ … của người vượn*.  -  Tính lí trí thể hiện ở luận điểm khái quát đúng đắn (câu đầu) và những dẫn chứng chính xác (các câu sau).  -   Tính logic thể hiện ở lập luận chặt chẽ, có luận điểm, luận cứ, luận chứng xác thực:  + Câu 1: Nêu luận điểm (một phán đoán)  + Câu 2 + 3 + 4: Nêu 3 luận cứ, mỗi luận cứ là một chứng tích trong khảo cổ.  --> Làm cho luận điểm có sức thuyết phục cao. |

***4. Củng cố:*** Các đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ khoa học là gì?

Ngày giảng: ngày 20 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 7**

Tiết 13:

**THÔNG ĐIỆP NHÂN NGÀY THẾ GIỚI**

**PHÒNG CHỐNG AIDS 01/12/2003**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Thấy được tầm quan trọng và sự bức thiết của công cuộc phòng chống HIV/AIDS đối với toàn nhân loại và mỗi cá nhân. Nhận thức rõ trách nhiệm của các quốc gia và từng các nhân trong việc sát cánh, chung tay đẩy lùi hiểm họa.

**2. Kĩ năng** :   Rèn luyện kĩ năng tìm hiểu văn bản nhật dụng. Cảm nhận được sức thuyết phục của bài văn

**3. Thái độ**:  Giáo dục HS thái độ nghiêm túc, đúng đắn trong việc phòng chống HIV/AIDS

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Dựa vào SGK, em hãy trình bày một vài nét về tác giả Cô-phi An-nan?  **Câu 2:** Nêu lên hoàn cảnh ra đời bức thông điệp?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Bản thông điệp nêu lên vấn đề gì? Vì sao cho rằng đó là một vấn đề cần phải đặt lên “vị trí hàng đầu trong chương trình nghị sự về chính trị và hành động thực tế" của mỗi quốc gia và mỗi cá nhân?  **Câu 2:** Vị Tổng thư kí Liên hợp quốc đã làm thế nào để cho việc tổng kết tình hình thực tế không chỉ trung thực đáng tin cậy mà còn là cơ sở để dẫn tới những kiến nghị mà ông sẽ nêu bên dưới?  **Câu 3**: Trong lời kêu gọi mọi người phải nỗi lực phòng chống HIV/AIDS nhiều hơn nữa, tác giả đã nhấn mạnh nữa đặc biệt đến điều gì? Từ đây anh (chị) cảm nhân được những gì về con người tác giả, về những nét đặc sắc của bài văn. | **-** Hs trình bày  **-** Hs nêu hoàn cảnh ra đời  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs phân tích  **-** Hs nêu cảm nhận | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - Sinh ngày 8 – 4 - 1938 tại Ga-na (Châu Phi) .  - Năm 1997: là người thứ bảy và là người châu Phi da đen đầu tiên được bầu làm Tổng thư kí Liên hợp quốc.  - Đảm nhiệm chức vụ này trong hai nhiệm kì, từ tháng 1 - 1997 đến tháng 1 - 2007.  - Hoạt động:    + Ra lời kêu gọi hành động gồm năm  điều về đấu tranh chống lại đại dịch HIV/AIDS    + Kêu gọi thành lập quỹ sức khoẻ về AIDS toàn cầu    + Kêu gọi chống khủng bố trên toàn thế giới  - Được trao giải thưởng Nô-ben Hòa bình.  **Câu 2:** Được viết và gởi nhân dân thế giới nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS 01/12/2003.  **II. Luyện tập**  **Câu 1**  -   a. Bản thông điệp nêu lên vấn đề phòng chống AIDS.  b. Đó là vấn đề cần phải đặt lên “vị trí hàng đầu trong chương trình nghị sự về chính trị và hành động thực tế" của mỗi quốc gia và mỗi cá nhân vì:  -  HIV/AIDS là vấn đề nóng bỏng, cấp thiết của toàn nhân loại và đe doạ nghiêm trọng tới cuộc sống của nhân dân trên toàn thế giới.  -   AIDS vẫn hoành hành và đang lây lan tốc độ báo động, nhất la ờ phụ nữ và có rất ít dấu hiệu suy giảm.  -  HIV/AIDS làm tuổi thọ của người dân bị giảm sút nghiêm trọng, tỉ lệ tử vong cao.  -   Những thách thức cạnh tranh trong lĩnh vực kinh tế không quan trọng hơn vấn đề cấp bách HIV/AIDS.  **Câu 2:**  a. Cách tác giả điểm lại tình hình đã qua:  -   Đầu tiên tác giả nhấn mạnh trong phiên họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp quốc về HIV/AIDS các quốc gia đã thống nhất thông qua "Tuyên bố" về cam kết phòng chống HIV/AIDS đưa ra các mục tiêu, cam kết, nguồn lực và hành động".  -  Tác giả đưa ra một số kết quả đạt được như:  + Ngân sách dành cho phòng chống HIV/AIDS đã tăng lên một cách đáng kể.  + Quỹ toàn cầu về phòng chống AIDS, lao, sốt rét đã được thông qua.  + Ngày càng nhiều các công ty áp dụng chính sách phòng chống HIV/AIDS tại nơi làm việc.  + Các nhóm từ thiện cộng đồng luôn đi đầu trong cuộc chiến chống AIDS và có các hoạt động tích cực, phối hợp với chính phủ các tổ chức khác.  Tuy nhiên với các kết quả đó thì đại dịch HIV/AIDS vẫn còn rất ít dấu hiệu suy giảm và hiện tại vẫn hoành hành, gây tỉ lệ tử vong cao, lây lan với tốc độ báo động.  -   Tiếp đó, tác giả nêu ra: "Chúng ta đã không hoàn thành được một số mục tiêu đề ra cho năm nay trong tuyên bố về cam kết phòng chống HIV/AIDS. Với tiến bộ như hiện nay thì sẽ không đạt được bất cứ mục tiêu vào trong năm 2005".  - Tác giả đã điểm lại tình hình đã qua một cách trung thực, đáng tin cậy.  b. Để có cơ sở dẫn tới những kiến nghị mà ông sẽ nêu, Cô-phi An-nan đã đưa ra các biểu hiện và số liệu cụ thể nhằm thuyết phục người đọc.  -  Dẫn chứng cụ thể là:  + Trong năm qua, mỗi phút đồng hồ của một ngày trôi đi, có khoảng 10 người bị nhiễm HIV.  + Ở những khu vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất, tuổi thọ của người dân bị giảm sút nghiêm trọng.  + HIV/AIDS đang lây lan với tốc độ báo động ở phụ nữ. Giờ đây phụ nữ đã chiếm một nửa trong tổng số người nhiễm trên toàn thế giới.  + Dịch bệnh lan nhanh nhất ở chính những khu vực mà trước hầu như vẫn còn an toàn, đặc biệt là Đông Âu, toàn bộ Châu Á từ dãy núi A-ran đến Thái Bình Dương.  -   Ngoài ra, tác giả còn sử dụng các câu mở đầu bằng từ "lẽ ra" để làm cơ sở đưa ra kiến nghị ở phía sau của mình:  + Lẽ ra chúng ta phải giảm được cả sô" thanh niên bị nhiễm HIV ở các nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất.  + Lẽ ra chúng ta phải triển khai các chương trình chăm sóc toàn diện ở khắp mọi nơi.  Nhận xét: Nghệ thuật lập luận chặt chẽ có sức thuyết phục  **Câu 3:**  a. Tác giả đã đặc biệt nhấn mạnh: "Thậm chí chúng ta còn bị chậm hơn nữa về tiến độ hoàn thành các mục tiêu nếu sự kì thị và phân biệt đối xử vẫn tiếp tục diễn ra đối với những người bị HIV/AIDS".  b. Từ đây có thể thấy: Tác giả là một con người có trái tim nhân hậu, chan chứa yêu thương - một tấm lòng nhân đạo sâu sắc. Ở ông có tầm nhìn sâu rộng đối với sự vận động không ngừng của sự sống, luôn quan tâm đến vận mệnh của con người hơn bao giờ hết. Là một con người sống vì công việc vì sự ổn định tốt đẹp của toàn nhân loại.  c. Bài văn có sức thuyết phục mạnh mẽ vì những lí do sau:  -   Bài văn có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố chính luận với giọng văn trữ tình thắm đượm tình cảm, cảm xúc của tác giả.  -  Cách lập luận chặt chẽ, đáng tin cậy khi tác giả lần lượt điểm lại tình hình đã qua, thực trạng của HIV/AIDS và hướng tới kêu gọi mọi người hãy sát cánh để chống HIV/AIDS bởi "Cuộc chiến chống lại HIV/AIDS bắt đầu từ chính các bạn". |

***4. Củng cố:*** Bức thông điệp nêu lên vấn đề gì?

Ngày giảng: ngày 20 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 7**

Tiết 14:

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

Hệ thống hóa và nâng cao tri thức về làm văn nghị luận.

**2. Kĩ năng** :   Biết làm bài nghị luận về tác bài thơ, đoạn thơ.

**3. Thái độ**:  Nâng cao ý thức trau rèn kĩ năng làm văn nghị luận nói chung và nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ nói riêng.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **-** Cấu trúc khi viết bài nghị luận?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Hãy phân tích đoạn thơ trong bài “*Tràng giang*” của Huy Cận? | **-** Hs nêu cấu trúc  **-** Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  **-** Ba phần:  -  Mở bài:  Giới thiệu khái quát về bài thơ, đoạn thơ.  -  Thân bài:  Bàn về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ.  -   Kết bài:  Đánh giá chung về bài thơ, đoạn thơ.  -    Bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ cũng có cấu trúc như các nghị luận khác. Nhưng trong phần thân bài, cần biết bám sát vào các yếu tố của thơ như: hình ảnh, cảm xúc, nhịp, vần,... để phân tích, từ đó phá hiện ra cảm xúc chủ đạo và sự độc đáo của nhà thơ trong cảm xúc trong miêu tả.  **II. Luyện tập**  **Câu 1**  ***1. Mở bài:***  - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ:  Từ cảm hứng trước một buổi chiều đìu hiu, văng lặng buồn, khi lặng ngắm sông Hồng ngoại thành Hà Nội  - Giới thiệu xuất xứ đoạn thơ:  Khổ cuối trong bài thơ *Tràng giang*  - Nhận xét chung về khổ thơ:  Một bài thơ buồn – đẹp vào bậc nhất của Huy Cận, của văn học lãng mạn Việt Nam  - Dẫn văn bản khổ thơ  ***2. Thân bài:***  - Nhận xét tổng quát bài thơ, phân tích chung ba khổ thơ đầu để thấy mối liên hệ, thống nhất với khổ thơ cuối:     + Nhận xét: Thơ Huy Cận trước CMTT là nỗi buồn của thế hệ thanh niên mất nước, tương lai mờ mịt. Bài thơ mở vào khoảng trời đất cao rộng, vắng lặng để nỗi buồn thấm sâu tận cõi lòng     + Phân tích ba khổ đầu bài thơ: Cảnh buồn mênh mang, tâm hồn cô đơn không nguồn san sẻ (*sóng gợn tràng giang, sông dài trời rộng, mênh mang*sông nước với tâm trạng, tâm tình *sầu trăm ngả, cô liêu, không chút niềm thân mật*)  - Phân tích hai câu thơ đầu:  Trong ba khổ thơ trước: buồn trải ra xa, trong khổ cuối: buồn lên cao trong cánh chim nhỏ và dường như nhiều bơ vơ, không tìm ra phương hướng trong buổi chiều tắt nắng  - Phân tích hai câu thơ cuối:     + Cảnh hoàn toàn không còn dấu người. ở thời điểm này, quê hương là nơi neo đậu của lòng người. Câu thơ buồn nhưng sáng lên tình yêu quê hương đất nước sâu đậm.  + Thôi Hiệu:  *Quê hương khuất bóng hoàng hôn*  *Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai*  (Hoàng Hạc Lâu)     + Huy Cận:  *Lòng quê dơn dợn vời con nước*  *Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*  - Một vài nét về nghệ thuật:   + Mượn một số cách diến đạt thơ Đường nhưng vẫn giữ được nét riêng của Huy Cận:  **.** Các hình ảnh: *mây cao đùn núi bạc, chim nghêng cánh nhỏ, bóng chiều, con nước, nhớ nhà...* đậm chất thơ Đường  **.**  Nét riêng: cách dùng từ láy (*lớp lớp, dợn dợn)*, cảm xúc lãng mạn tinh tế (*chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa*), cách nói ngược so với thơ Đường (*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*)    + Âm hưởng Đương thi cộng với những hình ảnh cô đơn, nỗi buồn thế hệ tạo nên vẻ đẹp cổ điển, hiện đại của khổ thơ, bài thơ.  ***3. Kết bài:***  Tổng hợp chung:    - Đoạn thơ có nét cổ kính, trang nghiêm, đậm chất Đường thi nhưng vẫn giữ được cái hồn Việt Nam    - Thể hiện tình yêu quê hương đất nước sâu đậm của tác giả. |

***4. Củng cố:***  Nắm chắc kỹ năng và các bước nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

Ngày giảng: ngày 27 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 8**

Tiết 15:

**TÂY TIẾN**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được vẻ đẹp hùng vĩ, mĩ lệ của thiên nhiên miền Tây và hình tượng người lính Tây Tiến. Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật trong bài thơ: bút pháp lãng mạn, những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ và giọng điệu.

**2. Kĩ năng** :   Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc cua bài thơ, về giai điệu, hình tượng người lính Tây Tiến trong bài thơ. Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của bài thơ, về sự thể hiện hình tượng người lính của bài thơ so với thơ ca cách mạng cùng thời đại.

**3. Thái độ**:  Tự nhận thức về tinh thần yêu nước, ý chí vượt khó của người lính Tây Tiến, qua đó tự rút ra bài học cho cá nhân.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:**  Hãy trình bày những nét cơ bản về nhà thơ Quang Dũng ?  **Câu 2:** Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào ?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Theo văn bản, bài thơ chia thành 4 đoạn. Nêu ý chính của mỗi đoạn và chỉ ra mạch liên kết giữa các đoạn?  **Câu 2:** Nét đặc sắc của bức tranh thiên nhiên trong đoạn thơ thứ nhất và hình ảnh người lính Tây Tiến hiện lên trong đoạn thơ như thế nào? | **-** Hs trình bày  **-** Hs nêu hoàn cảnh sáng tác  **-** Hs nêu các ý  **-** Hs trình bày nét đặc sắc của bức tranh thiên nhiên | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:** Quang Dũng (1921 - 1988)  - Là người đa tài: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, làm nhạc.  - Hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa- đặc biệt khi ông viết về người lính Tây Tiến và xứ Đoài (Sơn Tây).  \* Tác phẩm tiêu biểu (SGK )  **Câu 2:** Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ:  - Sáng tác năm 1948, tại làng Phù Lưu Chanh; lúc Quang Dũng đã rời xa đoàn quân Tây Tiến.  - Được đăng trong tập thơ ″Mây đầu ô″.  **II. Luyện tập**  **Câu 1**      Đoạn 1 (14 dòng dầu): đoàn quân Tây Tiến hiện ra trong nỗi nhớ da diết của tác giả, với những đêm hành quân gian khổ trên cái nền của thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, dữ dội và thơ mộng.  -   Đoạn 2 (từ dòng 15 đến dòng 22): những kỉ niệm đẹp về tình quân dân và vẻ đẹp thơ mộng của núi rừng.  -   Đoạn 3 (từ dòng 23 đến dòng 30): khắc họa chân dung người lính Tây Tiến và sự hi sinh bi tráng.  -   Đoạn 4 (4 câu cuối): nhà thơ đã phải xa đơn vị, gửi lòng mình mãi mãi gắn bó với Tây Tiến.  -    Mạch cảm xúc của bài thơ: mở đầu là nỗi nhớ, tiếp theo là những kỉ niệm của nhà thơ về Tây Tiến và kết thúc là lời khẳng định sẽ mãi gắn bó lòng mình với Tây Tiến.  **Câu 2:**  **a.**Hình ảnh thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội là biểu tượng cho những chặng đường hành quân gian khổ.  -   Bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội, hoang sơ của miền Tây: những địa danh xa lạ mà gần gũi, nơi những người lính Tây Tiến đã đi qua (Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch, Mai Châu) với các sự vật tiêu biểu của miền Tây: mây, mưa, thác, cọp... con đường gập ghềnh, hiểm trở, cuộc hành quân gian khổ và khắc nghiệt của những người lính Tây Tiến.  -   Bức tranh thiên nhiên núi rừng miền Tây được mở ra trên chặng đường hành quân của những người lính Tây Tiến, cảnh núi cao, dốc sâu, vực thẳm, rừng dày... liên tục xuất hiện trong bài thơ.  -   Vẻ hoang sơ, dữ dội, ác liệt của Tây Tiến càng thể hiện rõ nét hơn bằng những thủ pháp nhân hoá, cường điệu: "súng ngửi trời"... và:  Chiều chiều oai linh thác gầm thét  Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người...  Với bức tranh thiên nhiên ấy, càng làm nổi bật hơn vẻ đẹp kiêu hùng, vượt lên trên tất cả mọi gian khó, mọi mất mát đau thương của những người lính trong đoàn quân Tây Tiến.  **b.**Hình ảnh đoàn quân Tây Tiến trên nền cảnh thiên nhiên ấy càng trở nên hào hùng:  -    Có cái tinh nghịch, dí dỏm của các chàng trai Hà Nội - Đó là sự chiến thắng thiên nhiên khi các anh đã “chạm" đến trời, đã lên đến đỉnh cao nhất của chiến trường miền Tây để đánh giặc:  Heo hút cồn mây súng ngửi trời  -    Có cái gan góc, kiên dũng của những người lính trên nền dữ dội và bí ẩn của thiên nhiên:  Chiều chiều oai linh thác gầm thét  Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người  -   Ngay đến cái chết, sự ra đi của các anh thanh thản, đẹp tuyệt vời:  Anh bạn dãi dầu không bước nữa  Gục lên súng mủ bỏ quên đời  -   Có sự hoà hợp đáng yêu trong tình quân dân kháng chiến:  Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói  Mai Châu mùa em thơm nếp xôi |

Ngày giảng: ngày 27 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 8**

Tiết 16:

**TÂY TIẾN (tt)**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được vẻ đẹp hùng vĩ, mĩ lệ của thiên nhiên miền Tây và hình tượng người lính Tây Tiến. Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật trong bài thơ: bút pháp lãng mạn, những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ và giọng điệu.

**2. Kĩ năng** :   Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc cua bài thơ, về giai điệu, hình tượng người lính Tây Tiến trong bài thơ. Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của bài thơ, về sự thể hiện hình tượng người lính của bài thơ so với thơ ca cách mạng cùng thời đại.

**3. Thái độ**:  Tự nhận thức về tinh thần yêu nước, ý chí vượt khó của người lính Tây Tiến, qua đó tự rút ra bài học cho cá nhân.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 3:** Đoạn thơ thứ hai mở ra một thế giới khác với những vẻ đẹp của con người về thiên nhiên miền Tây khác với đoạn thơ thứ nhất. Hãy phân tích.  **Câu 4:** Hình ảnh người lính Tây Tiến được lặp lại trong đoạn thơ thứ ba. Hãy làm rõ vẻ đẹp lãng mạn và tính chất bi tráng của hình ảnh người lính.  **Câu 5:** Ở đoạn cuối, nỗi nhớ Tây Tiến được diễn tả như thế nào? Vì sao nhà thơ viết: “Hồn về sầm Nữa chẳng về xuôi"? | **-** Hs phân tích  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs phân tích | **II. Luyện tập**  **Câu 3**        Bên cạnh bức tranh dữ dội, hoang sơ ở đoạn thơ thứ nhất. Tây Tiến còn được hiện lên với vẻ đẹp duyên dáng, mĩ lệ và đặc biệt rất thanh bình ngỡ như không còn tiếng súng, vẻ đẹp đó được nhìn qua con mắt hào hoa, yêu đời, lãng mạn của những chàng trai Tây Tiến.  -   Đó là vẻ đẹp của một đêm hội với đuốc hoa, xiêm áo rực rỡ, tiếng khèn, điệu nhạc, hồn thơ quấn quýt với tình người, tình quân dân kháng chiến tình nghĩa Việt - Lào... gắn bó thuỷ chung:  Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  Kìa em xiêm áo tự bao giờ  Khèn lận man điệu nàng e ấp  Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ...  -   Đó là vẻ đẹp Tây Bắc gắn với hình ảnh cô gái Thái chèo thuyền độc má uyển chuyển với bông hoa “đong đưa" như làn duyên trên dòng nước lũ:  Người đi Mộc Châu chiều sương ấy  Có thấy hồn lau nẻo bên bờ  Có nhớ dáng người trên độc mộc  Trôi dònq nước lũ hoa đong đưa  -    Cảnh tiễn đưa trên sông trong chiều sương khiến cảnh vật có hồn (hồn lau) và đầy quyến luyến, tình tứ (hoa đong đưa). Bức tranh 4 vậy có nét đẹp hoang dã nên thơ... Nổi bât là hình ảnh “dáng người trên độc mộc" đem đến nét đẹp rắn rỏi, khoẻ khoắn cho bức tranh thiên nhiên thơ mộng, mềm mại, mơ màng.  -   Hình ảnh thơ không còn dữ dội mà đậm màu sắc trữ tình, thơ mộng với hai bức tranh, hai khung cảnh khác nhau, cuộc liên hoan ở doanh trại và cuộc tiễn đưa lên đường đi Châu Mộc trong một chiều sương. Cho thấy vẻ đẹp tâm hồn, sự cảm nhận tinh tế của những người lính: lãng mạn, hào hoa yêu đời... và trên hết, đó là tâm hồn thơ của nhà thơ Quang Dũng.  **Câu 4:**  - Bức chân dung người lính hiện lên với vẻ đẹp hào hùng:   “Không mọc tóc": người lính đầu trọc (anh vệ trọc) vì sốt rụng hết tóc.  “Quân xanh màu lá": có thể hiểu là quân thiếu thốn nên da xanh xao, hoặc người lính phải dùng lá cây để ngụy trang tránh kẻ địch phát hiện.  “Dữ hùm" có oai phong dữ tợn như loài hổ báo rừng xanh. Đây là cách miêu tả ước lệ theo lối cổ.  -   Người lính còn hiện lên với vẻ đẹp hào hoa:  “Dáng kiều thơm" là dáng người đẹp Hà Thành. Người lính Tây Tiến đến người yêu, thật lãng mạn.  -   Quang Dũng đã nói đến sự hi sinh của người lính một cách bi tráng.  **Câu 5:**  -   Nỗi nhớ Tây Tiến ở đoạn cuối được thể hiện một cách ám ảnh:  Tây Tiến người đi không hẹn ước  Đường lên thăm thẳm một chia phôi  Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy  Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi  Cách diễn đạt theo lối cổ, dùng để diễn tả tâm trạng người anh hùng: “Người đi không hẹn ước" tức ngưừi ra đi không hẹn ngày về: “một chia phôi" tức là một phần chia phôi không trở lại. Giữa nhà thơ và những ngày ở Tây Tiến có cả một khoảng cách thời gian và không gian thăm thẳm "Đường lên thăm thẳm một chia phôi".  -   Nhưng hồn người Tây Tiến thì vẫn gắn với Tây Tiến mùa xuân ấy. Nhà thơ viết: “Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi", nghĩa là những người lính Tây Tiến đã dành tất cả trái tim mình cho Tây Tiến, gắn với những ngày tháng đẹp nhất của đoàn quân Tây Tiến - một đoàn quân đã đi vào lịch sử của dân tộc như một chứng tích không thể nào quên. |

***4. Củng cố:*** Cảm hứng lãng mạn và tính chất bi tráng

Ngày giảng: ngày 3 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 9**

Tiết 17:

**VIỆT BẮC**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu được những nét khái quát về sự nghiệp văn học, quan điểm sáng tác và những đặc điểm cơ bản trong phong cách nghệ thật của Tố Hữu.

**2. Kĩ năng:** Vận dụng có hiệu quả những kiến thức nói trên vào việc đọc hiểu văn thơ của Tố Hữu.

**3. Thái độ**:

- Trân trọng văn học Tố Hữu.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu những nét lớn trong cuộc đời Tố Hữu?  **Câu 2:** Những chặng lớn trong thơ Tố Hữu gắn bó như thế nào với những chặng đường cách mạng của bản thân nhà thơ, với những giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam.    **Câu 3:** Tại sao nói thơ Tố Hữu mang tính chất trữ tình chính trị.  **Câu 4:** Tính dân tộc trong hình thức nghệ thuật thơ Tố Hữu biểu hiện ở những điểm cơ bản nào? | - Hs trình bày  **-** Hs nêu những chặng đường thơ của tác giả  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs nêu những điểm cơ bản | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  -   Tố Hữu tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành (1920 - 2002), quê ở Thừa Thiên Huế, sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống Nho học và yêu văn chương. Quê hương và gia đình đã có ảnh hưởng lớn đến hồn thơ Tố Hữu.  -   Tố Hữu giác ngộ cách mạng từ rất sớm, kết nạp Đảng từ năm 18 tuổi. Ông hoạt động cách mạng qua nhiều thời kì lịch sử, từng giữ nhiều chức vụ quan trọng.  -   Năm 1938 (18 tuổi), ông đã trở thành người lãnh đạo chủ chốt của Đoàn thanh niên dân chủ ở Huế. Được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương.  -   Tháng 4 - 1939 đến tháng 3 - 1942, ông bị thực dân Pháp bắt giam qua nhiều nhà tù ở miền Trung và Tây Nguyên.  -   Tháng 3 - 1942, ông vượt ngục, tìm ra Thanh Hoá, tiếp tục hoạt động cách mạng  -  Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông là Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa ở Huế.  -   Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ cho đến năm 1986, ông liên tục giữ các cương vị trọng yếu trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước (từng là Uỷ viên Bộ Chính trị Đảng cộng sản Việt Nam. Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng). Năm 1996, được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.  **Câu 2:** Tố Hữu là một trong những lá cờ tiên phong của nền văn học cách mạng Việt Nam. Đối với ông, con đường hoạt động, cách mạng và con đường thơ có sự thống nhất không thể tách rời. Mỗi tập thơ của ông là sự phản ánh một chặng đường cách mạng.  *2.1. Tập thơ Từ ấy (1937 - 1946)*  -   Là chặng đầu tiên tương ứng với 10 năm đầu hoạt động cách mạng của Tố Hữu. Tập thơ gồm 3 phần: Máu lửa, Xiềng xích, Giải phóng. *Từ ấy* là niềm hân hoan của tâm hồn người thanh niên trẻ tuổi đang “băn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời" đã gặp được lí tưởng, tìm thấy lẽ sống.  + "*Máu lửa*" sáng tác trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ. Cảm thông sâu sắc những người nghèo trong xã hội, khơi dậy ý chí đấu tranh.  + "*Xiềng xích*" sáng tác trong nhà lao. Thể hiện tâm tư tha thiết yêu đời, yêu tự do, ý chí kiên cường, quyết tâm chiến đấu của người chiến sỹ.  + "*Giải phóng*" sáng tác khi vượt ngục đến những ngày giải phóng --> Ca ngợi thắng lợi của cách mạng, độc lập tự do của Tổ quốc, tin tưởng vào chế độ mới.  *2.2. Tập thơ Việt Bắc (1947 - 1954)*  - Đánh dấu bước chuyển của thơ Tố Hữu trong chặng đường này: hướng vào việc thể hiện quần chúng cách mạng, mang tính sử thi đậm đà Việt Bắc là bản hùng ca về cuộc kháng chiến 9 năm chống Pháp với những chặng đường gian lao, anh dũng và thắng lợi.  - Tác phẩm thể hiện thành công hình ảnh, tâm tư của quần chúng cách mạng, kết tinh những tình cảm lớn của con người Việt Nam trong kháng chiến mà bao trùm và thống nhất mọi tình cảm là lòng yêu nước.  *2.3. Tập thơ Gió lộng (1955 - 1961)*  Gió lộng phản ánh và ca ngợi cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, có sự kết hợp thể hiện cái “tôi" trữ tình công dân khi khai thác đề tài lớn: xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thống nhất đất nước tình cảm quốc tế vô sản.  *2.4. Tập thơ Ra trận (1962 - 1971) và Máu và hoa (1972 - 1977)*  -   Cả hai tập thơ Ra trận và Việt Nam - Máu và hoa cổ vũ, động viên  cuộc chiến đấu của nhân dân hai miền trong thời kì ác liệt nhất cuộc kháng chiến chống Mĩ.  -    Các tác phẩm  mang đậm tính chính luận - thời sự, chất sử thi âm hưởng anh hùng ca.  *2.5. Tập thơ Một tiếng đờn (1992) và Ta với ta (1999)*  -    Là những tập thơ được sáng tác sau năm 1975, đánh dấu bước chuyển biến mới trong thơ Tố Hữu, thể hiện những chiêm nghiệm, đúc kết - tác giả về những chặng đường cách mạng của dân tộc và con đường hành động của bản thân.  **Câu 3:** Thơ Tố Hữu là thơ trữ tình - chính trị. Đây là đặc điểm bao quát nhất trong phong cách thơ Tố Hữu. Phong cách đó biểu hiện như sau:  -   Tố Hữu là một thi sĩ - chiến sĩ, thơ là sự thống nhất giữa tuyên truyền cách mạng và cảm xúc trữ tình.  + Thơ Tố Hữu chủ yếu khai thác cảm hứng từ đời sống chính trị của đất nước, từ hoạt động cách mạng và tình cảm, chính trị của bản thân tác giả  + Lí tưởng cách mạng là ngọn nguồn mọi cảm hứng nghệ thuật của Tố Hữu. Lí tưởng thực tiễn cách mạng ở mỗi thời kì là đề tài, chủ đề sáng tác của nhà thơ.  + Tố Hữu là nhà thơ cách mạng, nhà thơ lí tưởng cộng sản, quá trình sáng tác dưới sự lãnh đạo của Đảng.  -   Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trở thành nét phong cách trong thơ Tố Hữu.  + Thơ Tố Hữu tập trung thể hiện những vấn đề cốt yếu của đời sống cách mạng và vận mệnh dân tộc. Cảm hứng hướng về lịch sử, dân tộc chứ không hướng về đời tư.  + Nhân vật trữ tình luôn đại diện cho phẩm chất của giai cấp, dân tộc thậm chí của lịch sử và thời đại.  -   Thơ Tố Hữu có giọng tâm tình ngọt ngào.  + Cách xưng hô gần gũi thân mật (bạn đời ơi, đồng bào ơi, em ơi...) với đôi tượng trò chuyện.  + Tố Hữu tuyên truyền, vận động cách mạng nói chuyện chính trị bằng giọng tâm tình.  **Câu 4:**  + Về nội dung: Thơ Tố Hữu mang đậm nét hình ảnh con người Việt Nam và tình cảm Việt Nam trong thời đại mới, nối tiếp với truyền thống tinh thần, tình cảm đạo lí của dân tộc.  + Về nghệ thuật: Tố Hữu sử dụng thành công các thể thơ thuần dân tộc (thơ lục bát, thơ bảy chữ), ngôn ngữ thơ với lời nói quen thuộc của dân tộc, thơ giàu nhạc điệu. |

***4. Củng cố:*** Tính dân tộc trong hình thức nghệ thuật thơ Tố Hữu

Ngày giảng: ngày 3 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 9**

Tiết 18:

**LUẬT THƠ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Hiểu luật thơ của một số thể thơ truyên thống: lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn và thất ngôn Đường luật.Qua các bài tập, hiểu thêm về một số đổi mới trong các thể thơ hiện đại: năm tiếng, bảy tiếng.

**2. Kĩ năng** :   Biết làm thơ

**3. Thái độ**:  Yêu thích thơ

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Cho học sinh dựa vào SGK nêu khái niệm luật thơ.  **Câu 2:** Nêu các thể thơ được sử dụng trong văn chương Việt Nam?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Phân biệt cách gieo vần, ngắt nhịp và hài thanh của hai câu thơ bảy tiếng trong thể song thất lục bát với thể thất ngôn Đường luật qua các ví dụ sau (SGK).  **Câu 2:** Gọi hs đọc, nhận xét cách đọc, cho hs nhận xét về số tiếng trong câu, hiệp vần, nhịp, hài thanh | **-** Hs trình bày  **-** Hs nêu  **-** Hs phân biệt  **-** Hs nhận xét | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  Luật thơ là toàn bộ những qui tắc về số câu, số tiếng, cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp...trong các thể thơ được khái quát theo những kiểu mẫu nhất định  **Câu 2:**  a. Thơ dân tộc: Lục bát, song thất lục bát, hát nói  b. Đường luật:  Ngũ ngôn, thất ngôn  c. Hiện đại: Năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ - văn xuôi,...  **II. Luyện tập**  **Câu 1**  **a.**  Trống tráng thành lung lay bóng **nguyệt**  Khói Cam Tuyền mờ **mịt** thức mây  (Chinh phụ ngâm - Đoàn Thị Điểm dịch)  **b.**  Tiếng suối trong như tiếng hát xa  Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng **hoa**  Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ  Chưa ngủ vì lo nỗi nước **nhà**  (Cảnh khuya - Hồ Chí Minh)  Nhận xét:  -   Về cách gieo vần:  + 2 câu thơ thất ngôn (a): tiếng thứ 6 của dòng đầu hiệp vần với tiết thứ 5 của dòng sau.  + Bài thơ thất ngôn bát cú tứ tuyệt Đường luật (b): gieo vần chân (xem các chữ in đậm)  -   Về cách ngắt nhịp:  **a.**Trống tràng thành / lung bay bóng nguyệt (3 - 4)  Khói Cam Tuyền /mờ mịt thứ mây (3-4)  Tiếng suối trong/ như tiếng hát xa (3 - 4)  Trăng lồng cổ thụ/ bóng lồng hoa (4-3)  Cảnh khuya như vẽ / người chưa ngủ (4-3)  Chưa ngủ/ vì lo/ nỗi nước nhà (2-2-3)  - Về hài thanh:  Trống tràng thành Hung bay bóng nguyệt  T B B B B T Tv  Khói Cam Tuyền / mờ mịt thứ mây  T B B B Tv T B  Tiếng suối trong như tiếng hát xa  T T B B T T Bv  Trăng lồng cổ thụ/ bóng lồng hoa  B B T T T B Bv  Cảnh khuya như vẽ / người chưa ngủ  T B B T B B T  Chưa ngủ/ vì lo/ nỗi nước nhà  B T B B T T Bv  **Câu 2:**   Số tiếng: Câu 6 - câu 8 liên tục  - Vần:  + Tiếng thứ 6 hai dòng  + Tiếng thứ 8 dòng bát với tiếng thứ 6 dòng lục  - Nhịp: Chẵn, dựa vào tiếng có thanh không đổi (2, 4, 6 → 2/2/2)  - Hài thanh:    + Tiếng 2 (B), tiếng 4 (T), tiếng 6 (B).    + Đối lập âm vực trầm bổng ở tiếng 6, 8 dòng bát |

***4. Củng cố:***  Luật thơ của một số thể thơ truyền thống

Ngày giảng: ngày 10 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 10**

Tiết 19:

**VIỆT BẮC**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được một thời kháng chiến gian khổ mà hào hùng, tình nghĩa thắm thiết của những người kháng chiến với Việt Bắc, với nhân dân, đất nước.Nhận thức được tính dân tộc đậm đà không chỉ trong nội dung mà còn ở hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

**2. Kĩ năng** :  Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc của bài thơ, về giai điệu, cảm xúc kẻ ở người đi trong bài thơ.Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của lối nói giao duyên trong bài thơ, về cách xưng hô, về hình ảnh kẻ đi, người ở, về tình cảm cách mạng cao đẹp.

**3. Thái độ**:  Tự nhận thức về nghĩa tình thủy chung cách mạng của những con người Việt Bắc.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Dựa vào Tiểu dẫn, hãy nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ. Phân tích sắc thái tâm trạng, lối đối đáp của nhân vật trữ tình trong đoạn trích?  **Câu 2:** Qua hồi tưởng của chủ thể trữ tình, vẻ đẹp của cảnh và người Việt Bắc hiện lên như thế nào? | **-** Hs nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ  **-** Hs nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ  **-** Hs suy nghĩ trả lời | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  Hoàn cảnh sáng tác :  - Tháng 10 - 1954, những người kháng chiến từ căn cứ miền núi về miền xuôi.  - Trung ương Đảng quyết định rời chiến khu Việt Bắc về lại thủ đô.  - Nhân sự kiện có tính chất lịch sử ấy, Tố Hữu đã sáng tác bài thơ *Việt Bắc* .  **II. Luyện tập**  **Câu 1**  **a.**Hoàn cảnh sáng tác  Cuối năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta thắng lợi. Trung ương Đảng và chính phủ rời chiến khu Việt Bắc về thủ đô Hà Nội sau 9 năm kháng chiến gian khổ, trường kì. Tố Hữu đã viết bài thơ Việt Bắc để ghi lại tình cảm và mối quan hệ gắn bó khăng khít, nghĩa tình sâu nặng giữa nhân dân Việt Bắc với cái bộ và chiến sĩ cách mạng.  **b.**Sắc thái tâm trạng của bài thơ  Tâm trạng bâng khuâng bồn chồn, bịn rịn lưu luyến của nhân vật trữ tình trong cuộc chia tay.  **c.**Lối đối đáp: Hai nhân vật đều xưng - gọi là "mình" và "ta"  **Câu 2:**  a.  Hồi tưởng về thiên nhiên Việt Bắc.  Thiên nhiên Việt Bắc hiện lên mang vẻ đẹp vừa gần gũi, vừa nên thơ quê hương cách mạng.  -  Vẻ đẹp đa dạng theo thời gian, không gian khác nhau: sương sớm nắng chiều trăng khuya... Đặc biệt là "bức tranh tứ bình" của Việt Bắc qua bốn mùa:  + Mùa đông: Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi  + Mùa xuân: Ngày xuân mơ nở trắng rừng  + Mùa hạ: Ve kêu rừng phách đổ vàng  + Mùa thu: Rừng thu trăng gọi hoà bình  -   Thiên nhiên trở nên đẹp hơn, hữu tình hơn khi có sự gắn bó với con người:  + Cảnh làng bản ấm cúng:  Nhớ từng bản khói cùng sương  Sớm khuya bếp lửa người thương đi về  + Cảnh sinh hoạt kháng chiến ở chiến khu:  Nhớ sao lớp học i tờ ...  Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo  + Cảnh thơ mộng, ân tình:  Nhớ gì như nhớ người yêu  Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương  + Cảnh sinh hoạt đặc trưng của Việt Bắc:  Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều  Chày đem nện cối đều đều suối xa  Những câu thơ được sắp xếp xen kẽ, cứ một câu tả cảnh lại có một câu người, thể hiện sự gắn bó giữa cảnh và người.   b.  Hồi tưởng về con người Việt Bắc  -   Trong hồi tưởng, nhà thơ nhớ đến những con người Việt Bắc, trên cái phông chung của núi rừng. Tác giả nhớ người đi rừng: “Đèo cao nắng ánh dao cài thắt lưng", “Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang", “Nhớ cô em gái hái măng một mình", và nhớ “tiếng hát ân tình thuỷ chung" của người Việt Bắc.  -   Nhớ đến cuộc sống thanh bình êm ả:  Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều  Chày đêm nện cối đều đều suối xa  -    Cuộc sống vất vả, khó khăn trong kháng chiến nhưng chan chứa tình yêu thương:  Thương nhau chia củ sắn bùi  Bát cơm sẻ nửa chăn sui đắp cùng.  Đó là cảnh sinh hoạt bình dị của người dân Việt Bắc. Nét đẹp nhất chính là nghĩa tình và sự đùm bọc, che chở cho cách mạng, hi sinh tất cả vì kháng chiến, dù cuộc sống còn rất khó khăn. |

Ngày giảng: ngày 10 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 10**

Tiết 20 :

**VIỆT BẮC (tt)**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được một thời kháng chiến gian khổ mà hào hùng, tình nghĩa thắm thiết của những người kháng chiến với Việt Bắc, với nhân dân, đất nước.Nhận thức được tính dân tộc đậm đà không chỉ trong nội dung mà còn ở hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

**2. Kĩ năng** :   Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc của bài thơ, về giai điệu, cảm xúc kẻ ở người đi trong bài thơ.Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của lối nói giao duyên trong bài thơ, về cách xưng hô, về hình ảnh kẻ đi, người ở, về tình cảm cách mạng cao đẹp.

**3. Thái độ**:  Tự nhận thức về nghĩa tình thủy chung cách mạng của những con người Việt Bắc.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc trong chiến đấu; vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến đã được Tố Hữu khắc hoạ ra sao?  **Câu 2:** Nhận xét về hình thức nghệ thuật đậm đà tính dân tộc của bài thơ và đoạn thơ.  **Câu 3:** Ngôn ngữ trong đoạn thơ được lấy từ đâu? Nó có đặc điểm như thế nào? | **-** Hs phân tích  **-** Hs nhận xét  **-** Hs suy nghĩ trả lời | **II. Luyện tập**  **Câu 1**  Trong hồi tưởng, tác giả nhớ về những kỉ niệm kháng chiến, những khung cảnh rộng lớn, những hoạt động tấp nập, sôi nổi của dân công và chiến sĩ:  - Cả dân tộc chất chứa căm thù thực dân đế quốc: Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai.  - Thiếu thốn gian khổ nhưng vẫn đầy lạc quan: Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo  -   Đó là vẻ đẹp của “thế trận" rừng núi đã cùng ta đánh giặc:  Nhớ khi giặc đến giặc lùng  Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây  Núi giăng thành luỹ sắt dày  Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù  -   Đó là khung cảnh hùng tráng của bức tranh “Việt Bắc xuất quân", đầy hào khí, chỉ mới ra quân mà như đã cầm chắc chiến thắng trong tay:  Những đường Việt Bắc của ta  Đêm đêm rầm rập như là đất rung  Quân đi điệp điệp trùng trùng  Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan  Dân công đỏ đuốc từng đoàn  Bước chân nứt đá muôn tàn lửa bay...  Khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc trong chiến đấu đã được nhà thơ Tố Hữu khắc hoạ thật đẹp và đầy ấn tượng.  Vai trò của Việt Bắc: là chiếc nôi của cách mạng và kháng chiến, nơi nuôi dưỡng, đùm bọc, che chở cho cán bộ chiến sĩ từ những ngày đầu của cách mạng và sau này là kháng chiến chống Pháp.  **Câu 2:**  Tính dân tộc của bài thơ và đoạn thơ thể hiện ở các khía cạnh:  -   Thể thơ lục bát - một thể thơ truyền thông của dân tộc được sử dụng nhuần nhị, uyển chuyển và sáng tạo.  -   Sử dụng kết cấu đối đáp thường gặp trong dân ca: tiêu biểu là cặp đại từ xưng hô ta - mình được dùng rất sáng tạo trong bài thơ.  -    Các hình ảnh quen thuộc, đại chúng theo lối phô diễn dân tộc: Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu, mình về mình có nhớ ta.  -   Biện pháp so sánh, ẩn dụ quen thuộc trong ca dao.  -   Nhịp điệu, nhạc điệu dân tộc khi nhẹ nhàng, thơ mộng; khi đằm thắm ân tình, khi mạnh mẽ, hùng tráng.  **Câu 3:**  - Sử dụng lời ăn tiếng nói của nhân dân rất mộc mạc, giản dị nhưng cũng rất sinh động để tái hiện lại một thời cách mạng và kháng chiến đầy gian khổ mà dạt dào nghĩa tình.  - Đó là thứ ngôn ngữ giàu hình ảnh cụ thể:  *″Nghìn đêm thăm thẳm sương dày″*  *″Nắng trưa rực rỡ sao vàng″*  + Ngôn ngữ giàu nhạc điệu:  ″*Chày đêm nện cối đều đều suối xa″*  *″Đêm đêm rầm rập như là đất rung″*  - Sử dụng nhuần nhuyễn phép trùng điệp của dân gian:  *+ ″Mình về, mình có nhớ ta″*  *″Mình về, có nhớ chiến khu″*  *+ ″Nhớ sao lớp học i tờ″*  *″Nhớ sao ngày tháng cơ quan″*  *″Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều″*  → tạo giọng điệu trữ tình thiết tha, êm ái, ngọt ngào như âm hưởng lời ru, đưa ta vào thế giới của kỷ niệm và tình nghĩa thuỷ chung. |

***4. Củng cố:*** Cảnh đẹp của thiên nhiên và con người Việt Bắc qua nỗi nhớ của người ra đi

Ngày giảng: ngày 17 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 11**

Tiết 21,22 :

**ĐẤT NƯỚC**

**- Nguyễn Khoa Điềm**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Cảm nhận được những suy tư sâu sắc của nhà thơ về đất nước và trách nhiệm của mỗi người đối với quê hương, xứ sở. Hiểu được sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất chính luận và trữ tình, sự vận dụng các chất liệu văn hóa và văn học dân gian, sự phong phú, linh hoạt của giọng điệu thơ.

**2. Kĩ năng** :   Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc của bài thơ, sự thể hiện hình tượng đất nước của bài thơ.Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của bài thơ, chất chính luận và chất trữ tình của bài thơ, về sự thể hiện tư tưởng Đất Nước của Nhân Dân.

**3. Thái độ**:  Tự nhận thức về tình yêu đất nước của thế hệ các nhà thơ trẻ trong thời kì chống Mĩ

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Phần tiểu dẫn trình bày những nội dung chính nào?  **Câu 2:** Nêu hoàn cảnh ra đời? Nội dung cơ bản? Nghệ thuật bài thơ?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Tác giả đã sử dụng những chất liệu văn hoá và lịch sử nào để thể hiện sự cảm nhận về đất nước?  **Câu 2:** Đất nước được cảm nhận trên phương diện không gian như thế nào? Nhận xét gì về những không gian đó?  **Câu 3:** Xét về phương diện thời gian, đất nước tồn tại trong thời gian “đằng đẵng”. Em hãy tìm dẫn chứng để làm rõ ý trên?  **Câu 4:** Tác giả suy nghĩ như thế nào về trách nhiệm của mình đối với đất nước?  **Câu 5:** Nhận xét về nghệ thuật của đoạn thơ? Thể thơ? Giọng thơ? | **-** Hs trình bày  **-** Hs nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ  - Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs nhận xét  - Hs tìm dẫn chứng  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs nhận xét về nghệ thuật | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  *a. Tiểu sử:*  - Sinh ra trong một gia đình trí thức, giàu truyền thống yêu nước và tinh thần cách mạng.  - Học tập và trưởng thành trên miền Bắc, tham gia chiến đấu và hoạt động văn nghệ ở miền Nam.  *b. Phong cách sáng tác :*  - Giàu chất suy tư , xúc cảm dồn nén .  - Giọng thơ trữ tình chính luận  - Hoàn cảnh sáng tác: Hoàn thành ở chiến khu Trị -Thiên 1971 .  - Nội dung: thức tỉnh tuổi trẻ đô thị vùng tạm chiếm miền Nam.  - Nghệ thuật: mang đậm phong cách thơ Nguyễn Khoa Điềm.  **II. Luyện tập**  **Câu 1**  - Đất nước gắn liền với:  + Văn hoá lâu đời của dân tộc: truyện cổ tích, phong tục.  + Cuộc trường chinh không nghỉ ngơi: chống ngoại xâm, cuộc sống lao động vất vả.  ⇒ Đất nước được hình thành và phát triển theo quá trình sống của mỗi con người, rất bình dị, thân thộc và gần gũi.  - Nghệ thuật: Giọng thơ nhẹ nhàng, âm hưởng đầy quyến rũ đã đưa ta về với cội nguồn của đất nước : Một đất nước vừa cụ thể vừa huyền ảo đã có từ rất lâu đời.  **Câu 2:**  - Phương diện không gian: Chiết tự: Đất nước: mới mẻ, độc đáo, mang tính cá thể, hết sức táo bạo  + Không gian gần gũi với con người: nơi sinh hoạt của mỗi người, không gian tuyệt diệu của tình yêu và nỗi nhớ đầy thơ mộng với bao kỉ niệm ngọt ngào.  + Không gian đại lí mênh mông từ "núi bạc" đến "biển khơi" và không gian sinh tồn của dân tộc bao thế hệ: "Những ai đã khuất...mai sau".  ⇒ Đất nước hiện lên thiêng liêng những vẫn gần gũi, gắn bó với mỗi con người. Là sự thống nhất giữa cá nhân với cộng đồng.  **Câu 3:** Phương diện thời gian:  + Nhắc đến cội nguồn dân tộc: “Lạc Long Quân và Âu Cơ” và ngày giỗ Tổ cho đến hiện tại với những con người không bao giờ quên nguồn cội dân tộc.  + Đất nước là sự kế tục của các thế hệ: quá khứ, hiện tại và tương lai: "Những ai đã khuất...mai sau".  => Tóm lại: Tác giả đã hướng tới cái nhìn toàn vẹn và nhiều chiều về đất nước để khơi dậy một đất nước có chiều dài của thời gian lịch sử, chiều rộng của không gian địa lí và chiều sâu của truyền thống văn hoá dân tộc.  **Câu 4:** Trách nhiệm của thế hệ mình với đất nước: Điểm mấu chốt về tư tưởng, tập trung cảm xúc.  + Đất nước kết tinh trong sự sống, trong máu thịt của mỗi cá nhân.  + Tình yêu lứa đôi thống nhất, hài hoà với tình yêu đất nước.  + Sự phát triển từ cá nhân, tình yêu lứa đôi đến tình yêu đồng loại + kết hợp với hình ảnh “Đất nước vẹn tròn to lớn” ⇒ gợi tả tình đoàn kết dân tộc (làm nên sức mạnh Việt Nam).  - Niềm tin vào thế hệ mai sau.  - Trách nhiệm của thế hệ mình:  + Đất nước - "máu xương" của mỗi con- là những giá trị vật chất và tinh thần mà mỗi người được thừa hưởng (quyền lợi)  + Trách nhiệm của mỗi người:phải biết gắn bó, san sẻ, hoá thân  ⇒ Xây dựng và bảo vệ Đất nước muôn đời. (nghĩa vụ).  **Câu 5:**  - Thể thơ tự do phóng túng .  - Giọng thơ suy tưởng: đặt câu hỏi và tự trả lời.  - Sử dụng các chất liệu văn hoá dân gian không phải là thủ pháp nghệ thuật mà là để chi phối tư tưởng "Đất Nước là của Nhân Dân".  - Giọng thơ trữ tình – chính luận |

***4. Củng cố:*** Cách cảm nhận đất nước vừa cụ thể vừa độc đáo của tác giả ở phương diện thời gian, không gian và văn hoá.

Ngày giảng: ngày 24 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 12**

Tiết 23 :  **LUẬT THƠ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Hiểu luật thơ của một số thể thơ truyên thống: lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn và thất ngôn Đường luật.Qua các bài tập, hiểu thêm về một số đổi mới trong các thể thơ hiện đại: năm tiếng, bảy tiếng.

**2. Kĩ năng** :   Biết làm thơ

**3. Thái độ**:  Yêu thích thơ

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động: Luyện tập**  **Câu 1:** Những nét giống nhau và khác nhau về cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh trong hai bài *Mặt trăng* và bài *Sóng*?  **Câu 2:** Đánh dấu mô hình âm luật bài thơ Mời trầu?  **Câu 3**: Ảnh hưởng của thơ thất ngôn Đường luật đối với thơ mới trong bài thơ? | **-** Hs nêu  **-** Hs phân biệt | **\* Luyện tập**  **Câu 1**  Những nét giống nhau và khác nhau về cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh (bài Mặt trăng và bài Sóng):  \* Giống nhau: gieo vần cách  \* Khác nhau:   |  |  | | --- | --- | | Ngũ ngôn truyền thống  (Mặt trăng) | Thơ hiện đại:  năm chữ (Sóng) | | - Vần: độc vận (bên, đen, lên, hèn)  - Ngắt nhịp lẻ: 2/3  - Hài thanh: Luân phiên ở tiếng 2 và 4 | - Vần: 2 vần (thế, trẻ, em, lên)  - Nhịp chẵn: 3/2  - Thanh của tiếng thứ 2 và 4 linh hoạt |   **Câu 2:** Mô hình âm luật bài thơ Mời trầu:  Quả cau nho nhỏ / miếng trầu hôi  B T B  Này của Xuân Hương / mới quệt rồi  T B T Bv  Có phải duyên nhau / thì thắm lại  T B T  Đừng xanh như lá / bạc như vôi  B T B Bv  **Câu 3:** Ảnh hưởng của thơ thất ngôn Đường luật đối với thơ mới:  \* Gieo vần: sông - dòng: vần cách  \* Nhịp: 4/3  \* Hài thanh:  - Tiếng 2: gợn, thuyền, về, một: T – B – B – T  - Tiếng 4: giang, mái, lại, khô: B –T – T – B  - Tiếng 6: điệp, song, trăm, mấy: T – B – B – T  → Vần, nhịp, hài thanh đều giống thơ thất ngôn tứ tuyệt |

***4. Củng cố:***  Sự khác nhau giữa thơ truyền thống và thơ hiện đại.

Ngày giảng: ngày 24 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 12**

Tiết 24 :  **THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ NGỮ ÂM**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Qua bài học giúp HS:Củng cố và nâng cao nhận thức về một số phép tu từ ngữ âm (tạo nhịp điệu, âm hưởng, điệp âm, điệp vần, điệp thanh): đặc điểm và tác dụng của chúng.

- Cảm nhận và phân tích các phép tu từ trong văn bản, bước đầu biết sử dụng các phép tu từ.

**2. Kĩ năng** :   Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về hiệu quả biểu đạt của một số câu/ đoạn văn, thơ có sự phối hợp ngữ âm.

**3. Thái độ**:  Phân tích, đối chiếu sự phối hợp âm thanh, nhịp điệu, âm hưởng của một số câu/ đoạn thơ, văn.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1:**  **Câu 1:** Hướng dẫn HS tìm hiểu Bài tập 1  + Nhận xét cách ngắt nhịp trong đoạn?  + Nhịp dài có tác dụng ra sao?  + Nhịp ngắn tạo nên tác dụng gì ?  **Câu 2:** Hướng dẫn HS tìm hiểu Bài tập 2: Điều gì nổi bật về nghệ thuật trong đoạn văn này?    - Nhịp điệu khi nhanh, khi chậm thể hiện điều gì ?  **Hoạt động 2:**  **Câu 3**: Tác dụng của lặp âm đầu trong câu thơ sau là gì?  *“Dưới trăng quyên đã gọi hè*  *Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông”*  **Câu 4:** Sắc thái ý nghĩa của vần ang trong đoạn thơ sau là gì?  *“Lá bàng đang đỏ ngọn cây.*  *Sếu giang mang lạnh đang bay ngang trời*  *Mùa đông còn hết em ơi*  *Mà con én đã gọi người sang xuân !”* | **-** Hs nêu  **-** Hs phân biệt | **I. Tạo nhip điệu và âm hưởng cho câu:**  **Câu 1**  - Đoạn văn có 4 nhịp: 2 nhịp dài, 2 nhịp ngắn phối hợp diễn tả nội dung đoạn:  + Hai nhịp dài: thể hiện lòng kiên trì và ý chí quyết tâm dân tộc trong đấu tranh vì tự do với thời gian dài.    + Hai nhịp ngắn: khẳng định dứt khoát và đanh thép quyền tự do và độc lập của dân tộc  - Sự thay đổi thanh điệu cuối nhịp:   + Kết thúc 3 nhịp đầu: thanh bằng và âm tiết mở tạo âm hưởng ngân vang, lan xa.    + Nhịp cuối: thanh trắc và âm tiết khép, tạo nên âm hưởng mạnh mẽ, dứt khoát, phù hợp với lời khẳng định.  **Câu 2:** Để tạo nên sắc thái hùng hồn, thiêng liêng, đoạn văn phối hợp:  - Phép điệp (lặp từ ngữ, kết cấu ngữ pháp và nhịp điệu 4/2/4/2) + phép đối (đối xứng từ ngữ, về nhịp điệu, về kết cấu ngữ pháp)  - Câu văn xuôi + có vần (Câu 1,2: bà / già, súng / súng)  - Nhịp ngắn, nhịp dài: câu 1, 4.  → Tạo âm hưởng khi khoan thai, khi mạnh mẽ, thích hợp với lời kêu gọi cứu nước.  **II. Điệp âm, điệp vần, điệp thanh**  **Câu 3:**  - Lặp âm đầu gợi cảm giác về hình ảnh: hoa lựu như những đóm lửa nhỏ, đẹp và ẩn hiện trên đầu tường.  - Lặp âm đầu gợi cảm giác phản chiếu của bóng trăng như phát tán trong không gian và trên mặt nước.  **Câu 4**  - Vần ang – âm thanh mở lặp lại nhiều nhất, xuất hiện 7 lần  - Tác dụng:  + Tạo cảm giác rộng lớn, chuyển động, kéo dài (đông – xuân)  + Phù hợp với cảm xúc chung: mùa đông đang còn tiếp diễn vậy mà đã có lời mời gọi mùa xuân. |

***4. Củng cố:***  Tác dụng của các biện pháp tu từ ngữ âm trong khi diễn đạt nội dung câu văn.

Ngày giảng: ngày 1 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 13**

Tiết 25 :  **DỌN VỀ LÀNG**

**- Nông Quốc Chấn**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Giúp HS hiểu được:Vẻ đẹp rất riêng của thơ Nông Quốc Chấn, đại diện cho thơ của tầng lớp trí thức dân tộc ít người. Cảm nhận vẻ đẹp về nội dung và hình thức của bài thơ “Dọn về làng”.

**2. Kĩ năng** :   Rèn thêm kĩ năng đọc hiểu thơ cho học sinh.

**3. Thái độ**:  Tình yêu quê hương

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu những nét chính về tác giả và đặc điểm thơ Nông Quốc Chấn.  **Hoạt động. Luyện tập**  **Câu 1:** Cuộc sống gian khổ của nhân dân Cao - Bắc - Lạng và tội ác của giặc Pháp đã được diễn tả như thế nào ?  **Câu 2:** Nét độc đáo trong cách thể hiện niềm vui Cao - Bắc - Lạng được giải phóng qua phần đầu và phần cuối của bài thơ ?  **Câu 3:** Phân tích màu sắc dân tộc được biểu hiện qua cách sử dụng hình ảnh của tác giả? | **-** Hs suy nghĩ phân tích nội dung  - Hs nêu nét độc đáo  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  **Câu 1**  - Nông Quốc Chấn là nhà thơ dân tộc Tày. Thơ ông đậm bản sắc dân tộc miền núi.  - Tác phẩm: (SGK)  **II.Luyện tập**  **Câu 1:**  \* Cuộc sống gian khổ của nhân dân Cao - Bắc - Lạng được thể hiện qua những hình ảnh:  Mấy tháng năm qua quên tết tháng giêng, quên rằm tháng bảy  Chạy hết núi khe, cay đắng đủ mùi  ….  Đường đi lại vắt bám đầy chân  …  Mẹ địu em chạy tót lên rừng  Lần đi trước, mẹ vẫy con sau lưng  Tay dắt bà, vai đeo đầy tay nải  Bà bị loà mắt không biết lối đi  → Những chi tiết được liệt kê cho ta thấy, những gian khổ của người dân Cao - Bắc - Lạng đã diễn ra trong một thời gian kéo dài, từ năm này qua năm khác, từ ngày này qua ngày khác, họ sống trong sự nơm nớp, lo sợ, quên đi cả những ngày lễ cổ truyền quan trọng, luôn luôn phải đề phòng để đảm bảo sự sinh tồn cho chính mình. Công cuộc chạy giặc, đi sơ tán, trở thành một nếp sống mới, đi sâu vào tiềm thức của người dân, trong họ không còn sự vui tươi, bình yên, mà thay vào đó là sự sợ hãi, lo sợ trước sự truy lùng của giặc Tây  \* Tội ác của giặc Pháp:  - Súng nổ, giặc Tây lại đến lùng  - Từng cái làn đốt trơ trụi  - Cha bị bắt, bị đánh chết  - Chôn cất cha; bằng khăn của mẹ; liệm bằng áo của con  - Máu đầy tay, nước tràn đầy mặt  → Những tội ác được diễn tả rất chân thực, thể hiện thái độ căm thù của tác giả, của những người dân Cao - Bắc - Lạng trước những tội ác xấu xa mà thực dân Pháp đã mang đến. Những tội ác ấy không khỏi khiến người đọc cảm thấy xót xa, đau đớn, cho những kiếp người thời gian khổ nghèo khó ấy. Để rồi sự căm thù ấy đẩy đến đỉnh điểm với câu thơ “Mày sẽ chết, thằng giặc Pháp hung tàn băm xương thịt mày mới hả”.  **Câu 2:**  - Bài thơ được xây dựng theo kết cấu: hiện tại - quá khứ - hiện tại. Hai đoạn thơ đầu và cuối thể hiện niềm vui mừng, hân hoan của người dân Cao - Bắc Lạng trong khung cảnh chiến thắng dân làng được tự do, không phải sống trong cảnh nơm nớp lo sợ, mọi người nô nức dọn về làng. Mở đầu bài thơ là niềm vui hân hoan khi quê hương hoàn toàn được giải phóng, kết thúc bài thơ là cảnh nô nức, vui tươi khi người dân dọn về làng bắt đầu quay về với nhịp sống cũ.  - Niềm vui của nhân dân khi quê hương được giải phóng được thể hiện qua những hình ảnh, từ ngữ: Cười vang, người xuống làng, người nói cỏ lay, cuốc đất dọn cỏ, kêu vang tiếng ô tô, ríu rít tiếng cười con trẻ, khói bếp bay trên mái nhà lá,... Tác giả sử dụng hình ảnh và từ ngữ có yếu tố tăng dần về cảm xúc, diễn tả sự vui mừng hồ hởi, hân hoan khi quê hương hương đã trở lại cuộc sống thanh bình.  - Cách sử dụng ngôn từ và hình ảnh của tác giả rất tự nhiên, mộc mạc, đậm chất miền núi, chất phác chân thực.  - Giọng điệu thơ tươi vui, và sung sướng, đối lập với sự uất hận căm thù ở đoạn giữa, tạo nên sự cân bằng phong phú trong giọng điệu của toàn bài thơ.  **Câu 3:** Tác giả sử dụng những hình ảnh rất giản dị, gần gũi với cuộc sống hằng ngày, cùng với lối diễn đạt tự nhiên, chất phát, gần như thấy gì nói nấy, không quá hoa mĩ, cầu kỳ. Dù miêu tả trực tiếp, hay gián tiếp nhưng đều thể hiện cái nhìn rất mộc mạc, giản đơn, rất gần với đồng bào thiểu số:  - Hình ảnh so sánh: Người đông như kiến, súng đầy như củi, người nói cỏ lay trong rừng rậm,...  - Từ ngữ: hàng đàn; quên tết tháng giêng, quên rằm tháng bảy; mày, tao, nó .... |

***4. Củng cố:***  Nêu những nét chính về tác giả

Ngày giảng: ngày 1 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 13**

Tiết 26 :  **TIẾNG HÁT CON TÀU**

**- Chế Lan Viên**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được khát vọng về với nhân dân và đất nước với những kỷ niệm sâu nặng nghĩa tình trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhà thơ.

- Thấy được những đặc sắc nghệ thuật thơ Chế Lan Viên: sáng tạo hình ảnh, liên tưởng phong phú, bất ngờ, cảm xúc gắn với suy tưởng.

**2. Kĩ năng** :   - Đọc hiểu bài thơ theo đặc trưng thể loại.

**3. Thái độ**:  Ý thức cống hiến, xây dựng đất nước.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu vài nét chính về tác giả Chế Lan Viên?  **Câu 2:** Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  **Hoạt động. Luyện tập**  **Câu 1:** Em hiểu như thế nào về nhan đề bài thơ? Thực tế có con tàu đi Tây Bắc không?  Vậy con tàu có ý nghĩa như thế nào? Tây Bắc có ý nghĩa gì?  **Câu 2:** Hai khổ đầu tác giả thể hiện nội dung gì? Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng?  **Câu 3:** Nội dung chính của khổ 3- 11?  **Câu 4:** Nét độc đáo của khổ 5 là gì? Biện pháp nghệ thuật gì?  Ý nghĩa của khổ 5?  **Câu 5:** Những con người Tây Bắc hiện lên như thế nào?  Tình quân dân được thể hiện trong đoạn thơ?  **Câu 6:** Nêu nội dung của đoạn còn lại. | - Hs trình bày  - Hs nêu  - Hs suy nghĩ phân tích  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs nêu nội dung chính  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs phân tích  - Hs nêu | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:** Tác giả: Chế Lan Viên (1920 - 1989):  - Thơ Chế Lan Viên nóng hổi tính thời sự, giàu chất sử thi, chất anh hùng ca và chất chính luận, có vẻ đẹp trí tuệ độc đáo.  - Phong cách thơ Chế Lan Viên độc đáo: có vẻ đẹp trí tuệ, khai thác triệt để những tương quan đối lập, giàu chất suy tưởng, triết lí với thế giới hình ảnh đa dạng, phong phú, đầy sáng tạo.  **Câu 2:** Tác phẩm: Rút từ tập“Ánh sáng và phù sa”.  - Bài thơ được gợi cảm hứng từ một sự kiện lịch sử những năm 1958- 1960: cuộc vận động đồng bào miền xuôi xây dựng kinh tế ở miền núi Tây Bắc  **II.Luyện tập**  **Câu 1:** Con tàu: biểu tượng cho khát vọng ra đi.  - Tây Bắc:vừa có ý nghĩa tả thực vừa có ý nghĩa biểu tượng cho miền đất xa xôi của Tổ quốc.  ⇒ Đến với nhân dân, với Tây Bắc chính là trở về với lòng mình, với tình cảm sâu nặng, gắn bó.  **Câu 2:**  - Hai khổ đầu: Sự trăn trở và lời mời gọi lên đường:  - Biện pháp đối lập.  - Câu hỏi tu từ ⇒ nhân vật trữ tình tự phân đôi để chất vấn, đối thoại với chính mình.  → Không thể có ý nghĩa cuộc đời, không thể có thơ hay nêú chỉ quẩn quanh trong thế giới chật hẹp của cái tôi.  **Câu 3:** Hoài niệm về Tây Bắc trong kháng chiến .  - Khổ 3,4: Tây Bắc là xứ núi rừng anh hùng, cuộc kháng chiến chống Pháp là sân khấu để tôi luyện nhà thơ chuyển biến cuộc đời và nghệ thuật.  **Câu 4:**  - Khổ 5: so sánh độc đáo.  - Sự trở về với nhân dân là niềm hạnh phúc lớn lao của tác giả: trở về để được tắm mát, để tâm hồn được hồi sinh, tìm thấy ý nghĩa sự tồn tại của cuộc đời mình, được chăm sóc, vỗ về, an ủi. Những hình ảnh so sánh vừa gần gũi có vẻ đẹp thơ mộng mượt mà, vừa sự hoà hợp giữa nhu cầu, khát vọng của bản thân với hiện thực đã nhấn mạnh niềm hạnh phúc tột độ và ý nghĩa sâu xa của việc trở về với nhân dân.  **Câu 5:**  - Khổ 6-11: Hình ảnh Tây Bắc hiện lên qua những con người cụ thể:  + Đó là người anh du kích với chiếc áo nâu , đứa em liên lạc linh hoạt, dũng cảm, người mẹ nuôi quân giàu đức hi sinh, cô gái xung phong với vắt xôi nuôi quân giấu giữa rừng ⇒ sự gắn bó và niềm biết ơn của tác giả.  + Nhóm từ chỉ thời gian vĩnh hằng, từ xưng hô nói lên mối quan hệ gắn bó, gần gũi.  + Đoạn thơ có những câu mang tính triết lí:  *″Khi ta ở chỉ là nơi đất ở*  *Khi ta đi đất đã hoá tâm hồn″*  ⇒ bình thường khi ta ở mảnh đất ấy chỉ là chốn trú thân. Khi rời xa mới nhận ra nơi ấy đã lưu giữ một phần tâm hồn.  *″Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương″.*  ⇒ Tình yêu có khả năng gắn kết những tâm hồn xa lạ.  **Câu 6:** Khúc hát lên đường  - Tiếng gọi của đất nước, của nhân dân, của đời sống trở thành động lực bên trong làm nhà thơ khao khát, bồn chồn: mắt ta thèm, tai tai nhớ, mắt ta nhớ, lòng ta cũng như tàu...  - Những hình ảnh có tính biểu tượng và ẩn dụ chỉ cuộc sống lớn của nhân dân... thành lời thôi thúc, mời gọi lên đường xây dựng Tây Bắc, xây dựng Tổ quốc.  - Âm hưởng đoạn thơ dồi dào lôi cuốn.  → Khao khát, bồn chồn, giục giã lên đường sôi nổi, mê say đáp lại lời mời gọi của hai khổ thơ đầu. |

***4. Củng cố:***  Những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng trong bài thơ Tiếng hát con tàu.

Ngày giảng: ngày 8 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 14**

Tiết 27,28 :  **SÓNG**

**- Xuân Quỳnh**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Qua bài học giúp HS: Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn và niềm khát khao của người phụ nữ về một tình yêu thuỷ chung, bất diệt.Thấy được đặc sắc về nghệ thuật kết cấu, xây dựng hình ảnh, nhịp diệu và ngôn từ của bài thơ.

**2. Kĩ năng** :   Trình bày, trao đổi về mạch cảm xúc của bài thơ, về sự thể hiện hình tượng sóng và em trong bài thơ. Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của tình yêu trong thơ ca, về vẻ đẹp của gương mặt thơ Xuân Quỳnh.

**3. Thái độ**:  Tự nhận thức về vẻ đẹp tình yêu trong cuộc sống

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu vài nét về tiểu sử Xuân Quỳnh có ảnh hưởng đến sự nghiệp văn học, là phong cách nghệ thuật thơ.  **Câu 2:** Bài thơ ra đời vào thời gian nào? Nhận xét về nghệ thuật kết cấu của bài thơ?  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** Nhận xét gì về 2 câu đầu ?  **Câu 2:** Cảm nhận như thế nào về khổ 3, 4?  **Câu 3:** Nội dung của khổ 5,6?  **Câu 4:** Cảm nhận hai khổ cuối của bài thơ?  **Câu 5:** Tìm các biện pháp nghệ thuật được dùng để thể hiện tâm tư và cảm xúc của tác giả?  **Câu 6:** Nhận xét về thể thơ, âm điệu, nhịp điệu bài thơ? Âm điệu, nhịp điệu đó được tạo nên bởi những yếu tố nào? | - Hs trình bày  - Hs trả lời  - Hs nhận xét  - Hs nêu cảm nhận khổ thơ  - Hs phân tích  - Hs cảm nhận  - Hs tìm các biện pháp nghệ thuật  - Hs nhận xét | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**Tác giả: Xuân Quỳnh (1942 – 1988)  - Mồ côi mẹ từ nhỏ, sống với bà nội, khao khát tình yêu thương.  - Một trong số ít gương mặt thơ trẻ thời chống Mĩ.  - Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, tươi tắn, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng hạnh phúc đời thường.  **Câu 2:**  - Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác: Sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình). In trong tập Hoa dọc chiến hào (1968).  - Giá trị nội dung và nghệ thuật: Sóng là một bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Hai khổ đầu: Tình yêu là qui luật của muôn đời.  - dữ dội >< dịu êm  ồn ào >< lặng lẽ  ⇒ hai trạng thái đối nghịch của sóng cũng là những biến động khác thường về trạng thái tâm lí tình yêu của người phụ nữ đang yêu: tình yêu nồng nàn, mãnh liệt, đắm say nhưng cũng dịu dàng, e ấp, đầy nữ tính.  - Trước những trạng thái đối nghịch của lòng mình, sóng không thể nào tự lí giải được nên đã làm hành trình từ sông ra bể để thể hiện khát vọng tự nhận thức, cắt nghĩa hạnh phúc của mình. Đó là hành trình thoát khỏi khuôn khổ chật hẹp để tìm đến chân trời mới.  - Ra đến bể, con sóng thấy những dao động trái ngược kia là vĩnh hằng, muôn thuở với thời gian. Cũng như khao khát tình yêu của con người là khát vọng vĩnh hằng, muôn thuở. Nó luôn làm bồi hồi trái tim con người mà nhất là tuổi trẻ.  **Câu 2:** Khổ thơ 3 -4  - Tình yêu còn mang đến nhiều suy tư, trăn trở: nghĩa về người mình yêu, nghĩa về mình và về cuộc đời.  - Truy nguyên đến tận cội nguồn của sóng - tận nơi xuất phát của tình yêu, nhà thơ đành chịu ″em cũng không biết nữa″.  ⇒ Triết lí: ″chỉ có thể cảm nhận chứ không thể cắt nghĩa được tình yêu″  \* Cách nói hồn nhiên, chân thành, là tiếng nói của chính tâm trạng thực của người con gái vừa bước vào tình yêu.  **Câu 3:** khổ 5,6: Các sắc độ của tình yêu, tình yêu sắc son.  - Tình yêu đi liền với nỗi nhớ, nỗi nhớ là thước đo nồng độ của tình yêu: Sóng nhớ bờ - ngày đêm không ngủ, em nhớ anh: khi thức lẫn khi vô thức (mơ) ⇒ nỗi nhớ thật sâu đậm, chiếm cả tầng sâu, bề rộng (lòng sâu, mặt nước); khắc khoải trong mọi thời gian (ngày - đêm, mơ - thức), bao trùm không gian bao la (phương Bắc, phương Nam), choáng ngợp cả lòng người.  - Tâm hồn khao khát tình yêu ấy luôn hướng về sự thủy chung ( Hướng về anh một phương) như định hướng của sóng biển là bờ. Trong tình yêu chỉ có một hướng duy nhất là hướng về phía người mình yêu - ″Chiếc kim la bàn trong tình yêu″.  ⇒ Người phụ nữ khi yêu thật mạnh bạo, chân thành khi bày tỏ lòng mình.  **Câu 4:**  - Sử dụng nghệ thuật đối lập giữa cái vô hạn với cái hữu hạn vì thế mà Xuân Quỳnh hết mình trong tình yêu.  - Ở khổ cuối nhà thơ tự phân thân. Mong muốn tình yêu chung thủy nhưng không ích kỉ không chỉ có anh và em mà chan hòa vào tình yêu của mọi người có như vậy tình yêu mới vĩnh hằng ″nghìn năm còn vỗ″. Đây là khát vọng đẹp đẽ và đầy cảm động.  ⇒ Tình yêu của người phụ nữ trong thơ Xuân Quỳnh nồng nhiệt thiết tha, chủ động trong tình yêu, yêu hết mình, quên mình nhưng cũng đòi hỏi sự duy nhất, tuyệt đối luôn hướng về sự gắn bó thủy chung.  **Câu 5:** Sóng là sự tìm tòi sáng tạo nghệ thuật độc đáo của Xuân Quỳnh.  - Âm hưởng nhịp nhàng dào dạt, gợi ra những nhịp sóng dồn dập và liên tiếp. Lúc sôi nổi, lúc sâu lắng.  **Câu 6:**  - Thể thơ năm chữ, cách ngắt nhịp linh hoạt tạo nên nhịp điệu của sóng biển dào dạt, sôi nổi, lúc sâu lắng, dịu êm chạy suốt bài thơ.  - Tâm trạng: hồn nhiên, chân thành  - Hình tượng sóng được miêu tả trở đi trở lại mà không lặp, diễn tả được tâm hồn người phụ nữ. |

***4. Củng cố:***  Hình tượng Sóng

Ngày giảng: ngày 8 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 15**

Tiết 29 :  **ĐỎ LÈN**

**- Nguyễn Duy**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu thêm về thơ Nguyễn Duy - “ một thế giới nội tâm có bản sắc”.

- Cảm nhận được tình cảm tri ân sâu sắc pha nỗi xót xa ân hận muộn màng của nhà thơ đối với người bà đã khuất.

- Hiểu được những nét riêng của Nguyễn Duy trong cách nhìn về quá khứ, về tuổi thơ cũng như trong cách thể hiện những cảm nhận về người bà lam lũ tảo tần giàu yêu thương.

**2. Kĩ năng** :   - Góp phần củng cố kĩ năng tiếp nhận văn bản văn học cho HS : Cách dùng PP đối chiếu, so sánh để tìm ra nét riêng của VBVH, của tác giả.

**3. Thái độ**:  Giáo dục tình cảm và hành vi đạo đức cho HS : Biết quý trọng người thân, biết hành động, quan tâm, chia xẻ đối với những người thân yêu nhất trong cuộc sống của mình.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu vài nét chính về tác giả và tác phẩm?  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** Hình ảnh người bà , qua hồi ức của tác giả,hiện lên như thế nào ? ( các chi tiết, hình ảnh )  **Câu 2:** Hình ảnh người bà , qua hồi ức của tác giả, hiện lên như thế nào ?  **Câu 3:** Tình cảm của nhà thơ như thế nào khi nghĩ về người bà một thời tần tảo, yêu thương nuôi nấng mình ?  **Câu 4:** Để khắc hoạ hình ảnh người bà và gửi gắm tình cảm đối với bà, Nguyễn Duy đã sử dụng hiệu quả hai thủ pháp nghệ thuật nào? | - Hs trình bày  - Hs nêu các chi tiết, hình ảnh  - Hs trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs nêu biện pháp sử dụng | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - Nguyễn Duy sinh năm 1948, quê ở Thanh Hóa  - Ông làm thơ tù rất sớm  - Ông làm thơ từ rất sớm, thơ Nguyễn Duy có sự hài hòa giữa cái duyên dáng, trữ tình với chất thế sự đậm đặc.  - Bài Lò Đèn được viết năm 1983, trong một dịp nhà thơ trở về quê hương sống, sống với những hồi ức đan xen nhiều buồn vui thời thơ ấu.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Cách nhìn về tuổi thơ của tác giả:  -Thời thơ ấu: câu cá , bắt chim sẻ ở vành tai tượng Phật,ăn trộm nhãn, đi chơi đền,chân đất đi đêm, níu váy bà đòi đi chợ...⇒ tinh nghịch, hiếu động, hồn nhiên.  - Cách nhìn: thành thực, thẳng thắng, tự nhiên, đậm chất quê, khác với lối thi vị hoá thường gặp ⇒ cách nhìn mới mẻ.  **Câu 2:**  - Hình ảnh người bà: mò cua xúc tép ,gánh chè xanh những đêm lạnh ,bán trứng ga Lèn ngày bom Mỹ dội, năm đói củ dong riềng luộc sượng.. .  ⇒ cơ cực, tần tảo, yêu thương .  **Câu 3:**  - Tình cảm của nhà thơ khi nghĩ về bà ngoại:  + Thấu hiểu nỗi cơ cực, tần tảo, tình yêu thương của bà .Thể hiện tình yêu thương, sự tôn kính, lòng tri ân sâu sắc đối với bà.  + Sự ân hận , ngậm ngùi , xót đau muộn màng:  *″Khi tôi biết thương bà thì đã muộn*  *Bà chỉ còn một nấm cỏ thôi″*  **Câu 4:**  - Sử dụng thủ pháp đối lập:  + Đối lập giữa cái tinh nghịch vô tư của người cháu với cái cơ cực, tần tảo của người bà.  + Đối lập giữa chiến tranh ác liệt với tình yêu thương của người bà.  + Đối lập giữa cái vĩnh hằng của vũ trụ với cái ngắn ngủi, hữu hạn của cuộc đời con người.  ⇒ thấu hiểu nỗi khổ cực của bà; thể hiện nỗi ngậm ngùi, sự ân hận muộn màng khi bà không còn nữa.  - Sử dụng phép so sánh đối chiếu:  + Giữa cái hư và cái thực; giữa bà với Tiên , Phật, thánh thần ⇒ tương đồng  + Giữa thần thánh với bà đặt trong một bối cảnh chiến tranh ⇒ tương phản  ⇒ Tôn vinh, ngợi ca tấm lòng nhân từ cao cả của bà.Khẳng định sự bất diệt của hình ảnh người bà. |

***4. Củng cố:***  Cái nhìn mới mẻ của Nguyễn Duy về tuổi thơ và cách thể hiện rất riêng của nhà thơ về tình cảm đối với người bà.

Ngày giảng: ngày 15 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 15**

Tiết 30 :  **ĐÀN GHI TA CỦA LOR-CA**

**- Thanh Thảo**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

Qua bài học giúp HS: Hiểu được vẻ đẹp của hình tượng Lor-ca qua cách cảm nhận và tái hiện độc đáo của Thanh Thảo.Nắm được những nét đặc sắc trong kiểu tư duy thơ mới mẻ, hiện đai của tác giả.

**2. Kĩ năng** Trình bày, trao đối về mạch cảm xúc của bài thơ, về hình tượng Lor-ca, về cách thể hiện cảm xúc của tác giả. Phân tích, so sánh, bình luận về vẻ đẹp của hình tượng Lor-ca, về những sáng tạo độc đáo của Thanh Thảo trong bài thơ.

**3. Thái độ**:  Tự nhận thức về tinh thần bất khuất của người anh hùng dân tộc.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu vài nét chính về nhà thơ Thanh Thảo, đặc biệt là phong cách sáng tác?  **Câu 2:** Em hãy xác định bố cục bài thơ?  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** Em có suy nghĩ gì khi bắt gặp hình ảnh *″Áo choàng đỏ gắt″, ″tiếng đàn ghi ta″...?*  **Câu 2:** Các hình ảnh ″*đi lang thang, vầng trăng chếnh choáng, yên ngựa mỏi mòn, hát nghêu ngao, li la...″ giúp ta liên tưởng đến điều gì?*  **Câu 3:** Tác giả đã tái hiện cái chết oan khuất của Lor-ca qua các h/ả, chi tiết nào?  **Câu 4:** Tiếng ″Li la- li la- li la″ trong bài thơ có ý nghĩa gì? | - Hs trình bày  - Hs xác định bố cục  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs nêu ý nghĩa | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:** Tác giả: Thanh Thảo.  - Được công chúng đặc biệt chú ý bởi những bài thơ và trường ca mang diện mạo độc đáo viết về chiến tranh và thời hậu chiến.  - Thơ Thanh Thảo là sự lên tiếng của người trí thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại. Tuy nhiên, ông muộn cuộc sống phải được cảm nhận và thể hiện ở bề sâu nên luôn khước từ lối biểu đạt dễ dãi.  - Nỗ lực cách tân thơ Việt qua hình thức thơ tự do.  **Câu 2:** Bố cục: Gồm 4 phần:  \* Câu 1 – 6: Lor-ca – con người tự do, nghệ sĩ cách tân trong khung cảnh chính trị, nghệ thuật TBN.  \* Câu 7 - 18: Lor-ca với cái chết oan khuất và nỗi xót xa về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật.  \* Câu 19 - 22: Niềm xót thương Lor-ca.  \* Câu 23 - 31: Suy tư về cuộc giải thoát và cách giã từ của Lor-ca.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** - Áo choàng đỏ:  + Gợi bản sắc văn hoá Tây Ban Nha.  + Hình ảnh Lor-ca như một đấu sĩ với khát vọng dân chủ trước nền chính trị Tây Ban Nha độc tài lúc bấy giờ.  - Tiếng đàn:  + Ghi ta: nhạc cụ của người Tây Ban Nha.  + Tài năng nghệ thuật của Lor-ca với khát vọng cách tân nghệ thuật.  ⇒ Tiếng đàn bọt nước: đẹp, mong manh mà sinh sôi bất tận như ″bọt nước″ lặn rồi lại nổi làm dịu bớt và phần nào dập tắt màu ″đỏ gắt″ như đang bùng bùng thiêu đốt cả Tây Ban Nha.  ⇒ Sắc thắm dịu dàng của hoa ″li la″ (Tử đinh hương) đang nở ra bát ngát trên từng giai điệu >< bối cảnh chính trị Tây Ban Nha  **Câu 2:**  - Đi lang thang; vầng trăng chếnh choáng; yên ngựa mỏi mòn; hát nghêu ngao; li la...:  + Phong cách nghệ sĩ dân gian tự do.  + Sự cô đơn của Lor-ca trước thời cuộc chính trị, trước nghệ thuật Tây Ban Nha già cỗi.  **Câu 3:**  - Hình ảnh:  + Áo choàng bê bết đỏ – Gợi cảnh tượng khủng khiếp về cái chết của Lor-ca.  + Tiếng ghi ta:  • nâu: trầm tĩnh, nghĩ suy (màu ấm nóng).  • xanh: thiết tha, hy vọng.  • tròn bọt nước vỡ tan: bàng hoàng, tức tưởi.  • ròng ròng máu chảy: sự đau đớn, nghẹn ngào.  ⇒ Phép chuyển đổi cảm giác: tiếng đàn mang tâm tư, thành thân phận, linh hồn, sinh thể của người tạo ra nó. Nó đau đớn vỡ ra thành màu sắc, đường nét, hình khối.  *- Biện pháp nghệ thuật:*  *+ Đối lập:*  *Hát nghêu ngao >< áo choàng bê bết đỏ*  *↓ ↓*  *khát vọng >< hiện thực phũ phàng (giữa tiếng hát yêu đời vô tư , giữa tình yêu cái đẹp và hành động tàn ác, dã man).*  *+ Nhân hoá: Tiếng ghi ta... máu chảy.*  *+ Hoán dụ: Áo choàng, tiếng ghi ta Lor-ca.*  *+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.*  *+ Gieo vần ″ây″ : khiến thơ như nhạc, nhạc như người. Tất cả như đang rướn mình lên kiên cường, không khuất phục*  *⇒ Khắc hoạ thật ấn tượng về cái chết đầy bi phẫn của người nghệ sĩ Lor-ca.*  **Câu 4:**  - Chuỗi âm thanh ″Li la- li la- li la″ luyến láy ở đầu và cuối như khúc dạo đầu và kết thúc bản nhạc. Bài thơ khép lại nhưng thực ra âm thanh ″Li la..″ đã mở ra một thế giới suy tưởng. Đó là chuỗi âm đêm ru lòng mai hậu, phần nào an ủi nỗi xót thương người nghệ sĩ.  - Sự kính trọng và tri âm Lor-ca- nghệ sĩ thiên tài. |

***4. Củng cố:***  Cái chết oan khuất của Lor-ca

Ngày giảng: ngày 15 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 16**

Tiết 31 :  **BÁC ƠI**

**- Tố Hữu**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Qua bài học giúp HS: Cảm nhận được tình cảm của nhà thơ Tố Hữu, của nhân dân Việt Nam trước sự ra đi của vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

**2. Kĩ năng** : Đọc sáng tạo, gợi tìm, nghiên cứu.

**3. Thái độ**:  Hiểu hơn về con người Hồ Chí Minh với đầy đủ những phẩm chất cao đẹp.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Tố Hữu có đóng góp như thế nào với đề tài viết về Bác?  **Câu 2:** Em hãy cho biết hoàn cảnh ra đời của bài thơ?  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** Nỗi đau xót lớn lao khi Bác qua đời được thể hiện như thế nào? (Cảnh vật? Lòng người?) Giữa cảnh vật và con người có gì tương đồng?  **Câu 2:** Hình tượng Bác Hồ được thể hiện như thế nào?  **Câu 3:** Hãy cho biết cảm nghĩ của mọi người khi Bác ra đi? | - Hs trình bày  - Hs trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs phân tích  - Hs nêu cảm nghĩ | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - Tác giả:  + Tố Hữu là nhà thơ viết về Bác nhiều nhất, có nhiều tác phẩm hay, sâu sắc và cảm động về Bác Hồ.  + Đó là tấm lòng của mọi người Việt Nam hướng về vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.  **Câu 2:**  - Hoàn cảnh ra đời: Ngày 02/9/1969, Bác Hồ từ trần, để lại niềm tiếc thương vô hạn cho cả dân tộc Việt Nam. Trong hoàn cảnh ấy, Tố Hữu đã sáng tác bài thơ ″Bác ơi″.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Nỗi đau xót lớn lao trước sự kiện Bác qua đời.  - Lòng người:  + Xót xa, đau đớn: chạy về, lần theo lối sỏi quen thuộc, bơ vơ đứng nhìn lên thang gác.  + Bàng hoàng không tin vào sự thật: ″Bác đã đi rồi sao Bác ơi″  - Cảnh vật:  + Hoang vắng, lạnh lẽo, ngơ ngác (phòng im lặng, chuông không reo, rèm không cuốn, đèn không sáng...)  + Thừa thải, cô đơn, không còn bóng dáng Người.  - Không gian thiên nhiên và con người như có sự đồng điệu ″Đời tuôn nước mắt/ trời tuôn mưa″ → Cùng khóc thương trước sự ra đi của Bác  ⇒ Nỗi đau xót lớn lao bao trùm cả thiên nhiên đất trời và lòng người.  **Câu 2:** Hình tượng Bác Hồ.  - Giàu tình yêu thương đối với mọi người.  - Giàu đức hy sinh.  - Lẽ sống giản dị, tự nhiên, khiêm tốn.  ⇒ Hình tượng Bác Hồ cao cả, vĩ đại mà giản dị, gần gũi  **Câu 3:** Cảm nghĩ của mọi người khi Bác ra đi:  - Bác ra đi để lại sự thương nhớ vô bờ  - Lý tưởng, con đường cách mạng của Bác sẽ còn mãi soi đường cho con cháu.  - Yêu Bác → quyết tâm vươn lên hoàn thành sự nghiệp cách mạng.  ⇒ Lời tâm nguyện của cả dân tộc Việt Nam. |

***4. Củng cố:***  Nội dung và nghệ thuật bài thơ.

Ngày giảng: ngày 15 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 16**

Tiết 32 :  **NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ**

**- Nguyễn Tuân**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Qua bài học giúp HS cảm nhận được vẻ đẹp của con sông Đà và hình tượng người lái đò. Từ đó hiểu được tình yêu say đắm của Nguyễn Tuân đối với thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc Tổ quốc.Thấy được sự tài hoa, uyên bác của nhà văn và hiểu được những nét đặc sắc nghệ thuật của thiên tùy bút.

**2. Kĩ năng** : Tự nhận thức về vẻ đẹp của người lao động mới trong công cuộc dựng xây và phát triển đất nước; thấy được tấm lòng nâng niu, trân trọng các giá trị con người của tác giả.

**3. Thái độ**:  Phân tích, bình luận về cá tính sắc nét, độc đáo trong cách thể hiện hình tượng sông Đà và hình tượng người lái đò trong cuộc vượt thác.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1**: Hs nhớ lại và trình bày những nét cơ bản về tác giả đã được học ở bài Chữ người tử tù lớp 11. Cho biết thể loại và xuất xứ tác phẩm?  **Câu 2:** Vì sao có thể nói rằng, so với những tập tùy bút viết trước CM, Người lái đò sông Đà nói riêng và tập Sông Đà nói chung đã cho thấy diện mạo của một Nguyễn Tuân đã căn bản đổi thay, để trở thành một nhà văn mới trong thời đại mới?  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** Tác giả đã khắc họa sự hung bạo ấy trên nhiều dạng vẻ. Chỉ ra những dạng vẻ đó?  **Câu 2:** Để diễn tả chính xác và sinh động những gì Nguyễn Tuân quan sát thấy về sự hung bạo của dòng sông, tác giả đã thêm vào rất nhiều nét tài hoa vốn có nào? Thử nêu vài dẫn chứng minh họa?  **Câu 3:** Cách viết của nhà văn đã thay đổi thế nào khi chuyển sang biểu hiện sông Đà như một dòng chảy trữ tình? Dẫn chứng minh hoạ?  **Câu 4:** Phân tích hình tượng người lái đò trong cuộc chiến với con sông Đà hung bạo?  **Câu 5:** em có nhận xét gì về tính chất của cuộc chiến? | - Hs trình bày  - Hs trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs nêu dẫn chứng minh họa  - Hs nêu dẫn chứng minh họa  - Hs phân tích  - Hs nhận xét | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  Tác giả: (Xem lại phần tiểu dẫn bài Chữ người tử tù, SGK Ngữ văn 11, tập I, tr 107).  - Bài tùy bút được in trong tập Sông Đà (1960).  **Câu 2:**  - Cho thấy diện mạo của một Nguyễn Tuân mới mẻ, khao khát được hòa nhịp với đất nước và cuộc đời (không giống với Nguyễn Tuân trước cách mạng, con người chỉ muốn xê dịch cho khuây cảm giác ″thiếu quê hương″)  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Con sông Đà hung bạo:  - Quan sát công phu, tìm hiểu kĩ càng để khắc họa sự hung bạo trên nhiều dạng vẻ:  + Trong phạm vi một lòng sông hẹp, như chiếc yết hầu bị đá bờ sông chẹt cứng.  + Trong khung cảnh mênh mông hàng cây số của một thế giới đầy gió gùn ghè, đá giăng đến chân trời và sóng bọt tung trắng xóa.  + Những cái hút nước xoáy tít lôi tuột mọi vật xuống đáy sâu.  + Những trùng vi thạch trận sẵn sàng nuốt chết con thuyền và người lái.  + Âm thanh luôn thay đổi: oán trách à khiêu khích, chế nhạo → rống lên.  **Câu 2:**  - Mượn ở các ngành, các bộ môn trong và ngoài nghệ thuật để làm nên hàng loạt so sánh liên tưởng, tưởng tượng kì lạ, bất ngờ.  + Hình dung một cảnh tượng rất đỗi hoang sơ bằng cách liên tưởng đến hình ảnh của chốn thị thành, có hè phố, có khung cửa sổ trên ″cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện″  + Tả cái hút nước quãng Tà Mường Vát: nước thở và kêu như cửa cống cái bị sặc, ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào.  + Lấy hình ảnh ″ô tô sang số nhấn ga″ trên ″quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực″ để ví von với cách chèo thuyền…  + Tưởng tượng về cú lia ngược của chiếc máy quay từ đáy cái hút nướcà cảm thấy có một cái thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày.  + Dùng lửa để tả nước:  → Biểu tượng về sức mạnh dữ dội và vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên đất nước.  → Bậc kì tài trong lĩnh vực sử dụng ngôn từ (sự phá cách mà ngoại trừ các tay bút thực sự tài hoa, không ai làm nổi).  **Câu 3:**  - Dụng công tạo ra một không khí mơ màng, khiến người đọc có cảm giác như được lạc vào một thế giới kì ảo.  + Con sông giống như một cố nhân lâu ngày gặp lại.  + Nắng cũng ″giòn tan″ và cứ hoe hoe vàng mãi cái sắc Đường thi ″yên hoa tam nguyệt″  + Mũi thuyền lặng lẽ trôi trên dòng nước lững lờ như thương như nhớ.  + Con hươu thơ ngộ trên áng cỏ sương như biết cất lên câu hỏi không lời.  + Bờ sông hoang dại và hồn nhiên như một bờ tiền sử, phảng phất nỗi niềm cổ tích.  **Câu 4:**  - Hình tượng người lái đò trong cuộc chiến đấu với con sông Đà hung bạo  - Tính chất cuộc chiến: không cân sức  + Sông Đà: sóng nước hò reo quyết vật ngửa mình thuyền; thạch trận với đủ 3 lớp trùng vi vây bủa, được trấn giữ bởi những hòn đá ngỗ ngược, hỗn hào và nham hiểm → dữ dội, hiểm độc với sức mạnh được nâng lên hàng thần thánh.  + Con người: nhỏ bé, không hề có phép màu, vũ khí trong tay chỉ là chiếc cán chèo trên một con đò đơn độc hết chỗ lùi.  **Câu 5:**  - Thác dữ đã không chặn bắt được con thuyền; con người chiến thắng sức mạnh thần thánh của tự nhiên.  + Con người cưỡi lên thác ghềnh, xé toang hết lớp này đến lớp kia của trùng vi thạch trận; đè sấn được sóng gió, nắm chặt cái bờm sóng mà thuần phục sự hung hãn của dòng sông.  + Những thằng đá tướng phải lộ sự tiu nghỉu, thất vọng qua bộ mặt xanh lè. |

Ngày giảng: ngày 15 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 17**

Tiết 33 :  **NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ (tt)**

**- Nguyễn Tuân**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Qua bài học giúp HS cảm nhận được vẻ đẹp của con sông Đà và hình tượng người lái đò. Từ đó hiểu được tình yêu say đắm của Nguyễn Tuân đối với thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc Tổ quốc.Thấy được sự tài hoa, uyên bác của nhà văn và hiểu được những nét đặc sắc nghệ thuật của thiên tùy bút.

**2. Kĩ năng** : Tự nhận thức về vẻ đẹp của người lao động mới trong công cuộc dựng xây và phát triển đất nước; thấy được tấm lòng nâng niu, trân trọng các giá trị con người của tác giả.

**3. Thái độ**:  Phân tích, bình luận về cá tính sắc nét, độc đáo trong cách thể hiện hình tượng sông Đà và hình tượng người lái đò trong cuộc vượt thác.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **II. Luyện tâ**  **Câu 3:** Cách viết của nhà văn đã thay đổi thế nào khi chuyển sang biểu hiện sông Đà như một dòng chảy trữ tình? Dẫn chứng minh hoạ?  **Câu 4:** Phân tích hình tượng người lái đò trong cuộc chiến với con sông Đà hung bạo?  **Câu 5:** em có nhận xét gì về tính chất của cuộc chiến? | - Hs nêu dẫn chứng minh họa  - Hs phân tích  - Hs nhận xét | **II. Luyện tập**  **Câu 3:**  - Dụng công tạo ra một không khí mơ màng, khiến người đọc có cảm giác như được lạc vào một thế giới kì ảo.  + Con sông giống như một cố nhân lâu ngày gặp lại.  + Nắng cũng ″giòn tan″ và cứ hoe hoe vàng mãi cái sắc Đường thi ″yên hoa tam nguyệt″  + Mũi thuyền lặng lẽ trôi trên dòng nước lững lờ như thương như nhớ.  + Con hươu thơ ngộ trên áng cỏ sương như biết cất lên câu hỏi không lời.  + Bờ sông hoang dại và hồn nhiên như một bờ tiền sử, phảng phất nỗi niềm cổ tích.  **Câu 4:**  - Hình tượng người lái đò trong cuộc chiến đấu với con sông Đà hung bạo  - Tính chất cuộc chiến: không cân sức  + Sông Đà: sóng nước hò reo quyết vật ngửa mình thuyền; thạch trận với đủ 3 lớp trùng vi vây bủa, được trấn giữ bởi những hòn đá ngỗ ngược, hỗn hào và nham hiểm → dữ dội, hiểm độc với sức mạnh được nâng lên hàng thần thánh.  + Con người: nhỏ bé, không hề có phép màu, vũ khí trong tay chỉ là chiếc cán chèo trên một con đò đơn độc hết chỗ lùi.  **Câu 5:**  - Thác dữ đã không chặn bắt được con thuyền; con người chiến thắng sức mạnh thần thánh của tự nhiên.  + Con người cưỡi lên thác ghềnh, xé toang hết lớp này đến lớp kia của trùng vi thạch trận; đè sấn được sóng gió, nắm chặt cái bờm sóng mà thuần phục sự hung hãn của dòng sông.  + Những thằng đá tướng phải lộ sự tiu nghỉu, thất vọng qua bộ mặt xanh lè. |

**4. Củng cố:** Hình tượng Sông Đà hung bạo và trữ tình.

Ngày giảng: ngày 15 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 17**

Tiết 34 :  **AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG**

**- Hoàng Phủ Ngọc Tường**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Giúp học sinh hiểu được:Thấy được tình yêu, niềm tự hào tha thiết, sâu lắng của tác giả dành cho dòng sông quê hương, cho xứ Huế thân yêu. Hiểu được đặc trưng của thể loại bút ký và đặc sắc nghệ thuật của bài ký.

**2. Kĩ năng** : Phân tích, bình luận về cá tính sắc nét trong sự thể hiện vẻ đẹp của dòng sông ở hai tác phẩm của Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường.

**3. Thái độ**:  Tự nhận thức về tấm lòng trân trọng trước những giá trị văn hóa của đất nước, qua đó rút ra bài học về sự gắn bó của mỗi cá nhân với quê hương đất nước.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1**: Hãy nêu vài nét chính về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường giúp ta hiểu sâu sắc hơn tác phẩm?  **Câu 2:** Hãy xác định vị trí và nội dung của đoạn trích? Chia bố cục và xác định nội dung của từng phần.  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** Sông Hương vùng thượng lưu được tác giả miêu tả như thế nào? Những hình ảnh, chi tiết, những liên tưởng và thủ pháp nghệ thuật nào cho thấy nét riêng trong lối viết kí của tác giả?  **Câu 2:** Khi chảy vào thành phố, sông Hương có nét đặc trưng gì?  **Câu 3:** Sông Hương trong mối quan hệ vớí lịch sử dân tộc như thế nào? | - Hs trình bày  - Hs xác định  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs nêu nét đặc trưng  - Hs phân tích trả lời | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức yêu nước, có vốn hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực.  - Quê gốc ở Quảng Trị sống, học tập, trưởng thành và gắn bó sâu sắc với Huế.  - Chuyên viết thể loại bút ký.  - Phong cách nghệ thuật: kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và tính trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với suy tư đa chiều được tổng hợp từ vốn kiến thức phong phú về triết học, văn hoá, lịch sử, địa lý... Tất cả được thể hiện qua lối hành văn hướng nội, súc tích, mê đắm và tài hoa  **Câu 2:**  - Vị trí: đoạn trích thuộc phần đầu của tác phẩm. Tác giả xuôi theo sông Hương từ thượng nguồn đến cửa biển và trình bày những hiểu biết của mình về dòng sông.  - Bố cục:  + Đoạn 1: ″Trong những dòng sông…dưới chân núi Kim Phụng″: Sông Hương vùng thượng nguồn là dòng chảy có mối quan hệ sâu sắc với dãy Trường Sơn.  + Đoạn 2: Từ ″Phải nhiều thế kỷ ... quê hương xứ sở″: Sông Hương những mối quan hệ với kinh thành Huế.  + Đoạn 3: ″Hiển nhiên là sông Hương... cho dòng sông?″: Sông Hương trong mối quan hệ với lịch sử dân tộc, với cuộc đời và thi ca.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Sông Hương vùng thượng nguồn- quan hệ sâu sắc với dãy Trường Sơn: Tên gốc: ″A Pàng″ → dòng sông tựa như ″Đời người″, nó đã chở đầy phận người từ thuở giọt địa chất sinh ra (Sử thi buồn) ⇒ cảm xúc hướng nội.  - ″rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn″ → Sự mãnh liệt, hoang dại.  - ″dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng″ (màu sắc rực rỡ)→ Vẻ đẹp dịu dàng, say đắm.  - ″như một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại″ (nhân hoá), rừng già đã hun đúc một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng  **Câu 2:**  - Sông Hương chảy vào thành phố: Sông Hương ″tìm đúng đường về″.  - Sông Hương vui tươi hẳn lên → gặp thành phố như đến với điểm hẹn tình yêu.  - chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non.  - uốn một cánh ung rất nhẹ sang đến Cồn Hến, đường cong làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng ″vâng″ không nói ra của tình yêu.  - Chảy lặng lờ như điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế.  - ngập ngừng như muốn đi, muốn ở, chao nhẹ trên mặt nước như những vấn vương của một nỗi lòng.  ⇒ Sông Hương êm dịu, mềm mại, chậm rãi, ngập ngừng như có ″những vấn vương của một nỗi lòng″ không nỡ rời xa thành phố.  - trăm nghìn ánh hoa đăng bồng bềnh vào những đêm hội rằm thánh Bảy→ vẻ đẹp lộng lẫy.  - như sực nhớ một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng đông tây để gặp lại thành phố lần cuối … nỗi vương vấn cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu → phát hiện độc đáo.  🡪 Tóm lại, sông Hương như một cô gái Huế tài hoa, dịu dàng mà sâu sắc; đa tình mà kín đáo; lẳng lơ nhưng rất mực chung tình, khoé trang điểm mà không loè loẹt như cô dâu Huế ngày xưa trong sắc áo điều lục.  **Câu 3:** Với lịch sử dân tộc:  - Dòng sông biên thuỳ xa xôi của đất nước các vua Hùng.  - Dòng Linh Giang (dòng sông thiêng) trong sách Dư địa chí của Nguyễn Trãi.  - Dòng sông viễn châu đã chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía nam của Tổ quốc Đại Việt qua những thế kỉ trung đại.  - Nó vẻ vang soi bóng kinh thành Phú Xuân của người anh hùng Nguyễn Huệ.  - Nó sống hết lịch sử bi tráng của thế kỉ XIX với máu của những cuộc khởi nghĩa.  - Nó đi vào thời đại Cách mạng tháng Tám bằng những chiến công rung chuyển.  ⇒ Sông Hương mang vẻ đẹp của một bản hùng ca ghi dấu những thế kỉ vinh quang từ thời vua Hùng dựng nước đến Cách mạng tháng Tám thàng công. |

***4. Củng cố:*** Sông Hương trong tâm cảm của tác giả.

**Tuần 18: THI HỌC KỲ I**

Ngày giảng: ngày 13 tháng 1 năm 2021

**TUẦN 19**

Tiết 37,38 :  **VỢ CHỒNG A PHỦ**

**- Tô Hoài**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Nỗi thống khổ của người dân miền núi Tây Bắc dưới ánh sáng thống trị của phong kiến và thực dân. Vẻ đẹp tâm hồn, sức sống tiềm tàng mãnh liệt và quá trình vùng lên tự giải phóng của đồng bào vùng cao.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật sinh động, chân thực; miêu tả và phân tích tâm lí nhân vật sắc sảo, tinh tế; lối kể chuyện hấp dẫn ngôn ngữ mang phong vị và màu sắc dân tộc, giàu tính tạo hình và đầy chất thơ.

**2. Kĩ năng** : - Củng cố, nâng cao các kĩ năng tóm tắt tác phẩm và phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự.

**3. Thái độ**:  Giáo dục, bồi dưỡng lòng yêu thương, trân trọng số phận con người.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  ? Hãy trình bày những nét cơ bản về nhà văn Tô Hoài?  ? Hãy nêu vài nét chung về tác phẩm?  ? Nêu bố cục tác phẩm?  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** (trang 14 SGK Ngữ văn 12 tập 2). Tìm hiểu số phận, tính cách nhân vật Mị qua:  - Cảnh ngộ bị bắt về làm dâu gạt nợ, cuộc sống bị đày đọa tủi cực ở nhà thống lí Pá Tra.  - Diễn biến tâm trạng và hành động.  **Câu 2:** (trang 15 SGK Ngữ văn 12 tập 2). Ấn tượng về tính cách nhân vật A Phủ. Bút pháp của nhà văn khi miêu tả Mị và nhân vật A Phủ có gì khác nhau.  **Câu 3:** (trang 15 SGK Ngữ văn 12 tập 2) Những nét độc đáo về việc quan sát và miêu tả nếp sinh hoạt, phong tục tập quán của người dân miền núi. Nhận xét về nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, nghệ thuật kể chuyện, ngôn ngữ tác phẩm. | - Hs trình bày  - Hs nêu  - Hs xác định  - Hs phân tích  - Hs suy nghĩ và phân tích  - Hs nhận xét về nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, nghệ thuật kể chuyện, ngôn ngữ tác phẩm. | **I. Lý thuyết**  a. Tác giả  - Ông là nhà văn lớn, có số lượng tác phẩm đạt kỉ lục trong nền văn học Việt Nam hiện đại bằng con đường tự học.  - Viết theo xu hướng hiện thực thiên về diễn tả sự thật của đời thường. Ông hấp dẫn người đọc ở lối trần thuật của một người từng trải, hóm hỉnh, đôi lúc tinh quái những luôn sinh động nhờ vốn từ vựng giàu có, phần lớn là bình dân và thông tục nhưng nhờ phép sử dụng đắc địa và tài ba, đầy ma lực và mang sức lay chuyển tâm tư người đọc.  - Có vốn hiểu biết sâu sắc, đặc biệt là những nét lạ trong phong tục, tập quán ở nhiều vùng khác nhau của đất nước và trên thế giới. Ông được mệnh danh là nhà văn của đề tài Hà Nội, của đề tài miền núi bên cạnh nhiều đóng góp đặc sắc khác.  b .Tác phẩm  - Hoàn cảnh sáng tác: 1952 trong chuyến đi thực tế ở Tây Bắc.  - Đề tài: viết về người nông dân miền núi.  - Nội dung:Cuộc sống của người dân miền núi dưới ách thống trị của chế độ phong kiến và sự thức tỉnh của họ trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng và góp phần giải phóng quê hương.  - Kết cấu: có 3 phần  + Phần 1: Kể về Mị và cảnh sống của Mị  + Phần 2: Kể về A Phủ ( đánh A Sử, xử kiện )  + Phần 3: Mị cứu A Phủ, cùng chạy trốn đến Phiềng Sa.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  a. Cảnh ngộ của nhân vật Mị:  \* Trước khi làm dâu gạt nợ nhà thống lí Pá Tra:  - Mị là cô gái xinh đẹp như "bông hoa ban giữa núi rừng Tây Bắc"  - Tài năng: Mị có tài thổi lá hay như thổi sáo, bao nhiêu người theo Mị  - Hiếu thảo, chăm chỉ, yêu tự do: "Con nay đã biết quốc nương làm ngô, con phải làm nương ngô giả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu"  \* Sau khi trở thành dâu gạt nợ nhà thống lí Pá Tra:  - Vì món nợ truyền kiếp của cha mẹ, Mị bọ A Sử bắt về làm vợ, trở thành con dâu gạt nợ cho nhà hắn.  - Mị chỉ biết làm những công việc mà quanh năm ngày tháng làm đi làm lại,làm không ngưng nghỉ. Con trâu con ngựa nó còn có lúc đứng gãi chân nhai cỏ chứ đàn bà nhà này thì làm không nghỉ tay.  - Mị sống trong một căn phòng chỉ có một ô vuông bằng bàn tay để nhìn ra ngoài cũng không thể biết được trời nắng hay mưa chỉ biết thấy mờ mờ trăng trắng.  b. Tâm trạng và hành động  - Tâm trạng và hành động của Mị cho thấy, trong Mị có một sức sống tiềm tàng vẫn luôn âm ỉ, đó là khát vọng tự do, khát vọng hạnh phúc dẫu còn tự phát và bản năng. Khát vọng đó rất mãnh liệt và khi có cơ hội sẽ bùng phát.  - Sức sống tiềm tàng trong nhân vật Mị:  + Đâu đó trong cõi sâu tâm hồn người đàn bà câm lặng vì cơ cực, khổ đau ấy vẫn tiềm tàng một cô Mị ngày xưa một cô Mị trẻ đẹp như đoá hoa rừng đầy sức sống, một người con gái trẻ trung giàu đức hiếu thảo. Ngày ấy, tâm hồn yêu đời của Mị được gửi vào tiếng sáo: "Mị thổi sáo giỏi, thổi lá cũng hay như thổi sáo".  + Ở Mị, khát vọng tình yêu tự do luôn luôn mãnh liệt. Nếu không bị bắt làm con dâu gạt nợ, khát vọng của Mị sẽ trở thành hiện thực bởi "trai đến đứng nhẵn cả chân vách đầu buồng Mị", Mị đã từng hồi hộp khi nghe tiếng gõ cửa của người yêu. Mị đã bước theo khát vọng của tình yêu nhưng không ngờ sớm rơi vào cạm bẫy.  + Bị bắt về nhà thống lí, Mị định tự tử. Mị tìm đến cái chết chính là cách phản kháng duy nhất của một con người có sức sống tiềm tàng mà không thể làm khác trong hoàn cảnh ấy. "Mấy tháng ròng đêm nào Mị cũng khóc". Mị trốn về nhà cầm theo một nắm lá ngón. Chính khát vọng được sống một con người đúng nghĩa c khiến Mị không chấp nhận cuộc sống bị chà đạp, bị đối xử bất công như một con vật.  Tất cả những phẩm chất trên đây sẽ là tiền đề, là cơ sở cho sự trỗi dậy của Mị sau này. Chế độ phong kiến nghiệt ngã cùng với tư tưởng thần quyền có thể giết chết mọi ước mơ, khát vọng, làm tê liệt cả ý thức lẫn cảm xúc con người nhưng từ trong sâu thẳm, bản chất người vẫn luôn tiềm ẩn và chắc chắn nếu có cơ hội sẽ thức dậy, bùng lên.  - Sự trỗi dậy của lòng ham sống và khát vọng hạnh phúc ở Mị:  Những yếu tố tác động đến sự hồi sinh của Mị:  + Những chiếc váy hoa đã đem phơi trên mỏm đá, xòe như bướm sặc sỡ, hoa thuốc phiện vừa nở trắng lại đổi ra màu đỏ au, đỏ thậm rồi sang màu tím man mác".  + "Đám trẻ đợi tết chơi quay cười ầm trên sân chơi trước nhà"  + Rượu là chất xúc tác trực tiếp để tâm hồn yêu đời, khát sống của Mị trỗi dậy. "Mị đã lấy hũ rượu uống ừng ực từng bát một". Mị vừa như uống cho hả giận vừa như uổng hận, nuốt hận. Hơi men đã dìu tâm hồn Mị theo tiếng sáo.  + Trong đoạn diễn tả tâm trạng hồi sinh của Mị, tiếng sáo có một vai trò đặc biệt quan trọng.  "Mị nghe tiếng sáo vọng lại, thiết tha, bồi hồi. Mị ngồi nhẩm thầm bài hát của người đang hỏi". "Ngày trước Mị thổi sáo giỏi... Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng như thổi sáo", "Tai Mị vang tiếng gọi bạn đầu làng", "mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường", "Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi", "trong đầu Mị rập rờn tiếng sáo"...  - Diễn biến tâm trạng Mị trong đêm tình mùa xuân:  + Dấu hiệu đầu tiên của việc sống lại đó là Mị nhớ lại quá khứ, nhớ về hạnh phúc ngắn ngủi trong cuộc đời tuổi trẻ của mình và niềm ham sống trở lại: "Mị còn phơi phới trở lại, lòng đột nhiên vui sướng như những đêm đến ngày trước". "Mị còn trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ lắm. Mị muốn đi chơi". Mị đã ý thức được tình cảnh đau xót của mình: "Nếu có nắm lá ngón trong tay Mị sẽ ăn cho chết"...  + Từ những sôi sục trong tâm tư đã dẫn Mị tới hành động "lấy ống mỡ xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa dầu". Mị muốn thắp lên ánh sáng cho căn phòng bấy lâu chỉ là bóng tối. Mị muốn thắp lên ánh sáng cho cuộc đời tăm tối của mình.  + Hành động này đẩy tới hành động tiếp: Mị "quấn tóc lại, với tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách".  + Mị đang chuẩn bị sắm sửa để đi chơi nhưng rồi bị A Sử cấm cho đi chơi hắn cột Mị vào nhà cột cả tóc lên khiến Mị không ngẩng đầu lên được đó là một hành động mất hết nhân tính, Mị vẫn đang du mình trong đêm xuân những tiếng ngựa ngoài kia làm cho Mị tỉn giấc nàng đã trở lại với hiện tại, một hiện tại đau khổ và phải chịu đau thương cả về thể xác lẫn tinh thần.c. Tâm trạng và hành động của MỊ trong hoàn cảnh cởi trói cứu A Phủ và chạy trốn theo A Phủ.  - Diễn biến tâm lí trong đêm đông:  + Trước cảnh A Phủ bị trói, ban đầu Mị hoàn toàn vô cảm: "Mị vẫn thản nhiên thổi lửa hơ tay", vì những cảnh tượng ấy đã diễn ra trong nhà Thông lí  + Nhưng "Mị lé mắt trông sang... một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại", giọt nước mắt tuyệt vọng của A Phủ đã giúp Mị nhớ lại mình, nhận ra mình, xót xa cho mình và thương người đồng cảnh. Lòng thương người trắc ẩn và tình giai cấp đã khiến Mị có hành động mạnh bạo: cắt dây cởi trói cứu A Phủ.  => Cắt dây trói vô hình cho chính cuộc đời mình.  + Hệ quả tất yếu là Mị phải chạy trốn theo A Phủ, vì Mị biết: "ở đây thì chết mất".  + Cắt dây cởi trói cứu A Phủ và cùng A Phủ chạy trốn khỏi Hồng Ngài của Mị là hành động vùng dậy tự phát của người nô lệ miền núi cao Tây Bắc, phản ứng lại đối với sự cai trị tàn bạo của bọn thống trị, nhằm mục đích tự giải phóng.  **Câu 2:**  a. Tính cách nhân vật A Phủ qua các tình huống:  - Hoàn cảnh: A Phủ là một đứa trẻ mồ côi. 10 tuổi bị bán xuống cánh đồng xuôi, A Phủ bỏ trốn và lưu lạc đến Hồng Ngài. Vì nhà quá nghèo nên A Phủ không thể lấy nổi vợ.  - Tính cách:  + A Phủ yêu tự do, một sức sống mãnh liệt, một tài năng lao động đáng quý: "biết đúc lưỡi, đúc cuốc, cày giỏi và đi săn bò tót rất bạo". A Phủ khỏe, chạy nhanh như ngựa, con gái trong làng nhiều người mê, "có được A Phủ như có được con trâu tốt ở trong nhà".  + A Phủ là một người mạnh mẽ, gan góc: chạy vụt ra, vung tay ném con quay, xộc tới, nắm cái vòng cổ, kéo, xé, đánh tới tấp. Hành động mạnh mẽ, quyết liệt ấy đã bộc lộ lòng căm thù kẻ cậy thế hống hách, yêu chuộng công lí và tính cách can trường, bất khuất.  + Cuộc xử kiện diễn ra trong khói thuốc phiện mù mịt tuôn ra các lỗ cửa sổ như khói bếp. "Người thì đánh, người thì quỳ lạy, kể lể, chửi bới. Xong lần lượt đánh, kể, chửi, lại hút. Cứ thế từ trưa đến hết đêm". Còn A Phủ gan góc quỳ chịu đòn chỉ im như tượng đá.  => Hủ tục và pháp luật trong tay bọn chúa đất nên kết quả: A Phủ trở thành con ở trừ nợ đời đời kiếp kiếp cho nhà thống lí Pá Tra. Cảnh xử kiện lạ lùng và cảnh A Phủ bị đánh, bị trói vừa tố cáo sự tàn bạo của bọn chúa đất vừa nói lên tình cảnh khốn khổ của người dân.  b. Bút pháp miêu tả nhân vật  - Nhân vật Mị:  + Nghệ thuật so sánh; Thủ pháp vật hóa làm nổi bật, cực tả cuộc đời Mị: kiếp người là kiếp vật của Mị.  + Cách sử dụng hình ảnh ẩn dụ độc đáo (căn buồng Mị ở) nói lên số phận bất hạnh của Mị.  => Nhân vật Mị chủ yếu được khắc họa qua diễn biến tâm lý  - Nhân vật A Phủ: được tác giả khắc họa chủ yếu qua chuỗi hành động để từ đó làm bật lên tính cách táo bạo, gan góc và tinh thần phản kháng của chàng trai miền núi có tâm hồn yêu tự do, phóng khoáng.  **Câu 3:** \* Tô Hoài được mệnh danh là nhà văn của phong tục. Ông có vốn hiểu biết sâu sắc, phong phú về những phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau trên đất nước ta, đặc biệt là vùng núi. Điều này được thể hiện rõ trong tác phẩm Vợ chồng A Phủ:  - Nghệ thuật miêu tả phong tục tập quán của Tô Hoài rất đặc sắc với những nét riêng (cảnh xử kiện, không khí lễ hội mùa xuân, những trò chơi dân gian, tục cướp vợ, cảnh cắt máu ăn thề...).  - Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên miền núi với những chi tiết, hình ảnh thấm đượm chất thơ:  - Nghệ thuật kể chuyện tự nhiên, sinh động, hấp dẫn. Truyện có kết cấu, bố cục chặt chẽ, hợp lí; dẫn dắt những tình tiết đan xen kết hợp một cách khéo léo tạo sức lôi cuốn.  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật cũng rất thành công. Mỗi nhân vật được sử dụng bút pháp khác nhau để khắc họa tính cách khác nhau trong khi họ có số phận giống nhau. Tác giả tả ngoại hình, tả tâm lí với dòng kí ức chập chờn, những suy nghĩ thầm lặng để khắc họa nỗi đau khổ và sức sống của Mị, còn A Phủ thì tả ngoại hình, hành động và những mẫu đối thoại ngắn để thấy tính cách giản đơn.  - Ngôn ngữ tinh tế mang đậm màu sắc miền núi. Giọng điệu trần thuật có sự pha trộn giữa giọng người kể với giọng nhân vật nên tạo ra chất trữ tình.  . |

***4. Củng cố:*** Nhấn mạnh số phận nhân vật, sức sống tiềm tàng khát vọng hạnh phúc của người dân miền núi.

Ngày giảng: ngày 20 tháng 1 năm 2021

**TUẦN 20**

Tiết 38,40 :  **VỢ NHẶT**

**- Kim Lân**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu được tình cảnh thê thảm của người nông dân nước ta trong nạn đói khủng khiếp năm 1945 do thực dân Pháp và phát xít Nhật gây ra.

-Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật: sáng tạo tình huống, gợi không khí, miêu tả tâm lí,dựng đối thoại.

**2. Kĩ năng** : Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Thái độ**:  - Trân trọng niềm khát khao hạnh phúc gia đình, niềm tin bất diệt vào cuộc sống và tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau giữa những người lao động nghèo khổ ngay trên bờ vực thẳm của cái chết.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  ? Dựa vào Tiểu dấn SGK,em hãy nêu những nét chính về tác giả Kim Lân?  ?Em hãy trình bày xuất xứ truyện ngắn Vợ nhặt  ?Dựa vào nội dung truyện, hãy giải thích nhan đề Vợ nhặt?  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** (trang 33 SGK Ngữ văn 12 tập 2). Dựa vào mạch truyện, có thể chia tác phẩm thành mấy đoạn? Ý chính của mỗi đoạn? Mạch truyện đã được dẫn dắt như thế nào?  **Câu 2:** Vì sao người dân xóm ngụ cư lại ngạc nhiên khi thấy Tràng đi cùng một người đàn bà lạ về nhà? Sự ngạc nhiên của các nhân vật trong truyện cho thấy nhà văn đã sáng tạo đưực tình huống truyện như thế nào? Tình huống đó có những tác dụng gì đối với nội dung, ý nghĩa của thiên truyện?  :  **Câu 3:** Dựa vào nội dung truyện, hãy giải thích nhan đề Vợ nhặt. Qua tình huống trong truyện, hiểu gì về tình cảm và thân phận của người nông dân nghèo trong nạn đói 1945? | - Hs trình bày  - Hs trình bày  - Hs giải thích  - Hs phân chia bố cục  - Hs phân tích  - Hs cảm nhận tác phẩm | **I. Lý thuyết**  a. Tác giả  Kim Lân(1920-2007)  - Thế giới nghệ thuật của ông thường là khung cảnh nông thôn, hình tượng người nông dân.  - Là nhà văn một lòng một dạ đi về với "đất", với "người" với "thuần hậu nguyên thủy" của cuộc sống nông thôn.  - Nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật năm 2001.  b. Tác phẩm  a. Xuất xứ: Vợ nhặt là truyện ngắn xuất sắc nhất của Kim Lân in trong tập truyện "Con chó xấu xí"(1962)  b. Hoàn cảnh sáng tác: Tiền thân của truyện ngắn này là tiểu thuyết"Xóm ngụ cư" được viết ngay sau Cách mạng tháng Tám nhưng dang dở và bị mất bản thảo. Sau khi hoà bình lập lại(1954),Kim Lân dựa vào một phần cốt truyện cũ để viết truyện ngắn này.  c. Ý nghĩa nhan đề:  - Thâu tóm giá trị nội dung tư tưởng của tác phẩm.  - Từ nhan đề, ta thấy thân phận con người bị rẻ rúng như cái rơm, cái rác có thể nhặt ở bất kì đâu,bất kì lúc nào. Người ta hỏi vợ, cưới vợ còn ở đây Tràng nhặt vợ.  - Đây thực chất là sự khốn cùng của hoàn cảnh.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** a  \* Tác phẩm có thể được chia thành bốn đoạn:  - Phần 1 (từ đầu đến tự đắc với mình) : Tràng đưa người vợ nhặt về nhà.  - Phần 2 (tiếp đến đẩy xe bò về): kể lại chuyện hai người gặp nhau và nên vợ nên chồng.  - Phần 3 (tiếp đến nước mắt chảy ròng ròng): Tình thương của người mẹ nghèo khó.  - Phần 4 (phần còn lại): niềm tin vào tương lai tươi sáng.  \* Mạch truyện  Mạch truyện đã được dẫn dắt một cách tự nhiên, hợp logic, các cảnh trong truyện đều xuất phát từ tình huống anh Tràng lấy được vợ trong nạn đói khủng khiếp: giữa ngày đói kém, một anh cu Tràng "quá lứa", "dở hơi" đưa một người đàn bà "rẻ rúng" về làm vợ. Mạch truyện bắt đầu từ đó: sự kiện khôi hài này tất yếu gây ra những lời bàn tán hài hước và xót xa; rồi màn bi - hài kịch diễn ra trong nhà cụ Tứ. Cuối cùng tác giả đã tìm được lối thoát cho truyện: giữa những âm thanh của tiếng trống thúc thuế, dồn người ta đến bước đường cùng, hình ảnh lá cờ Việt Minh và đoàn người phá kho thóc của Nhật trong câu chuyện mơ hồ và xa xôi (Nghe đâu tận Thái Nguyên, Bắc Giang) xuất hiện và ám ảnh trong đầu óc của Tràng.  **Câu 2:**  a. Người dân xóm ngụ cư và các nhân vật khác trong truyện như bà cụ Tứ, và cả bản thân Tràng đều đã ngạc nhiên vì Tràng có vợ giữa cảnh nạn đói đang đe dọa.  - Hoàn cảnh:  + Tràng là một người có ngoại hình xấu, lời ăn tiếng nói cũng cộc cằn, thô kệch.  + Gia cảnh của Tràng nghèo khổ, lại là dần xóm ngụ cư (không có ruộng đất). Nguy cơ ế vợ đã rõ. Gặp nạn đói khủng khiếp, cái chết đang đeo bám, mọi người đều nghĩ đến lấy gì mà ăn để sống qua ngày, thì đột nhiên Tràng lại lấy vợ. Trong cảnh đói, Tràng "nhặt" được vợ là "nhặt" thêm một miệng ăn, cũng đồng thời là nhặt thêm tai họa cho mình. Vì vậy, việc Tràng có vợ là một nghịch cảnh éo le, vui buồn lẫn lộn, cười ra nước mắt.  - Dân xóm ngụ cư ngạc nhiên, cùng bàn tán, phán đoán rồi cũng nghĩ: "Biết có nuôi nổi nhau sống qua cái thì này không?" và họ cũng im lặng.  - Bà cụ Tứ, mẹ Tràng lại càng ngạc nhiên hơn. Bà lão chẳng hiểu gì, rồi "cúi đầu im lặng" với nỗi lo riêng mà rất chung: "Biết chúng có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không?".  - Bản thân Tràng cũng bất ngờ với chính hạnh phúc của mình. "Nhìn thị ngồi ngay giữa nhà đến bây giờ hắn vẫn còn đang ngờ ngợ". Thậm chí sáng hôm sau Tràng vẫn chưa hết bàng hoàng.  b. Sự ngạc nhiên cho thấy tác giả đã xây dựng được một tình huống truyện độc đáo. Tình huống truyện mà Kim Lân xây dựng vừa bất ngờ, vừa nghịch lí nhưng cũng vừa có lí.  - Người nông dân trong nạn đói khủng khiếp năm 1945, hơn hai triệu người chết đói, cái giá của con người thật rẻ rúng, người ta có thể "nhặt" được vợ một cách dễ dàng.  - Thế nhưng họ vẫn khát khao có được tổ ấm gia đình, vẫn hi vọng vào tương lai, ngay cả lúc đói khát, cận kề cái chết.  c. Qua tình huống đó, tác phẩm thể hiện rõ giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo và giá trị nghệ thuật.  \* Giá trị hiện thực: tố cáo tội ác thực dân, phát xít qua bức tranh xám xịt về thảm cảnh chết đói.  - "Nhặt vợ" là "nhặt" được hạnh phúc, nhưng khi nó không còn là hạnh phúc nữa mà trở thành cái khốn cùng của cuộc sống.  Cái đói quay quắt dồn đuổi đến mức người đàn bà chủ động gợi ý đòi ăn. Chỉ vì đói quá mà người đàn bà tội nghiệp này ăn luôn và "ăn liền một chặp bốn bát bánh đúc". Chỉ cần vài lời nửa đùa nửa thật chị đã chấp nhận theo không Tràng. Giá trị con người bị phủ nhận khi chỉ vì cùng đường, đói khát mà phải trở nên trơ trẽn, liều lĩnh, bất chấp cả thẹn. Cái đói đã bóp méo cả nhân cách con người.  \* Giá trị nhân đạo: Tình nhân ái, cưu mang đùm bọc nhau, khát vọng hướng tới sự sống và hạnh phúc...  Điều mà Kim Lân muốn nói là trong bối cảnh bi thảm, giá trị nhân bản không mất đi, con người vẫn cứ vươn lên để tiếp tục sống, đế sinh con đẻ cái, để hướng tới tương lai. Người đàn bà đi theo Tràng đã chạy trốn cái đói, cái chết để hướng đến sự sống. Bà cụ Tứ, một bà lão luôn nói đến chuyện tương lai, chuyện sung sướng về sau, nhen lên niềm hi vọng cho con. Đặc biệt là nhân vật Tràng, giữa cảnh chết đói, anh ta vẫn lấy vợ, vẫn nghĩ đến tương lai và hạnh phúc. Đúng như tác giả đã nói, đại ý: những người nghèo khổ, ngay bên cạnh cái chết, họ vẫn không ngừng tìm đến hạnh phúc.  - Về nghệ thuật: tình huống độc đáo khiến truyện phát triển dễ dàng và làm nổi bật được những cảnh đời, những thân phận con người bất hạnh, làm nổi bật chủ đề tư tưởng tác phẩm.  **Câu 3:**  + Vợ là người quan trọng san sẻ cả cuộc đời với người đàn ông. Để có vợ, theo phong tục người ta phải tìm hiểu và cưới xin đường hoàng, trang trọng.  + "Nhặt": người ra chỉ nhặt được những thứ nhỏ bé, đánh rơi.  => "Nhặt vợ": Nhan đề truyện hé mở tình huống anh Tràng có vợ một cách dễ dàng như nhặt được cái rơm, cái rác ở ngoài đường, cụ thể là Tràng “nhặt được vợ” chỉ bằng vài câu hò đùa và bốn bát bánh đúc.  => Qua hiện tượng “nhặt được vợ” của Tràng, tác giả làm nổi bật tình cảnh và thân phận của người nông dân nghèo trong nạn đói khủng khiếp năm 1945. Đồng thời qua đó, cũng bộc lộ sự yêu thương, đùm bọc, sức mạnh hướng tới cuộc sống, tổ ấm, niềm tin của con người trong hoàn cảnh khốn cùng. |

***4. Củng cố:*** Giá trị hiện thực sâu sắc.

Ngày giảng: ngày 25 tháng 1 năm 2021

**TUẦN 21**

Tiết 41,42 :  **RỪNG XÀ NU**

**- Kim Lân**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Nắm được tư tưởng mà tác giả gửi gắm qua những hình tượng của tác phẩm: sự lựa chọn con đường đi của dân tộc ta trong cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù.

- Thấy được vẻ đẹp sử thi và nét đặc sắc Tây Nguyên, ý nghiã và giá trị của tác phẩm trong hoàn cảnh chiến đấu chống Mỹ cứu nước lúc bấy giờ và trong thời đại ngày nay.

**2. Kĩ năng** : - Vận dụng được kĩ năng phân tích tác phẩm văn chương tự sự.

**3. Thái độ**:  - Tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân ta, về vẻ đẹp kiêu dũng của thiên nhiên đất nước.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  ? Dựa vào Tiểu dấn SGK,em hãy nêu những nét chính về tác giả ?  ? Hãy nêu chủ đề?  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** (trang 48 SGK Ngữ văn 12 tập 2)Anh chị cảm nhận được ý nghĩa gì của truyện ngắn qua:  a. Nhan đề tác phẩm  b. Đoạn miêu tả cánh rừng xà nu dưới tầm đại bác  c. Hình ảnh những ngọn đồi, cánh rừng trải xa hút tầm mắt, chạy tít tắp đến tận chân trời luôn trở đi trở lại trong tác phẩm    **Câu 2:** Tác giả vẫn coi "Rừng xà nu là truyện của một đời và được kể trong một đêm". Hãy cho biết:  a. Người anh hùng mà cụ Mết kể trong cái đêm dài ấy có những phẩm chất đáng quý nào? So với nhân vật A Phủ (Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài), hình tượng Tnú có gì mới mẻ hơn?  b. Vì sao trong câu chuyện bi tráng về cuộc đời Tnú, cụ Mết nhắc đi nhắc lại rằng Tnú đã không cứu sống được vợ con, để rồi khắc ghi vào tâm trí người nghe câu nói: Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo?  c. Câu chuyện của Tnú cũng như của dân làng Xô Man nói lên chân lí lớn lao nào của dân tộc ta trong thời đại bấy giờ? Vì sao cụ Mết muốn chân lí đó phải được nhớ, được ghi để truyền cho con cháu?  d. Các hình tượng cụ Mết, Mai, Dít, bé Heng có vai trò gì trong việc khắc họa nhân vật chính và làm nổi bật tư tưởng cơ bản của tác phẩm?    :  **Câu 3:** Theo anh (chị), hình ảnh cánh rừng xà nu và hình tượng nhân vật Tnú gắn kết hữu cơ, khăng khít với nhau như thế nào?  **Câu 4:**Nêu và phân tích những cảm nhận của anh (chị) về vẻ đẹp nghệ thuật của tác phẩm.? | - Hs nêu những nét chính  - Hs trình bày  - Hs cảm nhận  - Hs phân tích tác phẩm  - Hs phân tích  - Hs cảm nhận vẻ đẹp nghệ thuật | **I. Lý thuyết**  a. Tác giả  - Nhà văn gắn bó mật thiết với chiến trường Tây Nguyên, có vốn hiểu biết về đất nước – con người Tây Nguyên rất phong phú.  - Đặc điểm sáng tác:mang đậm tính sử thi -phản ánh những nhân vật anh hùng tiêu biểu cho cộng đồng, những vấn đề lớn của cộng đồng  - Chủ đề: Tác phẩm đã tái hiện lại thời kì lịch sử đen tối ở Tây Nguyên, nỗi đau của cá nhân và mất mát lớn lao của buôn làng đã khiến Tnú và dân làng Xôman đồng khởi.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  a. Ý nghĩa nhan đề tác phẩm  - Nghĩa tả thực: loài cây có nhiều ở Tây Nguyên → tạo phông nền hùng tráng, đậm chất Tây Nguyên cho câu chuyện bi tráng trong tác phẩm.  - Nghĩa tượng trưng: biểu tượng kì vĩ, mang đậm chất sử thi về thiên nhiên và con người Tây Nguyên quật khởi trong kháng chiến chống Mĩ.  b. Hình tượng rừng xà nu dưới tầm đại bác.  - Sự đau thương, mất mát (không cây nào không bị thương, cây bị chặt đứt ngang thân mình, nhựa ứa ra…từng cục máu lớn, vết thương cứ loét mãi ra). Những đau thương mà xà nu phải ghánh chịu cũng giống như sự mất mát, thương đau mà người dân phải chịu khi giặc tàn phá: anh Xút bị treo cổ lên cây vả, bà Nhan bị giặc chặt đầu,...  - Những phẩm chất tốt đẹp (sinh sôi khỏe, ham ánh sáng, thơm mỡ màng, ưỡn tấm ngực che chở cho làng) của xà nu => Đó là ẩn dụ cho số phận đau thương và phẩm chất anh hùng của dân làng Xô Man nói riêng và nhân dân Tây Nguyên nói chung.  c. Hình ảnh đồi xà nu, rừng xà nu "trông xa xa đến ngút tầm mắt", "nối tiếp tới chân trời", lặp đi lặp lại trong truyện gợi ra cảnh rừng xà nu hùng tráng, kiêu dũng và bất diệt, gợi ra sự bất diệt, kiêu dũng của con người Tây Nguyên nói riêng và con người Việt Nam nói chung trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước vĩ đại. Ấn tượng đọng lại trong kí ức người đọc chính là cái bát ngát của cánh rừng xà nu kiêu dũng. Đó là chất sử thi, chất anh hùng về tinh thần quật khởi của đồng bào Tây Nguyên.  **Câu 2:**  a. Phẩm chất, tính cách của người anh hùng Tnú:  - Gan góc, táo bạo, dũng cảm, trung thực (khi còn nhỏ cùng Mai vào rừng tiếp tế cho anh Quyết).  - Lòng trung thành với cách mạng được bộc lộ qua thử thách (bị giặc bắt, tra tấn, lưng T’nú ngang dọc vết dao chém của kẻ thù nhưng anh vẫn gan góc, trung thành).  - Số phận đau thương: Không cứu được vợ con, bản thân bị bắt, bị tra tấn (bị đốt mười đầu ngón tay).  - Quật khởi đứng dậy cầm vũ khí tiêu diệt bọn ác ôn.  b. Câu chuyện bi tráng về cuộc đời Tnú: "Tnú không cứu được vợ con". Cụ Mết nhắc tới bốn lần đế nhấn mạnh: khi chưa cầm vũ khí, Tnú chỉ có hai bàn tay không thì ngay cả những người yêu thương nhất Tnú cũng không cứu được. Câu nói của cụ Mết muôn khẳng định: chỉ có cầm vũ khí đứng lên mới là con đường sống duy nhất, mới bảo vệ được những gì thân yêu, thiêng liêng nhất; chân lí cách mạng đúc rút từ chính thực tế máu xương, tính mạng của dân tộc, những con người thương yêu nên chân lí ấy phải ghi tạc vào xương cốt, tâm khảm và truyền lại cho các thế hệ tiếp nối.  c. Chân lí được thể hiện qua câu chuyện  Câu chuyện Tnú với dân làng Xô man nói lên chân lí lớn của thời đại: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Phải chống lại mọi kẻ thù xâm lược, kể cả phải cầm vũ khí và hi sinh tính mạng.  d. Vai trò của nhân vật: Cụ Mết, Mai, Dít, Heng đối với việc làm nổi bật nhân vật trung tâm và chủ đề:  - Cụ Mết, Mai, Dít, bé Heng là sự tiếp nối các thế hệ làm nối bật tinh thần bất khuất của làng Xô man nói riêng, của Tây Nguyên nói chung.  - Cụ Mết: "quắc thước như một cây xà nu lớn" là hiện thân cho truyền thống thiêng liêng, biểu tượng cho sức mạnh tập hợp đế nổi dậy đồng khởi.  - Mai, Dít là thế hệ hiện tại, trong Dít có Mai của thời trước và có Dít của hôm nay. Vẻ đẹp của Dít là vẻ đẹp của sự kiên định, vững vàng trong bão táp chiến tranh.  - Bé Heng là thế hệ tiếp nối, kế tục cha anh để đưa cuộc chiến tới thắng lợi cuối cùng.  Dường như cuộc chiến khốc liệt này đòi hỏi mỗi người Việt Nam phải có sức trỗi dậy của một Phù Đổng Thiên Vương.  **Câu 3:**  - Xà nu gắn bó với Tnú từ thời thơ ấu (khói xà nu hun tấm bảng đen để học chữ),  - Xà nu ở bên Tnú trong những biến cố đau đớn, những bài học xương máu (nhựa xà nu cháy trên mười đầu ngón tay Tnú, chứng kiến Tnú không cứu được vợ con),  - Xà nu cùng dân làng chào đón Tnú trở về sau mấy năm đi lực lượng (đuốc xà nu soi sáng đêm anh đoàn tụ với buôn làng ở nhà cụ Mết).  - Xà nu và Tnú luôn được miêu tả ứng chiếu làm nổi bật lẫn nhau, Tnú như một cây xà nu đã trưởng thành mạnh mẽ và đầy sức sống. Phẩm chất kiên cường, sức sống bất diệt của xà nu cũng là phẩm chất bất khuất, anh hùng của Tnú.  => Xà nu biểu tượng cho làng Xô Man, Tnú biểu tượng cho người anh hùng trong kháng chiến  **Câu 4:**  Những vẻ đẹp nghệ thuật của tác phẩm:  - Khuynh hướng sử thi thể hiện đậm nét ở tất cả các phương diện: đề tài, chủ đề, hình tượng, hệ thống nhân vật, giọng điệu...  - Cách thức trần thuật: kể theo hồi tưởng qua lời của cụ Mết (già làng), kể bên bếp lửa gợi nhớ lối kể "khan" sử thi của các dân tộc Tây Nguyên, những bài "khan" được kể như những bài hát dài hát suốt đêm.  - Cảm hứng lãng mạn: tính lãng mạn thể hiện ở cảm xúc của tác giả bộc lộ trong lời trần thuật, thể hiện ở việc đề cao vẻ đẹp của thiên nhiên và con người trong thế đối lập với sự tàn bạo của kẻ thù. |

***4. Củng cố:*** Hình tượng cây xà nu

Ngày giảng: ngày 1 tháng 2 năm 2021

**TUẦN 22**

Tiết 43,42 :  **NHỮNG ĐƯA CON TRONG GIA ĐÌNH**

**- Kim Lân**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu được hiện thực đau thương, đầy hy sinh gian khổ nhưng rất đỗi anh dũng, kiên cường, bất khuất của nhân dân miền Nam trong những năm chống Mỹ cứu nước. Sự gắn bó sâu nặng giữa tình cảm gia đình và yêu nước, tình CM, giữa truyền thống gia đình và truyền thống dân tộc đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

- Nắm được những đặc sắc về nghệ thuật của thiên truyện, nghệ thuật trần thuật đặc sắc, khắc họa tính cách và miêu tả tâm lý sắc sảo, ngôn ngữ phong phú, góc cạnh, giàu giá trị tạo hình và đậm chất Nam Bộ.

**2. Kĩ năng:** Đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Thái độ**:  Biết trân trọng, yêu thương và cảm phục những con người bình thường mà giàu lòng nhân hậu, vô cùng dũng cảm đã đem máu xương để giữ gìn, bảo vệ đất nước.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  ? Nêu những nét chính và tác giả Nguyễn Thi?  ? Nêu hoàn cảnh ra đời, giá trị tác phẩm "Những đứa con trong gia đình" ?  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** Đoạn trích Những đứa con trong gia đình được trần thuật chủ yếu từ điểm nhìn của nhân vật nào? Cách trần thuật này có tác dụng như thế nào đối với kết cấu truyện và việc khắc họa tính cách nhân vật?  .  **Câu 2:** (trang 64 SGK Ngữ văn 12 tập 2)  Tác phẩm kể chuyện một gia đình nông dân Nam Bộ. Truyền thống nào đã gắn bó những con người trong gia đình với nhau?    :  **Câu 3:** Phân tích và so sánh tích cách của nhân vật Chiến, Việt để làm rõ sự tiếp nối truyền thống của gia đình của những người con.  **Câu 4:** Phân tích những biểu hiện của khuynh hướng sử thi trong đoạn trích này? | - Hs nêu những nét chính  - Hs trình bày  - Hs cảm nhận  - Hs phân tích tác phẩm  - Hs phân tích  và so sánh nhân vật  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  a. Tác giả  Tác giả: Nguyễn Thi (1928-1968)  - Gắn bó sâu sắc với nhân dân Nam Bộ, là nhà văn của nhân dân Nam Bộ thời kỳ chống Mỹ  - Nhân vật tiêu biểu: Người nông dân Nam Bộ có lòng cảm thù giặc sâu sắc, vô cùng gan góc, kiên cường, thuỷ chung son sắc với quê hương và cách mạng.  - Cây bút có năng lực phân tích tâm lí sắc sảo.  - Ngôn ngữ phong phú, góc cạnh, giàu giá trị tạo hình và đậm chất Nam Bộ.  b. Tác phẩm: "Những đứa con trong gia đình".  - Truyện ngắn xuất sắc - ra đời trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Truyện Những đứa con trong gia đình chủ yếu được trần thuật dưới góc nhìn của nhân vật Việt, khi anh bị thương trong trận đánh, lúc mê lúc tỉnh. Lối trần thuật này cỏ hai tác dụng về mặt nghệ thuật:  - Câu chuyện vừa được thuật, kể cùng một lúc, tính cách nhân vật cũng được khắc họa.  - Câu chuyện dù không có gì đặc sắc cũng trở nên mới mẻ, hấp dẫn vì được kể qua con mắt, tấm lòng và bằng ngôn ngữ, giọng điệu riêng của nhân vật.  - Nhà văn có thể nhập sâu vào thế giới nội tâm của nhân vật để dẫn dắt câu chuyện. Diễn biến của câu chuyện vì thế mà linh hoạt, có thể xáo trộn thời gian, không gian, không phụ thuộc vào trật tự thời gian tuyến tính.  - Những chi tiết ngẫu nhiên của hiện thực chiến trường được gợi ra từ những dòng hồi tưởng, liên tưởng hết sức tự nhiên. Nhà văn phải thành thạo tâm lí ngôn ngữ nhân vật mới có thể trần thuật theo phương thức này.  - Người kể chuyện cũng bộc lộ ngày càng đầy đủ tư cách, tính cách, cảm xúc tình cảm của chính mình  **Câu 2:**  Truyền thống đấu tranh, chống giặc ngoại xâm đã gắn kết các thành viên trong gia đình với nhau:  - Lời chú Năm: "Chuyện gia đình nó cũng dài như sông, để rồi chú chia cho mỗi đửa một khúc mà ghi vào đó", con là sự tiếp nối cha mẹ nhưng không chỉ là tiếp nối huyết thống mà còn là sự tiếp nối truyền thống. Đồng thời muốn hiểu về những đứa con phải hiểu ngọn nguồn sinh ra nó, phải hiểu về truyền thống gia đình nó.  + Chú Năm: đại diện cho truyền thống và lưu giữ truyền thống (trong câu hò, trong cuốn sổ).  + Má Việt cũng là hiện thân của truyền thống ấn tượng sâu đậm nhất ở người phụ nữ này là khả năng ghìm nén đau thương để sống và duy trì sự sống, che chở cho đàn con và tranh đấu.  - Việt và Chiến là hai đứa con của gia đình đã tự nguyện cầm súng chiến đấu báo thù cho ba mẹ bị giặc Pháp giết hại.  **Câu 3:**  a. Nét tính cách chung của hai chị em.  - Hai chị cũng cùng sinh ra trong một gia đình chịu nhiều mất mát đau thương (cùng chứng kiến cái chết đau thương của ba và má).  - Hai chị em có chung mối thù với bọn xâm lược. Tuy còn nhỏ tuổi, chí căm thù đã thôi thúc hai chị em cùng một ý nghĩ: phải trả thù cho ba má và có cùng nguyện vọng: được cầm súng đánh giặc.  - Tình yêu thương là vẻ đẹp tâm hồn của hai chị em. Tình cảm này được thể hiện sâu sắc và cảm động nhất trong cái đêm chị em giành nhau ghi tên tòng quân và sáng hôm sau trước khi lên đường nhập ngũ khiêng bàn thờ má sang nhà chú Năm.  - Cả hai chị em đều là những chiến sĩ gan góc dũng cảm. Đánh giặc là niềm say mê lớn nhất của hai chị em Việt và Chiến cũng là của tuổi trẻ miền Nam trong những năm tháng ấy: "Hạnh phúc của tuổi trẻ là trên trận tuyến đánh quân thù"  - Hai chị em Việt đều có những nét ngây thơ, thậm chí có phần trẻ con (giành nhau bắt ếch nhiều hay ít, giành nhau thành tích bắn tàu chiến giặc và giành nhau ghi tên tòng quân).  b. Nét riêng  \* Nét riêng ở Chiến:  - Hơn Việt chừng một tuổi nhưng Chiến người lớn hơn hẳn: Chiến có thể bỏ ăn để đánh vần cuốn sổ gia đình. Chiến không chỉ "nói in như má" mà còn học được cách nói "trọng trọng" của chú Năm...  - Tính cách "người lớn" ở Chiến còn thể hiện ở sự nhường nhịn. Tuy có lúc giành nhau với em: tranh công bắt ếch, đánh tàu giặc, đi tòng quân nhưng bao giờ cô cũng nhường em hết, trừ việc đi tòng quân.  - Chu đáo, đảm đang, tháo vát: lo cho cả người sống (viết thư cho chị Hai, gửi thằng út em) và người đã khuất (gửi bàn thờ má sang chú Năm); sắp xếp việc nhà đâu ra đấy (cho xã mượn nhà làm trường học, đồ đạc và hai công mía gửi chú, ruộng cho bà con cày cấy…).  - Thừa hưởng tính cách, thói quen và hình ảnh của má: cử chỉ, lời nói, cách vun vén nhà cửa giống hệt má.  => Nguyễn Thi đã xây dựng nhân vật Chiến vừa có cá tính vừa phù hợp với lứa tuổi, giới tính. Chiến là nhân vật được hiện lên qua hồi tưởng của Việt nhưng đã gây được ấn tượng sâu sắc.  \* Nét riêng của Việt:  - Nếu Chiến có dáng dấp của một người lớn thực sự thì ở Việt là sự lộc ngộc, vô tư của một cậu con trai đang tuổi ăn tuổi lớn.  - Chiến nhường nhịn em bao nhiêu thì Việt hay tranh giành với chị bấy nhiêu.  - Đêm trước ngày ra đi, Chiến nói với em những lời nghiêm trang thì Việt lúc "lăn kềnh ra ván cười khì khì", lúc lại rình "chụp một con đom đóm úp trong lòng tay".  - Vào bộ đội, Chiến đem theo tấm gương soi còn Việt lại đem theo một chiếc súng cao su.  - Nhưng sự vô tư không ngăn cản Việt trở thành một anh hùng (ngay từ bé Việt đã dám xông vào đá thằng đã giết cha mình. Khi trở thành một chiến sĩ, mặc dù chỉ có một mình, với đôi mắt không còn nhìn thấy gì, với hai bàn tay đau đớn, Việt vẫn quyết tâm ăn thua sống mái với quân thù).  => Nhân vật Việt là một thành công lớn trong cách xây dựng nhân vật của Nguyễn Thi. Tuy còn hồn nhiên và còn nhỏ nhưng trước kẻ thù Việt lại vụt lớn, chững chạc trong tư thế của một người chiến sĩ.  **Câu 4:**  - Chất sử thi của thiên truyện được thể hiện qua tính chất ngợi ca truyền thống lớn của một dân tộc, thể hiện trong truyền thống một gia đình.  - Cuốn sổ là lịch sử gia đình, qua đó thấy lịch sử của một đất nước, một dân tộc trong cuộc chiến chống Mĩ  - Số phận của những đứa con, những thành viên trong gia đình cũng là số phận của nhân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ khốc liệt.  - Truyện của một gia đình dài như dòng sông còn nối tiếp: "Trăm dòng sông đổ vào một biển, con sông của gia đình ta cũng chảy về biển, mà biển thì rộng lắm... rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta...". Truyện kể về một dòng sông nhưng nhà văn muốn ta nghĩ đến biển cả. Truyện về một gia đình nhưng ta lại cảm nhận được cả một Tổ quốc đang hào hùng chiến đấu bằng sức mạnh sinh ra từ những đau thương.  - Mỗi nhân vật trong truyện đều tiêu biểu chọ truyền thống, đều gánh vác trên vai trách nhiệm với gia đình, với Tố quốc trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Tất cả các nhân vật đều có phẩm chất của những người anh hùng:  + Căm thù giặc sâu sắc  + Gan góc, dũng cảm, khao khát được chiến đấu giết giặc  + Giàu tình nghĩa, rất mực thủy chung, son sắt với cách mạng và quê hương  => Thiên truyện là một bài ca ca ngợi truyền thống đấu tranh bất khuất của những người nông dân Nam Bộ nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung |

***4. Củng cố:*** Nắm cốt truyện, nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.

Ngày giảng: ngày 15 tháng 1 năm 2021

**TUẦN 23**

Tiết 45,46 :  **CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA**

**- Nguyễn Minh Châu**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được suy nghĩ của người nghệ sĩ nhiếp ảnh khi phát hiện ra sự thật: đằng sau bức ảnh rất đẹp về chiếc thuyền trong sương sớm mà anh tình cờ chụp được là số phận đau đớn của người phụ nữ và bao ngang trái trong một gia đình làng chài.

- Thấy được nghệ thuật kết cấu độc đáo, cách triển khai cốt truyện, khắc họa nhân vật của cây bút viết truyện ngắn có bản lĩnh và tài hoa.

**2. Kĩ năng:** Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Thái độ**:  Thấu hiểu: mỗi người trong cõi đời, nhất là người nghệ sĩ, không thể đơn giản, sơ lược khi nhìn nhận cuộc sống và con người.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  ? Em hãy nêu vài nét chính về tác giả?      ? Giới thiệu vài nét về tác phẩm?  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** Phát hiện thứ nhất của người nghệ sĩ nhiếp ảnh là gì? Anh đã phát hiện như thế nào về vẻ đẹp của chiếc thuyền ngoài xa trên biển sớm mù sương?  .  **Câu 2:** Phát hiện thứ hai của người nghệ sĩ nhiếp ảnh mang đầy nghịch lí. Anh đã chứng kiến và có thái độ như thế nào trước những gì diễn ra ở gia đình thuyền chài?  .    :  **Câu 3:** Câu chuyện của người đàn bà ở tòa án huyện nói lên điều gì?  **Câu 4:** Nêu cảm nghĩ về các nhân vật: người đàn bà vùng biển, lão đàn ông độc ác, chị em thằng Phác, người nghệ sĩ nhiếp ảnh? | - Hs nêu những nét chính  - Hs trình bày  - Hs cảm nhận  - Hs suy nghĩ trả lười  - Hs phân tích tác phẩm  - Hs nêu cảm nhận | **I. Lý thuyết**  a. Tác giả  Nguyễn Minh Châu (1930-1989)  - Một trong những nhà văn đi tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học nước nhà. Là nhà văn ″mở đường tinh anh và tài năng nhất của văn học ta hiện nay″ (Nguyên Ngọc).  - Sau 1975 văn chương Nguyễn Minh Châu đi vào cuộc sống đời thường, mang đậm chất tự sự- triết lí.  b. Tác phẩm  - Sáng tác: 8/1983, in trong tập truyện ngắn cùng tên.  - Tác phẩm mang đậm phong cách tự sự triết luận dung dị đời thường.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Phát hiện của nghệ sĩ nhiếp ảnh về vẻ đẹp của chiếc thuyền ngoài xa trên biển sớm mù sương rất độc đáo, tinh tế.  - Vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất hội họa: "Trước mặt tôi là một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ, mũi thuyền in một nét mơ hồ lòe nhòe vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào"  + Vẻ đẹp hài hòa, toàn bích: từ đường nét đến ánh sáng…bóp thắt vào.  + Cảm nhận và đánh giá của Phùng: cảnh “đắt” trời cho, vẻ đẹp thực đơn giản và toàn bích, cái đẹp tuyệt đỉnh của ngoại cảnh…  + Tâm trạng và thức nhận của Phùng: xúc động tột độ (bối rối, trái tim như có cái gì bóp thắt vào), khám phá thấy chân lí của sự toàn thiện, cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn, cái đẹp chính là đạo đức; tận hưởng niềm hạnh phúc tràn ngập tâm hồn.  => Phát hiện tuyệt vời về cái đẹp khiến Phùng có được những rung động, khám phá sâu sắc trong tâm hồn nghệ sĩ:  **Câu 2:**  Phát hiện đầy nghịch lí: bức tranh cảnh bạo lực gia đình đối lập với bức tranh thiên nhiên:  - Người nghệ sĩ đã tận mắt chứng kiến từ chiếc thuyền ngư phủ đẹp như trong mơ là hình ảnh đối lập hoàn toàn  + Một người đàn bà xấu xí, mệt mỏi và cam chịu,  + Một gã đàn ông thô kệch, dữ dằn, độc ác, coi việc đánh vợ như một phương cách để giải tỏa những uất ức, khổ đau...  => Đây là hình ảnh đằng sau cái đẹp "toàn bích, toàn thiện" mà anh vừa bắt gặp trên biển. Nó hiện ra bất ngờ, trớ trêu như trò đùa quái ác của cuộc sống.  - Chứng kiến cảnh người đàn ông đánh vợ một cách vô lí và thô bạo, Phùng đã "kinh ngạc đến mức, trong mây phút đầu... vứt chiếc máy ảnh xuống đất, chạy ào tới". Hành động đó nói lên nhiều điều **Câu 3:**  - Câu chuyện của người đàn bà ở toà án huyện là câu chuyện về sự thật cuộc đời  + Giúp những người như Phùng, như Đẩu hiểu rõ nguyên do của những điều tưởng như vô lí.  + Nhìn bề ngoài, đó là người đàn bà quá nhẫn nhục, cam chịu, bị đánh đập... mà vẫn quyết gắn bó với lão chồng vũ phu.  => Tất cả đều xuất phát từ tình thương vô bờ đối với những đứa con. Trong đau khổ triền miên, người đàn bà ấy vẫn chắt lọc những niềm hạnh phúc nhỏ nhoi...  => Qua câu chuyện của người đàn bà làng chài, tác giả giúp người đọc hiểu rõ: không thể dễ dãi, đơn giản trong việc nhìn nhận mọi sự việc, hiện tượng của đời sống.  **Câu 4:**  \* Người đàn bà  - Tên gọi: tác giả gọi một các phiếm định "Người đàn bà",  - Ngoại hình: ngoài 40, thô kệch, mặt rỗ, xuất hiện với "khuôn mặt mệt mỏi"; người đàn bà gợi ấn tượng về một cuộc đời nhọc nhằn, lam lũ, nhiều cay đắng.  - Số phận: Bà thầm lặng chịu mọi đau đớn khi bị chồng đánh không kêu lên một tiếng, không chống trả, không trốn chạy. "Tình thương con cũng như nỗi đau, sự thâm trầm trong việc hiểu thấu các lẽ đời hình như mụ chẳng để lộ ra bên ngoài"... Một sự cam chịu đáng chia sẻ, cảm thông.  \* Người đàn ông  - Cuộc sống đói nghèo, lam lũ đã biến "anh con trai" cục tính nhưng hiền lành xưa kia thành một người chồng vũ phu.  - Ngoại hình: lão đàn ông "mái tóc tổ quạ", "chân chữ bát ", "hai con mắt đầy vẻ độc dữ"  => Vừa là nạn nhân của cuộc sống khốn khổ, vừa là thủ phạm gây nên bao đau khổ cho người thân của mình.  \* Chị em thằng Phác  - Bị đẩy vào tình thế khó xử khi ở trong hoàn cảnh ấy.  + Chị thằng Phác, một cô bé yếu ớt mà can đảm, đã phải vật lộn để tước con dao trên tay thằng em trai, ngăn em việc trái luân thường đạo lí. Cô bé là điểm tựa vững chắc của người mẹ đáng thương, cô đã hành động đúng khi cản được việc làm dại dột của đứa em, lại biết chăm sóc, lo toan khi mẹ phải đến tòa án huyện.  + Thằng Phác thương mẹ theo kiểu của một cậu bé con còn nhỏ, theo cách một đứa con trai vùng biển. Nó "lặng lẽ đưa mấy ngón tay khẽ sờ trên khuôn mặt người mẹ, như muốn lấy đi những giọt nước mắt chứa đầy trong những nốt rỗ chằng chịt”, "nó tuyên bố với các bác ở xưởng đóng thuyền rằng nó còn có mặt ở dưới biển này thì mẹ nó không bị đánh".  => Nạn nhân khi phải chứng kiển cảnh bạo lực gia đình  \* Nhiếp ảnh Phùng  - Người có tâm hồn tinh tế, nhạy cảm  - Vốn là người lính thường vào sinh ra tử. Phùng căm ghét mọi sự áp bức, bất công, sẵn sàng làm tất cả vì điều thiện, lẽ công bằng.  - Anh xúc động ngỡ ngàng trước vẻ đẹp tinh khôi của thuyền và biển lúc bình minh.  => Một người nhạy cảm như anh tránh sao khỏi nỗi tức giận khi phát hiện ra sự bạo hành của cái xấu, cái ác ngay sau cảnh đẹp huyền ảo trên biển. Hơn bao giờ hết, Phùng hiểu rõ: trước khi một nghệ sĩ biết rung động trước cái đẹp, hãy làm một người biết yêu ghét vui buồn trước mọi lẽ đời thường tình, biết hành động để có một cuộc sống xứng đáng với con người |

**4. Củng cố:** Tìm hiểu những nhân vật còn lại của tác phẩm.

Ngày giảng: ngày 22 tháng 2 năm 2021

**TUẦN 24**

Tiết 47:  **MÙA LÁ RỤNG TRONG VƯỜN**

**- Ma Văn Kháng**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của nhà văn Ma Văn Kháng,một trong số những cây bút có sức sáng tạo dồi dào trong đời sống văn học hiện nay.

- Những nét lớn về nội dung của trích đoạn.( Vẻ đẹp giản dị ,hồn hậu của người phụ nữ Việt Nam, sức mạnh của những giá trị văn hoá truyền thống)và một nghệ thuật kể chuyện tự nhiên, sinh động.

**2. Kĩ năng:** - Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Thái độ**:  - Trân trọng những giá trị của văn hóa truyền thống..

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  ? Em hãy nêu vài nét chính về tác giả?      ? Giới thiệu vài nét về tác phẩm?  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** Nhân vật chị Hoài trong tác phẩm để lại cho anh (chị) có ấn tượng gì? Vì sao mọi người trong gia đình, với những tính cách khác nhau, nhưng tất cả đều yêu quý chị Hoài?  **Câu 2:** Phân tích diễn biến tâm lí hai nhân vật ông Bằng và chị Hoài trong cảnh gặp lại trước giờ cúng tất niên. Sự xúc động sâu sắc của hai người có ý nghĩa gì?  .    :  **Câu 3:** Khung cánh Tết và dòng tâm tư cùng với lời khấn của ông Bằng trước bàn thờ gợi cho anh (chị) cảm xúc và suy nghĩ gì về truyền thống văn hóa riêng của dân tộc ta? | - Hs nêu những nét chính  - Hs trình bày  - Hs giải thích  - Hs phân tích diễn biến tâm lí hai nhân vật  - Hs suy nghĩ trả lời | **I. Lý thuyết**  a. Tác giả Ma Văn Kháng  - Thuộc thế hệ những người cầm bút giàu nhiệt huyết với lí tưởng hào hùng của thời đại. Ông là một trong những nhà văn đi tiên phong, đóng vai trò quan trọng vào quá trình vận động và đổi mới của văn xuôi Việt Nam sau 1975.  - Tác phẩm của ông bộc lộ sự nhạy cảm của nhà văn trước bao vấn đề mới mẻ, gợi nhiều suy ngẫm về xã hội và con người trên đất nước ta sau chiến tranh.  - Sức sáng tạo dồi dào, vốn sống phong phú, đa dạng; tạo nhiều hình tượng độc đáo, giàu cá tính.  b. Tác phẩm  - Tác phẩm thể hiện sự tinh nhạy của nhà văn về những biến động, thay đổi trong tư tưởng và tâm lí con người Việt Nam chuyển từ kinh tế bao cấp sang cơ chế thị trường.  - Văn bản thuộc chương II của tiểu thuyết Mùa lá rụng trong vườn: Ông Bằng và mọi người đang rất buồn vì Cừ bỏ xí nghiệp và có tin là đã vượt biên. Ông viết thư cho chị Hoài và chị đã lên thăm gia đình vào buổi chiều tất niên..  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Chị Hoài mang vẻ đẹp đằm thắm của người phụ nữ nông thôn: "người thon gọn... chiếc khăn len nâu thắt ôm khuôn mặt rộng có cặp mắt hai mí đằm thắm và cái miệng cười rất tươi".  - Nét đằm thắm, mặn mà toát lên từ tâm hồn chị, từ tình cảm đôn hậu, từ cách ứng xử, quan hệ với mọi người.  + Từng là dâu trưởng trong gia đình ông Bằng bây giờ chị đã có một gia đình riêng với những quan hệ riêng, lo toan riêng, mọi người vẫn nhớ, vẫn quý, vẫn yêu chị.  + Bởi vậy "người phụ nữ tưởng đã cùng tham dự cuộc sống của gia đình này" (biết chuyện cô Phượng đã chuyển công tác, nhận được thư bố chồng cũ, "sợ ông buồn nến phải lên ngay";  + Chu đáo, xởi lởi chuẩn bị quà, hỏi thăm tất cả mọi người lớn, bé; sự thành tâm của chị trước bàn thờ gia tiên chiều 30 tết).  => Trong tiềm thức mỗi người "vẫn sống động một chị Hoài đẹp người đẹp nết".  - Chị Hoài được mọi người yêu quý vì chị là mẫu người phụ nữ vẫn giữ được nét đẹp truyền thống quý giá.  **Câu 2:** Tâm trạng của ông Bằng, chị Hoài:  - Ông Bằng và chị Hoài là nhân vật cùng có nỗi lo lắng trước những biến động theo chiều hướng xấu của đại gia đình. Gặp lại nhau trong một hoàn cảnh đặc biệt: chiều 30 Tết - khi mọi cảm xúc của con người đều hướng về nguồn cội, về những giá trị truyền thống đẹp đẽ của gia đình. Chị Hoài - vốn là con dâu trưởng của gia đình, giờ đã có gia đình riêng, xa cách lâu ngày. Cảnh sum họp trước giờ cúng tất niên thực sự xúc động.  - Ông Bằng "nghe thấy xôn xao tin chị Hoài lên", "ông sững lại khi nhìn thấy Hoài, mặt thoáng một chút ngơ ngẩn rồi mắt ông chớp liên hồi, môi ông bật bật không thành tiếng, có cảm giác như ông sắp khóc oà", "giọng ông bỗng khê đặc, khàn rè: Hoài đấy ư, con?", đó là nỗi vui mừng, xúc động không giấu giếm của ông khi gặp lại người đã từng là con dâu trưởng mà ông rất mực quý mến.  - Chị Hoài: "gần như không chủ động được mình, lao về phía ông Bằng, quên cả đôi dép, đôi chân to bản... kịp hãm lại khi còn cách ông già hai hàng gạch hoa". Tiếng gọi của chị nghẹn ngào trong tiếng nấc: "Ông"!.  => Sự xúc động sâu sắc của hai người thể hiện tình cảm chân thành giữa những người trong gia đình. Nhưng quan trọng hơn, nó dự cảm về những gì tốt đẹp trong truyền thống gia đình mà giờ đây, trước bao tác động của thời cuộc, đang có nguy cơ bị băng hoại.  **Câu 3:**  Khung cảnh Tết:  + Khói hương, mâm cỗ thịnh soạn "vào cái thời buổi đất nước còn nhiều khó khăn sau hơn ba mươi năm chiến tranh..."  + Mọi người trong gia đình tề tựu, quây quần...  => Tất cả chuẩn bị chu đáo cho khoảnh khắc tri ân trước tổ tiên trong chiều 30 Tết.  - Ông Bằng "soát lại hàng khuy áo, chỉnh lại cà vạt, ho khan một tiếng, dịch chân lại trước mặt bàn thờ". "Thoáng cái, ông Bằng như quên hết xung quanh và bản thể. Dâng lên trong ông cái cảm giác thiêng liêng rất đỗi quen thân và tâm trí ông bỗng mờ nhòa... Thưa thầy mẹ đã cách trở ngàn trùng mà vẫn hằng sống cùng con cháu. Con vẫn vẳng nghe đâu đây những lời giáo huấn...”.  - Những hình ảnh sống động gieo vào lòng người đọc niềm xúc động rưng rưng, để rồi "nhập vào dòng xúc động tri ân tổ tiên và những người đã khuất.  - Bày tỏ lòng tri ân trước tố tiên, trước những người đã mất trong lễ cúng tất niên - chiều 30 Tết, điều đó đã trở thành một nét văn hoá truyền thống đáng trân trọng và tự hào của dân tộc ta. "Quá khứ không cắt rời với hiện tại. Tổ tiên không tách rời với con cháu. Tất cả liên kết một mạch bền chặt thuỷ chung".  - Dù cuộc sống hiện tại muôn sự đổi thay cùng sự thay đổi của những cách nghĩ cách sống, những quan niệm mới, nét đẹp truyền thống văn hóa ấy vẫn đang và rất cần được giữ gìn, trân trọng. |

**4. Củng cố:** - Nhân vật chị Hoài để lại cho em những suy nghĩ gì?

Ngày giảng: ngày 22 tháng 2 năm 2021

**TUẦN 24**

Tiết 48:  **MỘT NGƯỜI HÀ NỘI**

**- Nguyễn Khải**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được vẻ đẹp và chiều sâu văn hoá của người Hà Nội qua hình tượng nhân vật bà Hiền.

- Nắm được một số nét cơ bản trong nghệ thuật văn xuôi của Nguyễn Khải: cách kể chuyện, giọng văn, chất triết lý...

**2. Kĩ năng:** - Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Thái độ**:  - Trân trọng những giá trị của văn hóa truyền thống..

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  ? Em hãy nêu vài nét chính về tác giả?    ? Giới thiệu vài nét về tác phẩm?  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** Nhân vật trung tâm của truyện là cô Hiền. Nhận xét về tính cách cô Hiền, đặc biệt là suy nghĩ, cách ứng xử của cô trong từng thời đoạn của đất nước. Vì sao tác giả lại cho cô Hiền là "một hạt bụi vàng" của Hà Nội?    **Câu 2:** Nêu cảm nghĩ về nhân vật "tôi", Dũng, người mẹ của Tuất, những thanh niên Hà Nội và cả những người tạo nên "nhận xét không mấy vui vẻ" của nhân vật "tôi" về Hà Nội.    :  **Câu 3:** Chuyện cây si cổ thụ ở đền Ngọc Sơn bị bão đánh bật rễ rồi lại hồi sinh gợi cho anh (chị) suy nghĩ gì? | - Hs nêu những nét chính  - Hs trình bày  - Hs giải thích  - Hs nêu cảm nghĩ  - Hs suy nghĩ trả lời | **I. Lý thuyết**  a. Tác giả: Nguyễn Khải (1930-2008)  - Nhà văn được rèn luyện, trưởng thành trong quân ngũ.  - Một trong những cây bút hàng đầu của văn xuôi VN từ sau cách mạng tháng 8/1945.  - Nhà văn luôn xông xáo, bám sát thời sự, khả năng phát hiện vấn đề, phân tích tâm lý sâu sắc.  b. Tác phẩm:″Một người Hà Nội″  - Hoàn cảnh ra đời:1960, gắn với công cuộc đổi mới của đất nước, đổi mới của văn học.  - Xuất xứ: Rút từ tập truyện ″Hà Nội trong mắt tôi″ (NXB Hà Nội 1995).  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - a. Tính cách, phẩm chất của nhân vật cô Hiền:  - Nhân vật trung tâm của truyện ngắn là cô Hiền, cũng như những người Hà Nội, cô đã cùng Hà Nội, cùng đất nước trải qua nhiều biến động thăng trầm nhưng vẫn giữ được cốt cách người Hà Nội. Cô sống thẳng thắn, chân thành, không giấu giếm quan điểm, thái độ của mình với mọi hiện tượng xung quanh.  - Suy nghĩ về cách ứng xử của cô trong từng thời đoạn của đất nước:  + Hoà bình lập lại ở miền Bắc, cô Hiền nói về niềm vui và cả những cái có phần máy móc, cực đoan của cuộc sống xung quanh: "vui hơi nhiều, nói cũng hơi nhiều...", theo cô "chính phủ can thiệp vào nhiều việc của dân quá"... cô tính toán mọi việc trước sau rất khôn khéo và "đã tính là làm, đã làm là không để ý đến những đàm tiếu của thiên hạ...".  + Miền Bắc bước vào thời kì đương đầu với chiến tranh phá hoại hàng loạt bằng không quân của Mĩ. Cô Hiền dạy con biết, cách sống "biết tự trọng, biết xấu hổ", biết sống đúng với bản chất của người Hà Nội. Đó cũng là lí do vì sao cô sẵn sàng cho con trai ra trận: "Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bám vào sự hi sinh của bạn. Nó dám đi cũng là biết tự trọng...".  + Sau chiến thắng mùa xuân 1975, đất nước trong thời kì đổi mới, với không khí xô bồ của thời kì kinh tế thị trường, cô Hiền vẫn là một người Hà Nội của hôm nay, thuần tuý Hà Nội, không pha trộn. Từ chuyện cây si cố thụ ở đền Ngọc Sơn, cô Hiền nói về niềm tin vào cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.  b. Cô Hiền - "một hạt bụi vàng" của Hà Nội, vì:  - Nói đến hạt bụi, người ta nghĩ đến vật nhỏ bé, tầm thường. Có điều là hạt bụi vàng thì dù nhỏ bé nhưng có giá trị quý báu.  - Cô Hiền là một người Hà Nội bình thường thâm sâu những nét tinh hoa trong bản chất người Hà Nội. Bao nhiêu hạt bụi vàng, bao nhiêu người như cô Hiền sẽ hợp lại thành những "ánh vàng" chói sáng. Ánh vàng ấy là phẩm giá người Hà Nội, là truyền thống cốt cách người Hà Nội.  **Câu 2:**  Các nhân vật khác trong truyện:  - Nhân vật "tôi": Thấp thoáng sau những dòng chữ là hình ảnh nhân vật "tôi" - đó là một người đã chứng kiến và tham gia vào nhiều chặng đường lịch sử dân tộc.  + Nhân vật "tôi" đã có những quan sát tinh tế, cảm nhận nhạy bén, sắc sảo, đặc biệt là về nhân vật cô Hiền, về Hà Nội và người Hà Nội.  + Ẩn sâu trong giai điệu vừa vui vừa đùa, khôi hài, vừa khôn ngoan, trải đời là hình ảnh một con người gắn bó thiết tha với vận mệnh đất nước, trân trọng những giá trị văn hóa của nhân vật.  + Nhân vật "tôi" mang hình bóng Nguyễn Khải, người kể chuyện, một sáng tạo nghệ thuật sắc bén đem đến cho tác phẩm một điểm nhìn trần thuật chân thật, khách quan và đúng đắn, sâu sắc.  - Nhân vật Dũng, con trai đầu rất mực yêu quý của cô Hiền.  + Anh đã sống đúng với những lời mẹ dạy về cách sống của người anh hùng cùng với 660 thanh niên ưu tú của Hà Nội lên đường dâng hiến tuổi xuân của mình cho đất nước.  => Dũng, Tuất và tất cả những chàng trai Hà Nội đã góp phần tô thắm thêm cốt cách tinh thần người Hà Nội, phẩm giá cao đẹp của con người Việt Nam.  - Một số nhân vật khác: Bên cạnh sự thật về những người Hà Nội có phẩm chất cao đẹp, còn có những người tạo nên "nhận xét không mấy vui vẻ" của nhân vật "tôi" về Hà Nội.  + Đó là "ông bạn trẻ đạp xe như gió" đã làm xe người ta suýt đố lại còn phóng xe vượt qua rồi quay mặt lại chửi "Tiên sư cái anh già",  + Những người mà nhân vật tôi quên đường đi hỏi thăm...  => Đó là "những hạt sạn" của Hà Nội, nay cần phải làm rất nhiều điểm để giữ gìn và phát huy cái đẹp trong tính cách người Hà Nội.  **Câu 3:**  - Hình ảnh cây si cổ thụ ở đền Ngọc Sơn bị bão đánh bật rễ rồi lại hồi sinh nói lên quy luật bất diệt của sự sống. Quy luật này được khắng định bằng niềm tin của con người thành phố đã kiên trì cứu sống được cây si.  - Cây si cũng là một biểu tượng nghệ thuật, một hình ảnh ẩn dụ về vẻ đẹp của Hà Nội. Hà Nội có thể bị tàn phá, bị nhiễm bệnh vẫn là một người Hà Nội với truyền thống văn hóa đã được nuôi dưỡng suốt các chặng đường lịch sử, là cốt cách, tinh hoa, linh hồn đất nước. |

**4. Củng cố:** Nhận xét về giọng kể của tác giả?

Ngày giảng: ngày 1 tháng 3 năm 2021

**TUẦN 25**

Tiết 49, 50:  **THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Củng cố nâng cao kiến thức cơ bản về hàm ý, cách tạo hàm ý, tác dụng của hàm ý trong giao tiếp ngôn ngữ.

**2. Kĩ năng** :   - Có kỹ năng lĩnh hội được hàm ý, kỹ năng nói và viết câu có hàm ý trong những ngữ cảnh cần thiết.

**3. Thái độ**:  Biết dùng câu có hàm ý khi cần thiết..

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  ? Khái niệm của nghĩa tường minh và hàm ý?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** (trang 79 SGK Ngữ văn 12 tập 2)  a) Nếu căn cứ vào lời đáp của A Phủ đối với câu hỏi của Pá Tra thì:  (1) Lời đáp đó thiếu thông tin gì cần thiết đối với yêu cầu của câu hỏi?  (2) Lời đáp đó thừa thông tin gì cần thiết đối với yêu cầu của câu hỏi?  (3) Cách trả lời của A Phủ có hàm ý gì và thể hiện sự khôn khéo như thế nào?  **Câu 2:**(trang 80 SGK Ngữ văn 12 tập 2)  a. Bá Kiến nói: "Tôi không phải là kho", nói thế là có hàm ý gì? Cách nói như thế có đảm bảo phương châm cách thức (cần nói rõ ràng, rành mạch) không?  b. Ở lượt lời thứ nhất và thứ hai của Bá Kiến có những câu dạng câu hỏi. Những câu đó thực hiện hành động nói gì? Chúng có hàm ý như thế nào?  c. Ở lượt lời thứ nhất và thứ hai của mìnhh, Chí Phèo đều không nói hết ý. Phần hàm ý còn lại được tường minh hóa (được nói rõ) ở lượt lời nào? Cách nói ở hai lượt lời đầu của Chí Phèo không đảm bảo phương châm về lượng và phương châm cách thức như thế nào?  **Câu 3:** (trang 80 SGK Ngữ văn 12 tập 2)  a. Lượt lời thứ nhất của bà đồ có hình thức câu hỏi nhưng thực chất là thực hiện hành động nói gì (ngăn cản, khuyên, đề nghị, khen,...)? Ở lượt lời đó, bà đồ tỏ ý "khen tài văn chương" của ông đồ hay thực chất đánh giá như thế nào về văn chương của ông?  b. Vì sao bà đồ không nói thẳng ý mình mà chọn cách nói như trong truyện?  **Câu 4:** Đọc lại bài thơ "Sóng" của Xuân Quỳnh và cho biết lớp nghĩa tường minh và lớp nghĩa hàm ý của bài thơ là gì? Hàm ý được thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào? Hàm ý mang lại tác dụng và hiệu quả nghệ thuật như thế nào cho tác phẩm văn học?  : | - Hs nêu khái niệm  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs trả lời  - Hs phân tích  - Hs xác định tác dụng hàm ý trong thơ | **I. Lý thuyết:**  - Nghĩa tường minh là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu.( Nghĩa tường minh còn gọi là hiển ngôn ). Nghĩa tường minh dễ nhận ra bởi nó thể hiện qua nguyên văn câu nói, người nghe không phải suy diễn, ai cũng hiểu như vậy.  - Hàm ý là những nội dung, ý nghĩ mà người nói không nói ra trực tiếp bằng từ ngữ, tuy vẫn có ý định truyền báo đến người nghe. Còn người nghe phải dựa vào nghĩa tường minh của câu và tình huống giao tiếp để suy ra thì mới hiểu đúng, hiểu hết ý của người nói II. Điệp âm, điệp vần, điệp thanh  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  a. Nếu căn cứ vào nghĩa tường minh trong lời đáp của A Phủ thì:  (1) Lời đáp của A Phủ thiếu thông tin cần thiết của câu hỏi: số lượng bò bị mất (mất mấy con bò?).  (2) Lời đáp thừa thông tin so với yêu cầu của câu hỏi: A Phủ không nói về số bò bị mất mà lại nói đến việc dự định và niềm tin của mình  (3) Cách trả lời của A Phủ có sự khôn khéo là: không trả lời thẳng mà gián tiếp công nhận việc để mất bò, sau đó "xin" được "lấy công chuộc tội"  b.  - Khái niệm: Hàm ý là những nội dung, ý nghĩ mà người nói không nói ra trực tiếp bằng từ ngữ, tuy vẫn có ý định truyền báo đến người nghe, còn người nghe phải dựa vào nghĩa tường minh của câu và tình huống giao tiếp để suy ra thì mới hiểu đúng, hiểu hết ý của người nói.  - Trong đoạn trích trên, A Phủ đã vi phạm phương châm về lượng (lượng tin) trong giao tiếp: A Phủ đã đưa thêm những thông tin không được người hỏi yêu cầu.  **Câu 2:** Câu nói của Bá Kiến có hàm ý từ chối trước lời đề nghị xin tiền như mọi khi của Chí Phèo  - Cách nói vi phạm phương châm cách thức (không nói rõ ràng, rành mạch).  b.  - Trong lượt lời thứ nhất của Bá Kiến có câu với hình thức hỏi: "Chí Phèo đấy hở?". Câu này không nhằm mục đích hỏi, không yêu cầu trả lời, vì Chí Phèo đã đứng ngay trước mặt Bá Kiến. Thực chất Bá Kiến dùng câu hỏi để thực hiện hành chào với hàm ý : "Anh lại có chuyện gì nữa đây?"  - Trong lượt lời thứ nhất của Bá Kiến, câu mang hình thức câu hỏi là: "Rồi làm ăn chứ cứ bám người ta mãi à?". Thực chất câu nói này không nhằm mục đích hỏi mà nhằm mục đích thúc giục, ra lệnh: "Hãy làm lấy mà ăn".  c.  - Hàm ý này được tường minh hóa, nói rõ ở lượt lời cuôì cùng: "Tao muốn làm người lương thiện".  - Hai lượt lời vi phạm phương châm về lượng, về cách thức: nói thiếu ý và không rõ ràng.  **Câu 3:**  a.  - Lượt lời thứ nhất bà đồ nói: "Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?". Câu nói có hình thức hỏi nhưng không nhằm mục đích để hỏi mà nhằm gợi ý một cách lựa chọn cho ông đồ.  - Lượt lời lần thứ hai của bà đồ chứng tỏ trong lượt lời thứ nhất của bà có hàm ý: khuyên ông nên sử dụng giấy cho có ích lợi, cho rằng ông đồ viết văn kém, ông dùng giấy để viết văn chỉ thêm lãng phí, hay bỏ phí giấy, vứt giấy đi một cách lãng phí.  b. Bà đồ chọn cách nói có hàm ý vì lí do tế nhị, lịch sự đối với chồng, bà không muốn trực tiếp chê văn của ông chồng mà thông qua lời khuyên để gợi ý cho ông đồ lựa chọn.  **Câu 4:**  \* Lớp nghĩa tường minh và hàm ý của bài thơ Sóng:  - Lớp nghĩa tường minh: Cảm nhận và miêu tả hiện tượng sóng biển với những đặc điểm, trạng thái của nó.  - Lớp nghĩa hàm ý: Trên cơ sở khám phá sự tương đồng giữa hình tượng "sóng" và hình tượng "em", bài thơ diến tả tình yêu của người phụ nữ thiết tha, nồng nàn, chung thủy, muốn vượt lên thử thách của thời gian và sự hữu hạn của đời người. Từ đó thấy được tình yêu là một tình cảm cao đẹp, một hạnh phúc lớn lao của con người.  - Hàm ý được thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ rất phong phú và đa dạng, nhưng chủ yếu nhờ các ẩn dụ và ngữ cảnh.  - Tác phẩm văn học dùng cách thể hiện có hàm ý sẽ tạo nên tính hàm súc đa nghĩa, diễn đạt biểu xúc, tư tưởng của tác giả một cách tế nhị, sâu sắc. |

***4. Củng cố:***  Tác dụng cách nói hàm ý: Tạo ra hiệu quả mạnh mẽ hơn cách nói thông thường, giữ được tính lịch sự và thể diện tốt đẹp của người nói hoặc người nghe, làm cho lời nói ý vị, hàm súc…

Ngày giảng: ngày 8 tháng 3 năm 2021

**TUẦN 26**

Tiết 51,52:  **SỐ PHẬN CON NGƯỜI**

**- M. Sô-lô-khôp**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu rõ tính cách Nga kiên cường, nhân hậu.

- Nắm được nghệ thuật kể chuyện, khắc họa tính cách và sử dụng chi tiết của Sô-lô-khốp

**2. Kĩ năng:** - Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Thái độ**:  Suy ngẫm về số phận con người để có thể có sự vươn lên và sự thông cảm...

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  ? Hãy nêu những nét chính về cuôc đời và sự nghiệp sáng tác của Sô-lô-khốp ?            ? Nêu xuất xứ của tác phẩm ?  **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** Hoàn cảnh và tâm trạng của An-drây Xô-cô-lôp sau khi chiến tranh kết thúc và trước khi gặp bé Va-ni-a được miêu tả như thế nào?  :    **Câu 2:** Việc An-đrây nhận cậu bé Va-ni-a làm con nuôi có tác động lớn lao đến hai cha con như thế nào? Tâm hồn ngây thơ của bé Va-ni-a, và lòng nhân hậu của An-đrây Xô-cô-lốp được hiểu như thế nào? Điểm nhìn của người kể chuyện có giống điểm nhìn của nhân vật không?    :  **Câu 3:** An-đrây Xô-có-lốp đã vượt lên nỗi đau và sự cô đơn như thế nào ? khó khăn trong đời thường, chiêm bao ám ảnh và nỗi đau khôn nguôi?  **Câu 4:** Nhận xét về thái độ của người kể chuyện . Ý nghĩa lời trữ tình ngoại đề ở cuối tác phẩm. | - Hs nêu những nét chính  - Hs trình bày  - Hs giải thích về hoàn cảnh và tâm trạng  - Hs phân tích  - Hs nêu cảm nghĩ  - Hs nhận xét | **I. Lý thuyết**  a. Tác giả: Sô-lô-khốp (1905 – 1984)  - Nhà văn lỗi lạc của nước Nga, nổi tiếng thế giới thế kỷ XX, từng đoạt giải Nô-ben về văn học.  - Gắn bó với sông Đông qua các thời kì lịch sử.  - Ông làm nhiều nghề để kiếm sống, tự học là chính.  - Năm 1925 ông bắt tay vào viết tác phẩm Sông Đông êm đềm, đến năm 1940 hoàn thành tập IV làm cho giới văn nghệ sửng sốt, được bầu làm Viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô.  - Tác phẩm chính: (SGK).  b. Tác phẩm  - Xuất xứ: Số phận con người in lần đầu ở Liên Xô trên 2 số báo Sự thật ra ngày 31.12.1956 và 1.1.1957.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Hoàn cảnh và tâm trạng An-đrây Xô-cô-lốp sau chiến tranh:  + Năm 1944, sau khi thoát khỏi ách nô lệ của tù binh, Xô-cô-lốp được biết một tin đau đớn: tháng 6 năm 1942 vợ và hai con gái anh đă bị bọn phát xít giết hại.  + Sáng ngày 9 tháng 5 ngày chiến thắng, một tên thiện xạ Đức đã giết chết A-na-tô-li, con của Xô - cô - lốp  => Sau khi lần lượt mất tất cả người thân, Xô-cô-lốp rơi vào nỗi đau cùng cực.  - Bước ra khỏi cuộc chiến không biết đi về đâu, đành về tá túc nhờ nhà người bạn và làm nghề lái xe cho nông trường.  - Xô-cô-lốp tìm đến rượu để dịu bớt nỗi đau: "Phải nói rằng tôi đã thật sự say mê cái món nguy hại ấy". Xô-cô-lốp biết rõ sự nguy hại của rượu nhưng anh vẫn cứ uống - lời tâm sự ấy hé mở sự bế tắc của anh.  - Anh đã khóc trước mặt của bé Va-ni-a (mồ côi cha mẹ, cũng là nạn nhân của chiến tranh, lang thang, vất vưởng, đói rách, ăn xin, nhưng chú bé vẫn thật hồn nhiên, trong sáng). Nỗi đau của anh không diễn tả được bằng lời mà nó nuốt đắng trong tim nghẹn ngào thành những giọt nước mắt.  => Hai số phận đau thương nghiệt ngã đặt cạnh nhau, bổ sung cho nhau làm rõ những mất mát không gì bù đắp nổi do chiến tranh gây ra. Ý nghĩa tố cáo chiến tranh toát ra từ đây.  => Hình ảnh Xô-cô-lốp không những thể hiện khí phách anh hùng của nhân dân, mà còn nói lên cái giá rất đắt của chiến thắng, những đau khổ tột cùng của con người do chiến tranh gây nên - đây là yếu tố tạo nên sức tố cáo chiến tranh phát xít mạnh mẽ của tác phẩm.  **Câu 2:**  - Giữa lúc đang làm vào tâm trạng, bế tắc, An-đrây đã gặp bé Va-ni-a cũng là nạn nhân đáng thương của chiến tranh. Tác giả tả việc Xô-cô-lốp nhận Va-ni-a làm con nuôi rất sâu sắc và cảm động. Việc làm đó đà tác động sâu sắc đến cả hai người:  + Bé Va ni a có được người chở che, mái ấm gia đình.  + An-đrây tìm lại được ý nghĩa cuộc sống, tìm được tình yêu thương để xóa mờ nỗi đau chiến tranh.  - Tâm hồn ngây thơ của cậu bé Va-ni-a và lòng nhân hậu của An-đrây đã được biểu hiện một cách tương hợp hết sức cảm động:  + Mặt mũi lấm lem, quần áo bẩn thỉu nhưng đôi mắt rất sáng.  + Khi được Xô-cô-lốp gọi, leo lên xe hỏi, chờ trả lời.  + Ngồi trên xe lặng thinh, tư lự, chốc chố nhìn Xô-cô-lốp ...  + Trả lời những câu hỏi một cách hồn nhiên.  + Nồng nhiệt thể hiện tình cảm, sự ước ao, hi vọng khi được nhận làm con.  - Lòng nhân hậu của Xô cô lốp:  + Khi gặp Va-ni-a: thấy quý và nhớ.  + Trước hoàn cảnh đáng thương và tâm hồn ngây thơ của Va-ni-a nên đã nhận bé làm con nuôi => quyết định đột nhiên, xuất phát từ đáy lòng.  + Khi nghe thấy tiếng thở dài của bé: dùng những hình ảnh nhỏ bé, đáng thương để so sánh với Va ni a tội nghiệp.  + Chăm sóc Vania như con đẻ.  + Âm thầm chịu đựng những đau khổ vì sợ Vania đau khổ.  => Giàu tình yêu thương, nhân hậu, giàu trách nhiệm.  - Ở toàn bộ đoạn này, điểm nhìn của tác giả hoàn toàn phù hợp với điểm nhìn của nhân vật, chan chứa tình yêu thương, vì vậy gây được niềm xúc động trực tiếp.  **Câu 3:**  - Khó khăn của Xô-cô-lốp khi nhận bé Va-ni-a làm con trong công cuộc thường nhật:  + Việc nuôi dưỡng chăm sóc, những rủi ro bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra, đặc biệt là việc không thể làm "tổn thương trái tim bé bỏng của Va-ni-a".  + Bên cạnh đó là nỗi khổ tâm, dằn vặt của anh về những kí ức, vết thương tâm hồn vẫn còn đau đớn.  - Xô-cô-lốp không ngừng vươn lên trong ý thức nhưng nỗi đau, vết thương lòng không thể hàn gắn. Đó chính là bi kịch sâu sắc trong số phận của Xô-cô-lốp. Đó cũng là tính chân thật của số phận con người sau chiến tranh.  **Câu 4:**  - Thể hiện lòng khâm phục, sự quý mến với bản lĩnh kiên cường, lòng nhân hậu của con người Xô viết.  - Tin tưởng vào tương lai qua hình ảnh chú bé Vania.  - Tin tưởng vào sức mạnh tiềm ẩn và những cống hiến thầm lặng mà to lớn của những thế hệ con người Nga trong cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.  - Đoạn cuối: lời kêu gọi, nhắc nhở sự quan tâm, trách nhiệm của toàn xã hội đối với những con người bất hạnh. |

**4. Củng cố:** - Tâm trạng của Xô-cô-lốp.

Ngày giảng: ngày 15 tháng 3 năm 2021

**TUẦN 27**

Tiết 53,54:  **DIỄN ĐẠT TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Nâng cao kĩ năng vận dụng những cách diễn đạt khác nhau để trình bày vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo.

**2. Kĩ năng** :   Biết cách tránh lỗi về dùng từ, viết câu, sử dụng giọng điệu không phù hợp với chuẩn mực ngôn từ của bài văn nghị luận.

**3. Thái độ**:  Có ý thức một cách đầy đủ về chuẩn mực ngôn từ của bài văn nghị luận...

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  ? Khi viết văn nghị luận cần chú ý?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** (trang 137 SGK Ngữ văn 12 tập 2). Tìm hiểu đoạn trích sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới.  **Câu 2:**(trang 138 SGK Ngữ văn 12 tập 2). Chỉ ra những từ ngữ dùng không phù hợp trong đoạn văn sau, thay thế bằng các từ ngữ thích hợp với yêu cầu của văn nghị luận và vấn đề cần nghị luận. Viết lại đoạn văn sau khi đã sửa lại những từ ngữ không thích hợp.  **Câu 3:** Đọc bài tập 1 (SGK, trang 138) (Bình luận về nhân vật Trọng Thuỷ trong truyền thuyết An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thủy) trả lời câu hỏi.  **Câu 4:** trang 139 SGK Ngữ văn 12 tập 2)  Tìm hiểu các ví dụ sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới  a. Trong đoạn văn này người viết chủ yếu sử dụng kiểu câu kể của tiếng Việt. Kiểu câu này truyền đạt nội dung thông báo tính tự sự, tản mạn để cung cấp thêm cho người đọc những tri thức rộng về đối tượng nghị luận.  b. Câu văn: "Chỉ nghĩ lại cũng đã se lòng" là câu đặc biệt biểu lộ cảm xúc (khác với những câu khác - tự sự). Câu văn này cho thấy tâm trạng lắng lại của người viết khi kể về đối tượng nghị luận. | - Hs trình bày  **-** Hs suy nghĩ trả lời  **-** Hs chỉ ra những từ ngữ dùng không phù hợp trong đoạn văn và viết lại đoạn văn  - Hs trả lời  - Hs thực hiện | **I. Lý thuyết:**  - Về cách dùng từ ngữ:  Lựa chọn từ ngữ chính xác, phù hợp với vấn đề nghị luận; tránh dùng từ lạc phong cách hoặc từ ngữ sáo rỗng cầu kỳ  Kết hợp sử dụng các phép tu từ từ vựng và một số từ ngữ, mang tính biểu cảm, gợi hình để bộc lộ cảm xúc phù hợp  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  a aCác từ ngữ in đậm có tác dụng biểu hiện cảm xúc tinh tế, những rung động sâu sắc về hồn thơ Huy Cận. Đối tượng nghị luận là một tâm hồn thơ mang nỗi "sầu vũ trụ", "buồn nhân thế", "sầu vạn kỉ".  b. Sắc thái biểu cảm của các từ ngữ in đậm rất phù hợp với đối tượng nghị luận (hồn thơ Huy Cận).  - Người viết gọi Huy Cận là "chàng" vì tác giả Lửa thiêng lúc dó còn rất trẻ (20 tuổi).  - Những từ ngữ: "linh hồn Huy Cận", "Nỗi hắt hiu trong cõi trời", "hơi gió nhớ thương"... rất phù hợp với hồn thơ Huy Cận vốn rất nhạy cảm với không gian đặc biệt là không gian vũ trụ vô biên với những gió, mây, trăng, sao...  c. Có thể thay:  - Từ chàng bằng các từ: nhà thơ, Huy Cận, thi sĩ...  - Cụm từ: “Nỗi hắt hiu trong cõi trời” bằng “Nỗi buồn trong không gian’’  - Cụm từ: “Hơi gió nhớ thương” bằng “Tình cảm nhớ thương”.  Nhưng nếu thay như vậy thì cách diễn đạt của đoạn văn sẽ thiếu cảm xúc  **Câu 2:**   |  |  | | --- | --- | | Những từ ngữ không phù hợp | Các từ ngữ có thể thay thế | | - Vĩ đại | - Nổi tiếng | | - Kiệt tác | - Tác phẩm hay | | - Thân xác | - Thể xác | | - Chẳng là gì cả | - Không là gì | | - Anh chnagf | - Nhân vật | | - Cũng thế mà thôi | - Cũng vậy | | - Tên hàng thịt | - Anh hàng thịt |   **Đoạn văn viết lại sau khi thay thế:**  Lưu Quang Vũ là một kịch gia nổi tiếng. Vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt xứng đáng là một tác phẩm hay trong kho tàng văn học nước nhà. Nhà văn đã nêu lên một vấn đề sâu sắc: sự tranh chấp giữa linh hồn và thể xác trong quá trình con người sống và hướng tới sự hoàn thiện. Thực ra, người ta ai mà chẳng phải sống bằng cả linh hồn và thể xác. Nhân vật Trương Ba trong vở kịch cũng vậy. Trương Ba không thể sống chỉ bằng phần hồn. Nhưng phần hồn ấy, vì những trớ trêu, éo le của số phận, lại bị nhập vào xác của anh Trương Ba. Nhưng nó cũng không để cho hồn Trương Ba được yên mà lại làm anh ta phát bệnh vì những đòi hỏi, ham muốn quá quắt của nó.  **Câu 3:**  a. Cách sử dụng, kết hợp các kiểu câu trong hai đoạn văn:  - Đoạn 1 chủ yếu sử dụng kiểu câu trần thuật, có sự kết hợp câu ngắn, câu dài.  - Đoạn 2 sử dụng kết hợp các kiểu: câu đơn, câu ghép, câu ngắn, câu dài, câu nhiều tầng bậc, câu hỏi, câu cảm thán...  b. Việc sử dụng, kết hợp các kiểu câu khác nhau trong một đoạn văn nghị luận khiến cho việc diễn đạt trở nên linh hoạt, lập luận chặt chẽ, có sự hài hoà giữa lí lẽ và cảm xúc, đồng thời tạo cho đoạn văn có nhạc điệu.  c. Đoạn 2 đã sử dụng biện pháp tu từ cú pháp. Đó là câu hỏi tu từ, lặp cú pháp. Sử dụng các biện pháp tu từ này làm cho đoạn văn diễn đạt khắc sâu hơn về ý, biểu hiện rõ hơn thái dộ, tình cảm người viết, lời văn có nhạc điệu.  d. Trong bài văn nghị luận nên sử dụng một số biện pháp tu từ cú pháp vì sử dụng như vậy sẽ kết hợp được nhiều kiểu câu khiến cho việc diễn đạt trở nên linh hoạt, phong phú, có sắc thái tình cảm.  Các biện pháp tu từ cú pháp thường sử dụng trong văn nghị luận:  - Lặp cú pháp: "Trời thu thì xanh ngắt những mấy tầng, cây tre thu lạ thì chỉ còn cần trúc; khói phủ thành tầng trên mặt nước; song cửa để mặ ánh trăng vào; hoa năm nay giấu vào hoa năm ngoái; tiếng ngỗng vang lên trong mơ hồ..." (Lê Trí Viễn - Thu ẩm của Nguyễn Khuyến).  - Câu hỏi tu từ: "Bác nói cùng ai? Hỡi đồng bào cả nước", lời mở đầu bản tuyên ngôn đã chỉ rõ... Nhưng có phải chỉ nói với đồng bào ta không” (Chế Lan Viên - "Trời cao xanh ngắt sáng tuyên ngôn”).  - Ngoài ra còn có thể sử dụng phép liệt kê, song hành...  **Câu 4:**  a. Trong đoạn văn này người viết chủ yếu sử dụng kiểu câu kể của tiếng Việt. Kiểu câu này truyền đạt nội dung thông báo tính tự sự, tản mạn để cung cấp thêm cho người đọc những tri thức rộng về đối tượng nghị luận.  b. Câu văn: "Chỉ nghĩ lại cũng đã se lòng" là câu đặc biệt biểu lộ cảm xúc (khác với những câu khác - tự sự). Câu văn này cho thấy tâm trạng lắng lại của người viết khi kể về đối tượng nghị luận. |

***4. Củng cố:***  Cách dùng từ, cách sử dụng kết hợp các kiểu câu và xác định giọng điệu phù hợp trong bài nghị luận.

Ngày giảng: ngày 22 tháng 13 năm 2021

**TUẦN 28**

Tiết 55,56:  **HỒN TRƯƠNG BA, DA HÀNG THỊT**

**- Lưu Quang Vũ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

Hiểu được bi kịch của con người khi bị đặt vào nghịch cảnh: Phải sống nhờ, sống vay mượn, trái với tự nhiên khiến tâm hồn nhân hậu, thanh cao bị nhiễm độc và bị tha hóa bởi sự lấn át của thể xác phàm tục...

- Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của người lao động trong cuộc đấu tranh chống lại sự giả tạo và dung tục, bảo vệ quyền được sống đích thực cùng khát vọng hoàn thiện nhân cách.

- Thấy được kịch Lưu Quang Vũ đặc sắc ở: sự hấp dẫn của kịch bản văn học và nghệ thuật sân khấu; sự kết hợp giữa tính hiện đại với các giá trị truyền thống; sự phê phán mạnh mẽ và chất trữ tình đằm thắm.

**2. Kĩ năng:** - Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

**3. Thái độ**:  - Sống là chính mình, bảo vệ những phẩm chất cao quí và khát vọng hoàn thiện nhân cách để có một cuộc sống thực sự có ý nghĩa, xứng đáng với con người.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  ? Hãy nêu những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Lưu Quang Vũ ?        **II. Luyện tập**  **Câu 1 :** Bố cục của tác phẩm?    **Câu 2:** Qua đoạn đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt, tìm hàm ý mà tác giả muốn gửi gắm?      :  **Câu 3:** Qua lớp kịch hồn Trương Ba và gia đình (vợ, cháu gái, con dâu), anh (chị) nhận thấy nguyên nhân nào đã khiến cho người thân của Trương Ba và cả chính Trương Ba rơi vào trạng thái bất ổn và phải chịu đau khổ? Trương Ba có thái độ như thế nào trước những rắc rối đó.?  **Câu 4:** Hãy chỉ ra sự khác nhau trong quan niệm của Trương Ba và Đế Thích về ý nghĩa sự sống. Theo anh (chị), Trương Ba trách Đế Thích, người đem lại cho mình sự sống: "Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống thế nào thì ông chẳng cần biết!" có đúng không? Vì sao? Màn đốì thoại giữa Trương ba và Đế Thích toát lên ý nghĩa gì? | - Hs nêu những nét chính  - Hs chia bố cục  - Hs tìm hàm ý  - Hs giải thích  - Hs suy nghĩ trả lời | **I. Lý thuyết**  a. Tác giả: Lưu Quang Vũ (1948-1988) .  - Một tài năng đa dạng: Thơ, văn xuôi,hội họa, kịch  - Kịch là đóng góp đặc sắc nhất của ông.  - Nhà soạn kịch tài năng nhất của nền văn học nghệ thuật Việt Nam hiện đại  b. Tác phẩm  - Thể loại kịch – Từ một truyện cổ dân gian cùng tên Lưu Quang Vũ đã hư cấu, sáng tạo thành một vở kịch nói hiện đại; đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ có ý nghĩa tư tưởng triết lí và nhân văn sâu sắc  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Bố cục (3 phần)  - Phần 1 (từ đầu đến Cái hồn vía ương bướng của tôi ơi, hãy về với tôi này!): Cuộc đối thoại giữa hồn và xác  - Phần 2 (tiếp theo đến Không cần đến cái đời sống do mày mang lại! Không cần): Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba và mọi người trong gia đình.  - Phần 3 (còn lại): Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba và Đế Thích; quyết định cuối cùng của Trương Ba.  **Câu 2:**  \* Trong cuộc đối thoại với xác anh hàng thịt:  - Hồn Trương Ba ở vào thế yếu, đuối lí,  - Xác nói những điều mà dù muốn hay không muốn thì hồn vẫn phải thừa nhận: Đó là cái đêm khi hồn đứng cạnh vợ anh hàng thịt với "tay chân run rẩy", "hơi thở nóng rực", "cố nghẹn lại" và "suýt nữa thì...". Đó là cái lần ông tát thằng con ông "tóe máu mồm máu mũi"... .  - Xác anh hàng thịt còn cười nhạo vào cái lí lẽ mà hồn đưa ra để nguỵ biện: "Ta vẫn có một đời sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn...".  => Hồn đau khổ, không muốn thừa nhận  \* Hàm ý của tác giả qua đoạn đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt:  - Bi kịch bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo (linh hồn thanh cao của Trương Ba chán ghét, đau khổ bên trong thân xác phàm tục của anh hàng thịt): tôi đã chán cái chỗ ở không phải của tôi…ra khỏi cái xác này, dù chỉ một lát.  - Không chỉ linh hồn mới có tiếng nói và sức mạnh, thể xác cũng có sức mạnh bản năng ghê gớm của nó: bất chấp thái độ phủ nhận yếu ớt của Trương Ba, xác hàng thịt đưa ra nhiều minh chứng cho thấy hồn Trương Ba cũng tha hóa theo nhu cầu của hắn.  - Sự thật là nhiều người chỉ vun vén cho phần hồn mà bỏ bê, coi thường phần xác.  - Cuộc đấu tranh giữa cái thanh cao và cái tầm thường (hồn Trương Ba cố gắng giữ quan điểm của mình trước những lí lẽ ti tiện của xác hàng thịt nhưng vì vẫn phải chung đụng, sống nhờ vào xác hàng thịt nên không thoát khỏi tuyệt vọng.  => Cuộc đối thoại làm bật lên sự mâu thuẫn, đặt ra vấn đề có tính triết lí không nên sống nương nhờ vào người khác, khi không được là chính mình tất sẽ có nhiều đắng cay, cuộc sống mất đi ý nghĩa  **Câu 3:**  \* Nguyên nhân:  - Nguyên nhân khiến người thân của Trương Ba và chính Trương Ba rơi vào bất ổn, đau khổ là việc bên trong một đằng bên ngoài một nẻo gây ra nhiều phiền toái, rắc rối. Đau xót hơn là Trương Ba không còn là chính mình, ông bị tha hóa dưới sức ảnh hưởng ghê gớm của xác hàng thịt.  \* Thái độ của người thân đối với hồn Trương Ba khi sống trong thân xác anh hàng thịt:  - Người vợ mà ông rất mực thương yêu giờ đây buồn bã và cứ nhất quyết đòi bỏ đi. Với bà: "đi đâu cũng được... còn hơn là thế này" bà đã nói ra điều mà chính ông cũng cảm nhận được: "Ông đâu còn là ông, đâu còn là ông Trương Ba làm vườn ngày xưa".  - Cái Gái, cháu ông bây giờ không cần phải chú ý. Nó một mực khước từ tình thân (Tôi không phải là cháu ông. Ông nội tôi chết rồi). Cái Gái yêu quý ông bao nhiêu thì bây giờ nó không thể chấp nhận  - Người con dâu là người sâu sắc, chín chắc, hiểu điều hơn lẽ thiệt. Chị cảm thấy thương bố chồng trong tình cảnh trớ trêu. Chị biết ông khổ lắm "khổ hơn xưa nhiều lắm". Nhưng nỗi buồn đau trước cảnh gia đình "như sắp tan hoang ra cả" khiến chị không thể bấm bụng mà đau, chị đã thốt thành lời cái nỗi đau đó. "Thầy bảo con: cái bên ngoài là không đáng kể, chỉ có cái bên trong, nhưng thầy ơi, con sợ lắm, bởi con cảm thấy, đau đớn thấy... mỗi ngày thầy một đổi khác dần, mất mát dần, tất cả như lệch lạc, nhòa mờ dần đi, đến nỗi có lúc chính con cũng không nhận ra thầy nữa..."  \* Thái độ:  - Đau đớn, nhẫn nhục, bất lực.  - Thừa nhận sự thắng thế của xác hàng thịt nhưng không khuất phục mà quyêt định không cần đến xác hàng thịt nữa.  - Nhà viết kịch đã để cho hồn Trường Ba còn lại trơ trọi một mình với nỗi đau khổ, tuyệt vọng lên đến đỉnh điểm, một mình với những lời độc thoại đầy chua chát đầy quyết liệt: "Mày đã thắng thế rồi, cái thân xác không phải của ta ạ... Nhưng lẽ nào ta lại phải chịu thua mày, khuất phục mày và tự đánh mất mình? Chẳng lẽ không còn cách nào khác! Mày nói như thế hả? Nhưng có thật là không còn cách nào khác? Có thật không còn cách nào khác? Không cần đến đời sống do mày đem lại! Không cần!".  => Đây là lời độc thoại có tính chất quyết định tới hành động châm hương gọi Đế Thích một cách dứt khoát.  **Câu 4:**  – Quan niệm sống của Trương Ba và Đế Thích rất khác nhau:  + Trương Ba thì cho rằng mượn thân xác của người khác để trú ngụ là một điều không nên, sống trong người khác làm cho bản tính của ta sẽ bị mờ nhạt đi.  + Đế Thích thì lại cho rằng mượn thân xác để sống cũng là điều bình thường, chỉ cần được sống là tốt.  – Những lời trách móc của Trương Ba đối với Đế Thích: "ông chỉ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết". Mượn thân xác để sống con người sống nhưng tính cách của chính mình bị mờ nhạt trong cái xác thịt của hàng thịt, linh hồn và thể xác của ông hoàn toàn không muốn sống trong thân xác của kẻ khác. Ở đây ông đang nói về những trải nghiệm mà ông đang phải trải qua.  – Ý nghĩa:  + Con người là một thể thống nhất, hồn và xác phải hài hoà, không thể có một tâm hồn thanh cao trong một thân xác tội lỗi. Khi con người bị chi phối bởi những nhu cầu bản năng thì không nên chỉ đổ tội cho xác và không thể an ủi, vỗ về bằng vẻ đẹp của tâm hồn.  + Sống nhờ, sống gởi, sống chắp vá, không được là mình thì cuộc sống ấy thật là vô nghĩa.  => Qua lời thoại, nhân vật ý thức rõ hoàn cảnh của mình: đầy trớ trêu và bi hài.  . |

**4. Củng cố:** - Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác anh hàng thịt

Ngày giảng: ngày 29 tháng 3 năm 2021

**TUẦN 29**

Tiết 57,58:  **VĂN BẢN TỔNG KẾT**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

Hiểu mục đích, yêu cầu, nội dung, và phương pháp thể hiện của văn bản tổng kết thông thường.

**2. Kĩ năng** :   - Viết được một văn bản tổng kết có nội dung và yêu cầu đơn giản..

**3. Thái độ**:  - Tư duy khái quát, tổng hợp.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  ? Mục đích, ý nghĩa của văn bản tổng kết?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Anh (chị) hãy nêu một số văn bản tổng kết thuộc hai loại hình văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn và văn bản tổng kết tri thức.  **Câu 2:**(trang 175 SGK Ngữ văn 12 tập 2) a. Văn bản trên thuộc loại văn bản tổng kết nào và thuộc phong cách ngôn ngữ nào? b. Qua các đề mục và nội dung văn bản trên, anh (chị) hãy cho biết mục đích, yêu cầu, bố cục và những nội dung chính của một văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn.  **Câu 3:** Qua việc tìm hiểu hai loại văn bản tổng kết, anh (chị) hãy cho biết:  a. Mục đích, yêu cầu và nội dung của văn bản tổng kết.  b. Phong cách ngôn ngữ của văn bản tổng kết.  **Câu 4:** (trang 176 SGK Ngữ văn 12 tập 2)  Đọc văn bản (SGK) và trả lời câu hỏi nêu ở dưới.  a. Vặn bản trên đã đạt được những yêu cầu nào của một văn bản tổng kết?  b. Trong văn bản có một số đoạn bị lược bớt. Anh (chị) đoán xem trong các đoạn bị lược ấy, tác giả dẫn ra những sự việc, tư liệu, số liệu gì?  c. Đối chiếu với một yêu cầu của văn bản tổng kết nói chung, văn bản trên thiếu nội dung nào?  . | - Hs trình bà  **-** Hs nêu văn bản  - Hs trình bày mục đích, yêu cầu  **-** Hs trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời | **I. Lý thuyết:**  - Mục đích, ý nghĩa của văn bản tổng kết là nhìn nhận, đánh giá kết quả công việc nhằm rút kinh nghiệm.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Văn bản tổng kết nhằm nhìn nhận, đánh giá kết quả và rút ra bài học kinh nghiệm khi kết thúc công việc hay một giai đoạn công tác.  - Văn bản tổng kết gồm 2 loại:  + Tổng kết hoạt động thực tiễn như: văn bản tổng kết năm học; văn bản tổng kết nhiệm kỳ của Đoàn TN ...  + Tổng kết tri thức như: Tổng kết văn học dân gian Việt Nam; Tổng kết Tiếng Việt ...  **Câu 2:**  a.  - Văn bản trên là văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn  - Thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính  b.  - Mục đích: nhìn nhận, đánh giá trung thực, khách quan kết quả và rút ra bài học kinh nghiệm sau khi kết thúc một hoạt động.  - Yêu cầu: chính xác, khách quan  - Bố cục: thường có 3 phần:  + Phần đầu:  ● Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên tổ chức, cơ quan ban hành văn bản.  ● Địa điểm, thời gian viết văn bản.  ● Tiêu đề.  + Phần nội dung:  ● Nêu mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công việc.  ● Lần lượt tường trình và đánh giá các công việc cụ thể.  ● Rút kinh nghiệm hoặc kiến nghị.  + Phần cuối:  ● Nơi nhận.  ● Người viết kí tên.  **Câu 3:**  a.  - Nội dung: mục đích, yêu cầu, những hoạt động chính, bài học kinh nghiệm...  - Văn bản tổng kết tri thức lần lượt trình bày khái quát các tri thức và thành tựu nghiên cứu đã đạt được.  b. Tùy theo yêu cầu và nội dung, văn bản tổng kết có thể thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính hoặc khoa họC  **Câu 4:**  a.  - Đảm bảo bố cục 3 phần: mở đầu, nội clung báo cáo và kết thúc.  - Diễn đạt ngắn gọn, chính xác, rõ ràng.  b.  Trong những đoạn bị lược (...) ấy, tác giả dẫn ra những sự việc, tư liệu, số liệu:  Phần I:  ● Những thuận lợi, khó khăn  ● Nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu  Phần II; III; IV  ● Những công việc, những thành tích đạt được  ● Những việc chưa làm được  ● Những số liệu minh họa  c.  Đốì chiếu với yêu cầu của một văn bản tổng kết nói chung, văn bản trên thiếu một số yêu cầu cần bổ sung:  - Tên hiệu cùa đoàn viên, tên đoàn trường, và tên chi đoàn.  - Địa điểm, thời gian.  - Mục II và mục IV nên thêm vào nội dung là kết quả công tác Đoàn.  - Đánh giá chung |

***4. Củng cố:***  Cách viết văn bản tổng kết.

Ngày giảng: ngày 5 tháng 4 năm 2021

**TUẦN 30**

Tiết 59,60:  **VĂN BẢN TỔNG KẾT**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Hệ thống hóa được những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ đã học trong chương trình Ngữ văn THPT.

**2. Kĩ năng** :  Nâng cao thêm năng lực giao tiếp bằng Tiếng Việt ở 2 dạng nói và viết, và ở 2 quá trình tạo lập và lĩnh hội văn bản.

**3. Thái độ**:  - Giáo dục tình yêu tiếng Việt, ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  ? Giao tiếp là gì?  ? Thế nào là hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ?  ? Phân biệt ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết?  ? Ngữ cảnh là gì?  ? Nhân vật giao tiếp là gi?  ? Nghĩa của câu là gi?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** So sánh hai phần văn bản (mục 4 - SGK, trang 193), xác định phong cách ngôn ngữ và đặc điểm ngôn ngữ của hai văn bản?  **Câu 2:**(Đọc văn bản lược trích (mục 5 - SGK, trang 194) và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:  a. Hãy xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản  b. Phân rích đặc điểm về từ ngữ, câu văn, kết cấu của văn bản  c. Giả định rằng văn bản trên vừa mới được kí và ban hành một vài giờ trước, anh (chị) hãy đóng vai các phóng viên báo hàng ngày viết một tin ngắn theo phong cách ngôn ngữ báo chí để đưa tin về sự kiện ban hành văn bản.  :  . | - Hs nêu khái niệm  **-** Hs nêu  - Hs trình bày  - Hs nêu khái niệm  **-** Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs so sánh và xác định phong cách ngôn ngữ  - Hs xác định | **I. Lý thuyết:**  - Giao tiếp là hoạt động trao đổi bằng thông tin của con người, được tiến hành chủ yếu bằng phương tiện ngôn ngữ, nhằm thực hiện những mục đích về nhận thức hành động, tình cảm.  - Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ là hoạt động bao gồm 2 quá trình: quá trình tạo lập văn bản do người nói hay người viết thực hiện, quá trình lĩnh hội văn bản do người nghe hay người đọc thực hiện. Hai quá trình này có thế diễn ra đồng thời tại cùng một địa điểm (hội thoại), cũng có thể ở các thời điểm và khoảng không gian cách biệt (qua bài viết).  - Trong hoạt động giao tiếp, ngôn ngữ được sử dụng ở 2 dạng nói và viết. Hai dạng đó có sự khác biệt:  - Về điều kiện đế tạo lập và lĩnh hội văn bản  - Về đường kênh giao tiếp  - Về loại tín hiệu (âm thanh hay chữ viết).  - Về các phương tiện phụ trợ (ngữ điệu, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ đối với ngôn ngữ nói và dấu câu, các kí hiệu văn tự, mô hình bảng biểu đối với ngôn ngữ viết)  - Về cách dùng từ, đặt câu và tổ chức văn bản.  - Hoạt động giao tiếp luôn diễn ra trong ngữ cảnh nhất định.  - Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ làm cơ sở cho việc sử dụng ngôn ngữ và tạo lập văn bản đồng thời làm căn cứ để lĩnh hội thấu đáo văn bản.  - Ngữ cảnh bao gồm các nhân tố: nhân vật giao tiếp, bối cảnh rộng (bối cảnh văn hóa), bối cảnh hẹp (bối cảnh tình huống, hiện thực được đề cập đến và văn cảnh).  - Nhân vật giao tiếp là nhân tố quan trọng nhất trong ngữ cảnh. Các nhân vật giao tiếp đều phải có năng lực tạo lập và năng lực lĩnh hội văn bản. Trong giao tiếp ở dạng nói, họ thường đổi vai cho nhau hay luân phiên lượt lời.  - Các nhân vật giao tiếp có những đặc điểm và phương diện: vị thế xã hội, quan hệ thân sơ, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, tầng lớp xã hội, vốn sống, văn hóa. Những đặc điểm đó luôn chi phối nội dung và cách thức giao tiếp bằng ngôn ngữ.  - Trong hoạt động giao tiếp, mỗi câu đều có nghĩa.  - Nghĩa của câu là nội dung mà câu diễn đạt.  - Mỗi câu thường có hai thành phần nghĩa: Nghĩa sự việc và nghĩa tình thái, nghĩa sự việc ứng với sự việc mà câu đề cập đến, nghĩa tình thái thể hiện thái độ, tình cảm, sự nhìn nhận, đánh giá của người nói đối với sự việc hoặc đối với người nghe.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Hai phần văn bản để có chung đề tài (trăng) nhưng được viết với hai phong cách khác nhau:  + Văn bản (a) được viết theo phong cách ngôn ngữ khoa học nên ngôn ngữ dùng để thể hiện tính trừu tượng, khái quát, tính lí trí, logíc, tính phi cá thể.  + Văn bản (b) được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật nên ngôn ngữ mang tính hình tượng, tính truyền cảm, tính cá thể hoá.  **Câu 2:**  a. Văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ hành chính.  b. Ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản có đặc điểm:  + Về từ ngữ: văn bản sử dụng nhiều từ ngữ thường gặp trong phong cách ngôn ngữ hành chính như: quyết định, căn cứ, luật, nghị định 299/HĐBT, ban hành điều lệ, thi hành quyết định này.  + về câu: văn bản sử dụng kiểu câu thường gặp trong quyết định (thuộc văn bản hành chính): UBND thành phố Hà Nội căn cứ... căn cứ... xét đề nghị... quyết định I... II.. III... IV....V...VI  + Về kết cấu: Văn bản có kết cấu theo khuôn mẫu ba phần:  - Phần đầu: Quốc hiệu, cơ quan ra quyết định, ngày tháng năm, tên quyết định  - Phần chính: nội dung quyết định  - Phần cuối: chữ kí, họ tên (góc phải), nơi nhận (góc trái)  c. Tin ngắn:  Cách đây vài tiếng đồng hồ, bà Trần Thị Tâm Đan thay mặt UBND thành phố Hà Nội đã kí quyết định thành lập Bảo hiểm Y tế Hà Nội. Quyết định ngoài việc nêu rõ chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ, tổ chức, cơ cấu phòng ban... quyết định địa điểm cho Bảo hiểm y tế Hà Nội và các cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm thi hành. |

***4. Củng cố:***  Những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ đã học trong chương trình Ngữ văn từ lớp 10 đến lớp 12.

Ngày giảng: ngày 12 tháng 4 năm 2021

**TUẦN 31**

Tiết 61,62:  **TỔNG KẾT BẰNG TIẾNG VIỆT**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: - Hệ thống hoá được những kiến thức cơ bản về lịch sử, đặc điểm loại hình và phong cách ngôn ngữ của tiếng Việt đã học từ lớp 10 đến lớp 12; nắm chắc đặc điểm phong cách và việc sử dụng mỗi phong cách trong ngữ cảnh giao tiếp phù hợp..

**2. Kĩ năng** :  - Nâng cao thêm kĩ năng lĩnh hội và tạo lập văn bản thuộc từng phong cách khi cần thiết.

**3. Thái độ**:  - Tình yêu tiếng Việt. Tư duy tổng hợp.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Tổng kết về phong cách ngôn ngữ**  ? Tên các phong cách ngôn ngữ và các thể loại văn bản tiêu biểu cho từng phong cách?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** trang 193 SGK Ngữ văn 12 tập 2)  So sánh hai phần văn bản (mục 4 - SGK, trang 193), xác định phong cách ngôn ngữ và đặc điểm ngôn ngữ của hai văn bản  **Câu 2:**((trang 192 SGK Ngữ văn 12 tập 2)  Kẻ bảng sau vào vở rồi điền những nội dung cần thiết về tiếng Việt vào các mục trong bảng. | - Hs tổng kết  - Hs so sánh  - Hs kẻ bản | **I. Tổng kết về phong cách ngôn ngữ**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | PCNN sinh hoạt | PCNN sinh hoạt | PCNN sinh hoạt | PCNN sinh hoạt | PCNN sinh hoạt | | Thể loại văn bản tiêu biểu | • Dạng nói (độc thoại, đối thoại)  • Dạng viết (nhật kí, hồi ức cá nhân, thư từ.  • Dạng lời nói tái hiện (trong tác phẩm văn học) | • Thơ ca, hò vè,...  • Truyện, tiểu thuyết, kí,...  • Kịch bản,... | • Thể loại chính: Bản tin, Phóng sự, Tiểu phẩm.  • Ngoài ra: thư bạn đọc, phỏng vấn, quảng cáo, bình luận thời sự,... | • Cương lĩnh  • Tuyên bố.  • Tuyên ngôn, lời kêu gọi, hiệu triệu.  • Các bài bình luận, xã luận.  • Các báo cáo, tham luận, phát biểu trong các hội thảo, hội nghị chính trị,... | Ccá loại văn bản khoa học chuyên sâu: chuyên khảo,luận án, luận văn, tiểu luận, báo cáo khoa học, giáo |   **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Hai phần văn bản để có chung đề tài (trăng) nhưng được viết với hai phong cách khác nhau:  + Văn bản (a) được viết theo phong cách ngôn ngữ khoa học nên ngôn ngữ dùng để thể hiện tính trừu tượng, khái quát, tính lí trí, logíc, tính phi cá thể.  + Văn bản (b) được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật nên ngôn ngữ mang tính hình tượng, tính truyền cảm, tính cá thể hoá.  **Câu 2:**   |  |  | | --- | --- | | Nguồn gốc và lịch sử phát triển | Đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập | | a. Về nguồn gốc, tiếng Việt thuộc:  - Họ: ngôn ngữ Nam Á  - Dòng: Môn Khơ – me  - Nhánh: Việt – Mường  b. Các thời kì lịch sử  - Thời kì dựng nước  - Thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc  - Thời kì độc lập, tự chủ phong kiến  - Thời kì Pháp thuộc  - Thời kì từ sau CMT8 đến nay | a. Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp. Về mặt ngữ âm, tiếng là âm tiết. Về mặt sử dụng, tiếng có thể là từ hoặc yếu tố cấu tạo từ.  b. Từ không biến đổi hình thái,  c. Biện pháp chủ yếu đế biểu thị ý nghĩa ngữ pháp là sắp đặt theo thứ tự trước sau và sử dụng các hư từ. | |

***4. Củng cố:***  Nhắc lại kiến thức cơ bản về lịch sử tiếng Việt,

Ngày giảng: ngày 19 tháng 4 năm 2021

**TUẦN 32**

Tiết 63,64:  **ÔN TẬP PHẦN LÀM VĂN**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: - Hệ thống hóa tri thức về cách viết các kiểu văn bản được học ở THPT.

**2. Kĩ năng** :  - Viết được các kiểu văn bản đã học, đặc biệt là văn bản nghị luận..

**3. Thái độ**:  - Tư duy tổng hợp, khái quát.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động : Lý thuyết**  **Câu 1** (trang 182 SGK Ngữ văn 12 tập 2). Thống kê các kiểu loại văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn trung học phổ thông và cho biết những yêu cầu cơ bản của các loại kiểu đó.  **Câu 2** (trang 182 SGK Ngữ văn 12 tập 2). Theo anh (chị) để viết một văn bản, cần thực hiện những công việc gì?  **Câu 3** (trang 182 SGK Ngữ văn 12 tập 2) | - Hs thống kê  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs thực hiện | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  Các kiểu loại văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn trung học phổ thông:  - Tự sự: trình bày các sự việc (sự kiện) có quan hệ nhân - quả dẫn đến kết cục nhằm biểu hiện con người, đời sống, tư tưởng, thái độ.  - Thuyết minh: trình bày thuộc tính, cấu tạo, nguyên nhân, kết quả... của sự vật, hiện tượng, vấn đề... giúp người đọc có tri thức và thái độ đúng đắn đối với đối tượng được thuyết minh.  - Nghị luận: trình bày tư tưởng, quan điểm, nhận xét, đánh giá... đối với các vấn đề xã hội văn học qua các luận điểm, luận cứ, lập luận có tính thuyết phục.  - Ngoài ra, còn có văn bản nhật dụng, gồm: kế hoạch, cá nhân, quảng cáo, bản tin, văn bản tổng kết...  **Câu 2:**  Để viết được một văn bản cần thực hiện những công việc:  - Tìm hiểu đề, xác định được yêu cầu bài viết.  - Tìm và chọn ý cho bài văn.  - Lập dàn ý.  - Viết văn bản theo dàn ý đã xác định.  - Đọc lại và hoàn chỉnh bài viết.  **Câu 3:**  a. Đề tài cơ bản của văn nghị luận trong nhà trường:  a1. Có thể chia đề tài của văn nghị luận trong nhà trường thành những nhóm nào?  - Có thể chia đề tài nghị luận trong nhà trường thành hai nhóm: nghị luận xã hội (các đề tài thuộc lĩnh vực xã hội) và nghị luận văn học (các đề tài thuộc lĩnh vực văn học).  a 2. Khi viết nghị luận về các đề tài đó, có những điểm gì chung và khác biệt? Khi viết nghị luận về các đề tài đó, có những điểm chung và những điểm khác biệt:  - Điểm chung:  + Đều trình bày tư tưởng, quan điểm, nhận xét, đánh giá... đối với các vấn đề nghị luận.  + Đều sử dụng luận điểm, luận cứ, các thao tác lập luận có tính thuyết phục.  - Điểm khác biệt:  + Đối với đề tài nghị luận xã hội, người viết cần có vốn sống, vốn hiểu biết thực tế, hiểu biết xã hội phong phú, rộng rãi, sâu sắc.  + Đối với đề tài nghị luận văn học, người viết cần có kiến thức văn học, khả năng lí giải các vấn đề văn học, cảm thụ các tác phẩm, hình tượng văn học.  b. Lập luận trong văn nghị luận:  - Lập luận là đưa ra các lí lẽ, bằng chứng nhằm dẫn dắt người đọc (người nghe) đến một kết luận nào đó mà người viết (người nói) muốn đạt tới. Lập luận gồm những yếu tố: luận điểm, luận cứ, phương pháp lập luận.  - Luận điểm là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của người viết (nói) về vấn đề nghị luận. Luận điểm cần chính xác, minh bạch. Luận cứ là những lí lẽ và bằng cứ được dùng để soi sáng cho luận điểm.  - Yêu cầu cơ bản và cách xác định luận cứ cho luận điểm:  + Lí lẽ phải có cơ sở, phải dựa trên những chân lí đã được thừa nhận.  + Dẫn chứng phải chính xác, tiêu biểu và phù hợp với lí lẽ.  + Cả lí lẽ và dẫn chứng phải phù hợp với luận điểm, tập trung làm sáng tỏ luận điểm.  - Các lỗi thường gặp khi lập luận và cách khắc phục:  + Nêu luận điểm không rõ ràng, trùng lặp, không phù hợp với bản chất của vấn đề cần giải quyết.  + Nêu luận cứ không đầy đủ, thiếu chính xác, thiếu chân thực, trùng lặp hoặc quá rườm rà, không liên quan mật thiết với luận điểm cần trình bày.  + Lập luận mâu thuẫn, luận cứ không phù hợp với luận điểm.  - Các thao tác lập luận cơ bản:  + Thao tác lập luận giải thích  + Thao tác lập luận chứng minh  + Thao tác lập luận phân tích  + Thao tác lập luận so sánh  + Thao tác lập luận bác bỏ  + Thao tác lập luận bình luận  Cách tiến hành và sử dụng các thao tác lập luận trong bài nghị luận: sử dụng một cách tổng hợp các thao tác lập luận,  c. Bố cục trong văn nghị luận  Bố cục của bài văn nghị luận gồm có ba phần:  - Mở bài:  + Vai trò nêu vấn đề nghị luận, định hướng cho bài nghị luận và thu hút sự chú ý của người đọc (nghe).  + Yêu cầu của mở bài: thông báo chính xác, ngắn gọn về đề tài, hướng người đọc (người nghe) vào đề tài một cách tự nhiên; gợi sự hứng thú với vấn đề được trình bày trong văn bản.  + Cách mở bài: có thể nêu vấn đề một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.  - Thân bài:  + Là phần chính của bài viết. Nội dung cơ bản của phần thân bài là triển khai vấn đề thành các luận điểm, luận cứ với cách sử dụng các phương pháp thích hợp.  + Các nội dung trong phần thân bài phải được sắp xếp một cách có hệ thống, các mục đích phải có sự logic chặt chẽ.  + Giữa các đoạn trong thân bài phải có sự chuyển ý để đảm bảo tính liên kết giữa các ý, các đoạn.  - Kết bài:  + Vai trò thông báo về sự kết thúc của việc trình bày đề tài.  + Nêu đánh giá khái quát của người viết về những khía cạnh nổi bật nhất của vấn đề, gợi liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn.  d. Diễn đạt trong văn nghị luận  - Yêu cầu của diễn đạt trong văn nghị luận:  + Lựa chọn các từ ngữ chính xác, phù hợp với vấn đề nghị luận, tránh dùng khẩu ngữ hoặc những từ sáo rỗng, cầu kì. Kết hợp sử dụng những biện pháp tu từ vựng (ẩn dụ, hoán dụ, so sánh...) và một số từ ngữ mang tính biếu cảm, gợi hình tượng để bộc lộ cảm xúc phù hợp.  + Phối hợp một số kiểu câu trong đoạn, trong bài để tránh sự đơn điệu, nặng nề, tạo nên sự linh hoạt. Sử dụng các biện pháp tu từ cú pháp để tạo nhịp điệu, nhấn mạnh rõ hơn thái độ, cảm xúc: lặp cú pháp, song hành, liệt kê, câu hỏi tu từ...  + Giọng điệu chủ yếu của văn nghị luận là trang trọng, nghiêm túc. Các phần trong bài có thể thay đổi giọng điệu cho thích hợp với nội dung cụ thể: sôi nổi, trầm lắng, hài hước.... thể hiện chính xác ý nghĩa và tình cảm của người viết.  - Các lỗi về diễn đạt thường gặp: dùng từ ngữ thiếu chính xác, lặp từ, thừa từ, dùng từ ngữ không đúng phong cách, sử dụng câu đơn điệu, câu sai ngữ pháp; sử dụng giọng điệu không phù hợp với vấn đề nghị luận. |

***4. Củng cố:***  Các kiểu văn bản, đặc điểm của các kiểu văn bản. Các thao tác làm văn. Các vấn đề về văn nghị luận

Ngày giảng: ngày 26 tháng 4 năm 2021

**TUẦN 33**

Tiết 65,66:  **ÔN TẬP PHẦN VĂN HỌC**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: - Tổng kết, ôn tập một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam (truyện và kịch từ Cách mạng tháng 8 – 1945 đến cuối thế kỷ XX) và văn học nước ngoài đã học trong SGK ngữ văn lớp 12 tập II ; vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo những kiến thức đó.

**2. Kĩ năng** :  Rèn năng lực phân tích văn học theo từng cấp độ: tác phẩm, hình tượng, ngôn ngữ văn học ....

**3. Thái độ**:  - Tình yêu văn học.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động : Lý thuyết**  **Câu 1** (trang 197 SGK Ngữ văn 12 tập 2)  Những phát hiện khác nhau về số phận và cảnh ngộ của người dân lao động trong các tác phẩm Vợ chồng A Phủ (Tô Hoài), Vợ nhặt (Kim Lân. Phân tích nét đặc sắc tư tưởng nhân đạo của mỗi tác phẩm.  **Câu 2** (trang 197 SGK Ngữ văn 12 tập 2). Các tác phẩm Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành, Những đứa con trong gia đình của Nguyễn Thi đều viết về chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Hãy so sánh để làm rõ những khám phá, sáng tạo riêng của từng tác phẩm trong việc thể hiện chủ đề chung đó.  **Câu 3** : Phân tích tình huống truyện trong truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu. | - Hs thống kê  - Hs so sánh các tác phẩm  - Hs phân tích tình huống truyện | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Vợ chồng A Phủ | Vợ chồng A Phủ | | Số phận và cảnh ngộ của con người | Số phận bi thảm của người dân miền núi Tây Bắc dưới ách áp bức, bóc lột của bọn phong kiến trước cách mạng một cổ đôi ba tròng xiết chặt: thực dân Pháp, chế độ phong kiến (thông lí Pá Tra), những quan niệm mê tín dị đoan và những hủ tục ngày xưa. | Đặt nhân vật vào tình cảnh thê thảm của người dân lao động trong nạn đói 1945, tác giả đã dựng lên không khí tối tăm, ảm đạm bao trùm xóm ngụ cư; những người nông dân nghèo khổ, thậm chí là dân ngụ cư, gặp nhau trong tình huống truyện oái oăm: "vợ nhặt". | | Tư tưởng nhân đạo của tác phẩm | - Ngợi ca sức sống tiềm tàng của con người và con đường họ tự giải phóng, đi theo cách mạng. | - Đi sâu lí giải, phân tích hiện thực bằng cái nhìn vừa đau xót, vừa căm giận.  - Ngợi ca tình người cao đẹp, khát vọng sống, hạnh phúc và hi vọng vào một tương lai tươi sáng. |   **Câu 2:**  a. Những khám phá, sáng tạo của Nguyễn Trung Thành trong Rừng xà nu.  - Chọn một loại cây rất gần gũi với đời sống của đồng bào Tây Nguyên và xây dựng hình ảnh ấy thành biểu tượng đẹp đẽ, đặc sắc, tiêu biểu cho sức sống mãnh liệt và ý chí kiên cường, bất khuất của đồng bào Tây Nguyên trong công cuộc chống Mĩ cứu nước - hình tượng rừng xà nu. Miêu tả rừng xà nu thành một nền cảnh thiên nhiên hùng vĩ và tráng lệ cho cuộc chiến đấu anh hùng của dân làng Xô Man chống Mĩ, tô đậm chất sử thi hào hùng cho câu chuyện.  - Chọn cách thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước qua hình ảnh một tập thể nhân dân anh hùng, đó là dân làng Xô Man. Phát hiện ra vẻ đẹp riêng của từng con người trong thời kì chống Mĩ gắn với số phận, tính cách và phẩm chất của họ: cụ Mết (già làng), Dít (bí thư chi bộ), đặc biệt là Tnú.  - Chủ đề của truyện là chân lí của thời đại cách mạng: "Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo".  b. Những khám phá, sáng tạo của Nguyễn Thi trong Những đứa con trong gia đình.  - Chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong tác phẩm được thể hiện sắc nét trong truyền thống anh dũng, đáng tự hào của một gia đình. Tiêu biểu cho ý tưởng đó của tác giả là hình ảnh hai chị em Chiến và Việt.  - Chọn một gia đình để viết truyện, ý tưởng của nhà văn chính là để nói lên điều sâu xa: gia đình là tế bào của xã hội, một gia đình bình thường đã lần lượt như thế, thì cả miền Nam, cả nước sẽ như thế nào? Đó chính là sức mạnh của chủ nghĩa anh hùng cách mạng khi nó đã thấm sâu đến từng người dân, đặc biệt nó đầy ắp trong tim thế hệ trẻ.  - Nguyễn Thi rất hiểu con người miền Nam, đặc biệt là "kiểu người Út Tịch", sinh ra là để đánh giặc cứu nước, mà đã đánh giặc thì dũng cảm, gan góc không ai bằng. Vì thế, ông đã xây dựng rất thành công kiểu nhân vật đánh Mĩ trong gia đình, đặc biệt là Chiến và Việt.  **Câu 3:**  \* Tình huống truyện trong “Chiếc thuyền ngoài xa”: tình huống nhận thức.  Phát hiện thứ nhất - về cái tuyệt mĩ, tuyệt thiện:  - “Cảnh đắt trời cho”:  + Hình ảnh chiếc thuyền thơ mộng, thanh bình xuất hiện giữa bầu sương mù trằng như sữa lại pha chút hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào.  + Vài bóng người lớn lẫn trẻ con ngồi im như tượng trên chiếc mui khum khum đang hướng mặt vào bờ.  -> Là bức họa diệu kỳ do thiên nhiên, cuộc sống ban tặng cho con người; là sản phẩm quý hiếm của hóa công mà trong đời người nghệ sĩ nhiếp ảnh nào cũng khao khát được chứng kiến.  - Cảm nhận của người nghệ sĩ:  + Thấy rung động.  + Thấy tâm hồn mình được thanh lọc, gột rửa.  + Thấy hạnh phúc.  Phát hiện thứ hai – về hiện thực cuộc sống:  - Sự thật kinh ngạc:  + Đằng sau cái đẹp toàn mĩ là hiện thân của cái xấu, là hiện thực trần trụi: bước ra khỏi chiếc thuyền ngư phủ đẹp như mơ là người đàn bà xấu xí trạc ngoài 40 tuổi, rỗ mặt…Đi sau người đàn bà là người đàn ông cao lớn, dữ dằn, tấm lưng rộng và cong như lưng của một chiếc thuyền…  + Đằng sau cái đẹp được gọi là toàn thiện là hiện thân của cái ác, là cảnh tượng tàn nhẫn, điển hình của bạo lực gia đình: người đàn bà đi trước, người đàn ông lẳng lặng đi sau không nói câu nào…đột nhiên bỗng trở nên hùng hổ, mặt đỏ gay,…, dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp lên người của người đàn bà, người đàn bà đứng im không chống trả, đứa bé chạy ra…  -> Cảm nhận của nghệ sĩ Phùng: “kinh ngạc đến thẫn thờ”, “mấy phút đầu cứ đứng há mồm ra mà nhìn”, “chết lặng”…  \* Ý nghĩa của tình huống: Mang đến cho Phùng hững nhận thức về cuộc sống:  - Cuộc sống không hề đơn giản, xuôi chiều mà chứa đựng rất nhiều nghịch lý. Cuộc sống luôn tồn tại những điều tốt – xấu, thiện – ác.  - Đừng bao giờ nhầm lẫn hiện tượng và bản chất, đừng bao giờ nhầm lẫn giữa hình thức bề ngoài với nội dung thực chất bên trong, đừng vội đánh giá sự vật, con người ở dáng vẻ bên ngoài mà phải tìm hiểu thực chất bề sâu đằng sau vẻ ngoài ấy. |

***4. Củng cố:***  Giá trị nhân đạo của truyện ngắn Vợ chồng A Phủ, Vợ nhặt.

Ngày giảng: ngày 05 tháng 05 năm 2021

**TUẦN 34**

Tiết 67,68: **ÔN TẬP CUỐI KÌ II**

Ngày giảng: ngày 12 tháng 05 năm 2021

**TUẦN 35**

Tiết 69,70: **KIỂM TRA CUỐI KÌ II**